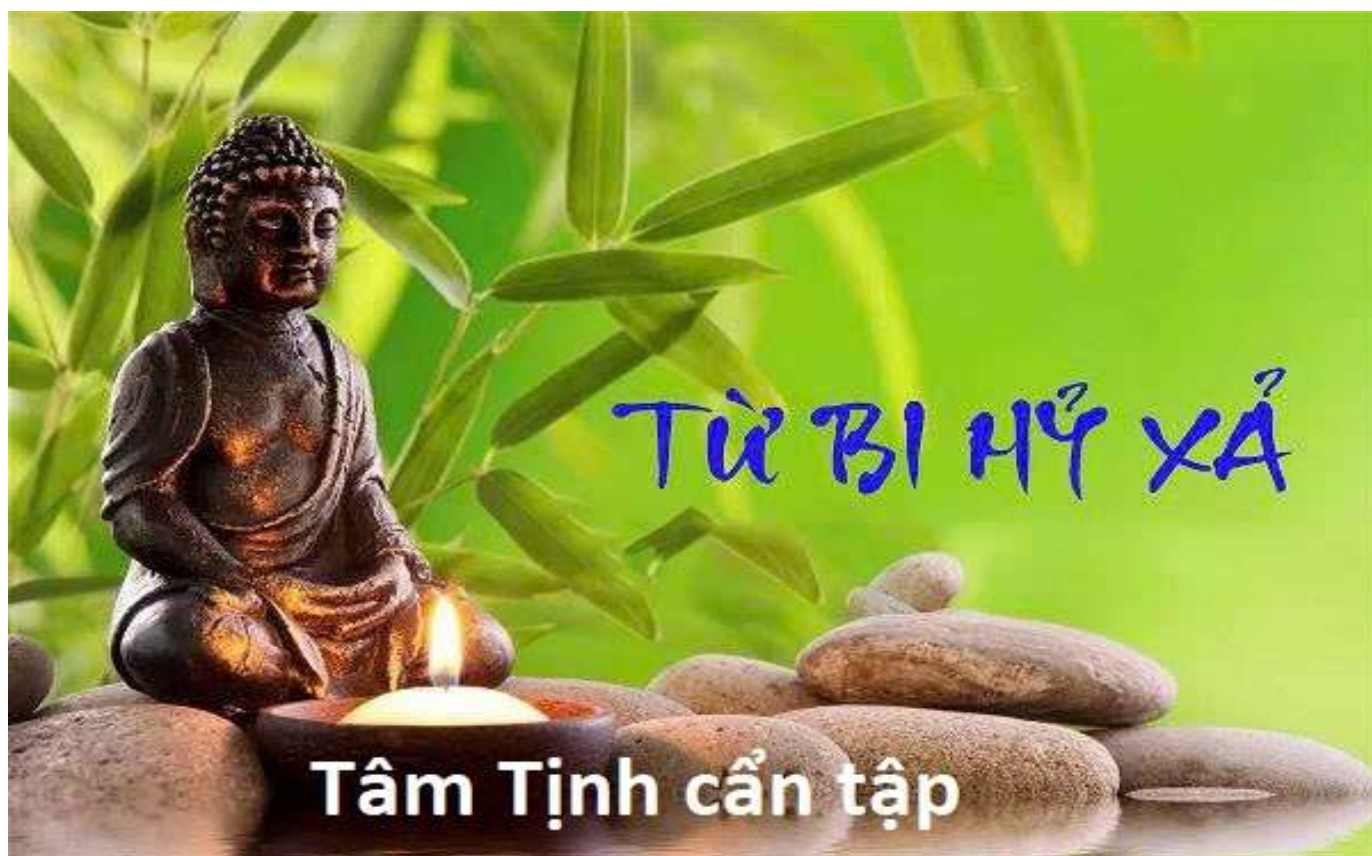


20 CÂU CHUYỆN TRONG TẠNG KINH PALI

SỪ BỊ

PHÉP MẦU KỲ DIỆU



20 CÂU CHUYỆN TRONG TẠNG KINH PALI

SỪ BỊ

PHÉP MÀU KỲ DIỆU

Tâm Tịnh cần tập

Thế giới ngày nay tràn đầy nỗi khổ và niềm đau do thiên tai, dịch bệnh, khủng bố, chiến tranh liên miên, khiến bá tánh lâm than, sinh linh đồ thán. Tất cả đều do nghiệp báo chiêu cảm vì vô minh, chấp trước của hữu tình chúng sanh: tham lam, tật đố, ganh tỵ, gièm pha, sân giận, phẫn nộ, hận thù, kiêu căng, bòn xén, ích kỷ, danh lợi, kiến chấp si mê gây ra.

Sầu bi, sợ hãi, bất an, căng thẳng, trầm uất vv là những nỗi thống khổ mà con người thời nay thường trực đối diện, khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt, điên cuồng. Bản chất của thế giới này là khổ, đặc biệt bất lạc khổ do bất thiện nghiệp, nghiệp báo do tham sân si sâu dày chi phối, và

càng ngày càng trở nên trầm trọng hơn bao giờ hết, vì được tích tập lâu ngày làm cho sung mãn trong môi trường cấu uế phàm tục này. Trên bình diện cá nhân, gia đình, hội đoàn, một sự trái ý cũng dễ dàng làm cho phát khởi những lời nói thô ác, phần nộ, gây khó chịu, khổ đau cho người và cho mình. Trên bình diện quốc gia, thế giới, sự bất đồng ý kiến, bất đồng quan điểm, đặc biệt của các nhà lãnh đạo của những quốc gia về địa chính trị, được xem như là một trong những căn nguyên, nguồn cội gây ra những xung đột, những cuộc chiến tranh khốc liệt giết hại tàn bạo lẫn nhau, gây khổ đau cho rất nhiều hữu tình mỗi ngày, liên tục và lâu dài.

Chính sự khổ đau nhiệt não ‘khốn cùng’ đầy nước mắt bi ai này của vô số hữu tình chúng sanh là nhân duyên thù thắng cho những người con Phật, những bậc hiền trí phát khởi lòng từ bi, trưởng dưỡng lòng từ bi, làm cho lòng từ bi sung mãn. Nhà Phật có câu “Bi năng bạt khổ”, nghĩa là Từ Bi không những giúp mình điều phục tâm sân, không làm hại mình, hại người trên nền tảng của chánh tư duy về bất hại, mà còn làm lắng dịu những khổ đau của chúng sanh, làm nguôi ngoai sự phẫn uất, căm giận, biến xấu thành tốt, hóa giải hận thù, xua tan nỗi sợ hãi, bất an trên tinh thần hiểu và thương, mang lại hạnh phúc cho con người, hòa bình cho thế giới, và bình an khắp muôn loài chúng sanh, thậm chí tâm từ bi thấm nhuần sâu lắng còn có thể ảnh hưởng tích cực đến cỏ cây



MƯỜI MỘT LỢI ÍCH CỦA TU TẬP TÂM TỪ

Này các tỳ-khưu, Từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tác thành cỗ xe, được tác thành căn cứ địa, được tiếp tục an trú, được tích tập, được khéo khởi sự thời được chờ đợi là **mười một lợi ích**. Thế nào là mười một?

(1) Ngủ an lạc, (2) thức an lạc, (3) không ác mộng, (4) được loài người ái mộ, (5) được phi nhân ái mộ, (6) chư thiên bảo hộ, (7) không bị lửa, thuốc độc, kiếm xúc chạm, (8) tâm được định mau chóng, (9) sắc mặt trong sáng, (10) mệnh chung không hôn ám; (11) nếu chưa thể nhập thượng pháp (A-la-hán quả), được A-na-hàm quả, sinh lên phạm thiên giới. (Tăng chi bộ, Chương XI Tâm Từ (AN 11.16) (Hòa thượng Thích Minh Châu dịch)

(Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Chuyện Bốn Sanh). Đó là phép màu kỳ diệu của lòng từ bi. Có thể thấy được phần nào diệu dụng của từ bi tâm qua 11 lợi ích của từ tâm giải thoát được ghi lại trong Tánh Điển Pali, Tăng Chi Bộ Kinh Anguttara Nikàya. Chương Mười Một Pháp như đoạn kinh văn sau:

Này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tác thành

cỗ xe, được tác thành căn cứ địa, được tiếp tục an trú, được tích tập, được khéo khởi sự thời được chờ đợi là mười một lợi ích. Thế nào là mười một?

Ngủ an lạc, thức an lạc, không ác mộng, được loài người ái mộ, được phi nhân ái mộ, chư Thiên bảo hộ, không bị lửa, thuốc độc, kiếm xúc chạm, tâm được định mau chóng, sắc mặt trong sáng, mệnh chung không hôn ám; nếu chưa thể nhập thượng pháp (A-la-hán quả); được sanh lên Phạm thiên giới. Này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tác thành cỗ xe, được tác thành căn cứ

địa, được tiếp tục an trú, được tích tập, được khéo khỏi sự thời được chờ đợi là mười một lợi ích.¹

Tiếp theo những bài kết tập ***Tâm từ bi là tâm giải thoát, Mười lý do nên tu tập từ bi quán, Từ bi hóa giải hận thù, quảng kết thiện duyên*** được chia sẻ rộng rãi, 20 câu chuyện về chủ đề **TỪ BI: PHÉP MẪU DIỆU KỲ** xin được giới thiệu nhằm giúp quý pháp hữu, thiện hữu có thêm tư liệu khả tín về chủ đề này. Qua đó, quý bạn hiền có thể rút ra những bài học về lòng từ bi, và ứng dụng để trưởng dưỡng tâm từ bi trong đời sống tu tập hàng ngày, làm lợi mình, lợi người, lợi cho Tam Bảo và vô số hữu tình chúng sanh. Những mẫu chuyện này được trích dẫn từ trong những bộ Kinh

¹ Những đệ tử chân chánh của Như Lai tu tập từ tâm viên mãn, bi tâm viên mãn mà vẫn còn tham luyến sự hỷ lạc do pháp hành thành thực này mang lại, thời sẽ chứng đạt tam quả Bất Lai A Na Hàm, và sau khi thân hoại mạng chung, sẽ tái sanh vào Phạm Chúng Thiên (do từ tâm giải thoát viên mãn), hay Quang Âm Thiên (do bi tâm giải thoát viên mãn). Sau khi thọ hưởng sự hỷ lạc trong các cõi trời sắc giới, họ chứng đạt Chánh Trí Giải thoát, A La Hán, và nhập vô dư niết bàn trong cảnh giới thù thắng đó (Tăng Chi Bộ Kinh – Chương Ba Pháp. Phẩm XIII. Sợ hãi/ hoặc Mười Một Cửa Giải Thoát. Tâm Tịnh cần tập [Online] <https://thuvienhoasen.org/a29855/muoi-motcua-giai-thoat>)

Nikàya, và Tích Truyện Kinh Pháp Cú, được phân chia thành 07 chương theo những đề mục cụ thể như Mục Lục sau đây:

MỤC LỤC

Chương 01 Từ Bi giúp chuyển ‘xấu’ thành ‘tốt’, tai qua nạn khỏi, hóa giải hận thù gồm 06 câu chuyện (Trang 11)

- Chuyện 01: Lòng Từ Bi của hoàng hậu Sàmvatì giúp tai qua nạn khỏi và hóa giải lòng hận thù của vua Udena (Nguồn: Tích Truyện Kinh Pháp Cú. II. Phẩm Phóng Dật. I. Chuyện luân hồi của Vua Udena. Phần Màngandiyà Âm Mưu Chống Lại Sàmvatì và Đức Phật_ Trang 12)
- Chuyện 02: Megha và 33 hiền nhân tai qua nạn khỏi nhờ rải lòng từ bi (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 31. Chuyện Tổ Chim Con, hoặc Tích Chuyện Kinh Pháp Cú. II Phẩm Không phóng dật, 7. Megha trở thành trời Đế Thích Sakka. Pháp Cú 30_ Trang 24)
- Chuyện 03 Nhờ rải lòng từ, vua hiền từ nhiếp phục vua cướp nước, tránh đưa 2 quốc gia vào cuộc chiến giết hại tàn khốc, mang lại hạnh phúc cho muôn dân của hai nước. (Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền thân số 282. Chuyện điều tốt nhất_ Trang 32)

- Chuyện 04 Thánh nữ dự lưu Uttarrà tai qua nạn khỏi nhờ rải lòng từ đến kỹ nữ Sirimà, người làm hại thánh nữ, hóa giải hận thù (Nguồn: Tích Truyện Kinh Pháp Cú. XVII. Phẩm Sân Hận. 3B Uttarrà & Sirimà. Pháp Cú 223_Trang 38)
- Chuyện 05: Thiên Đế Sakka vì lòng từ thà chết, không giết hại chúng sanh, không những giúp thoát nạn mà còn khiến vua Atalu thua trận (Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 31. Chuyện Tổ Chim Con, hoặc Tích Chuyện Kinh Pháp Cú. II Phẩm Không phóng dật, 7. Megha trở thành trời Đế Thích Sakka. Pháp Cú 30_Trang 45)
- Chuyện 06: Lòng từ bi của trưởng giả đã nhiếp phục kẻ trộm, hóa giải hận thù, không còn làm hại nữa (Nguồn: Tích Truyện Kinh Pháp Cú. X Phẩm Hình Phạt. 6. Ngạ quỷ hình trăn. 6A Chương Khổ Sumangala và Kẻ Trộm. Pháp Cú 136_Trang 52)

Chương 02 Rải lòng từ được chư thiên, dạ xoa, quỷ thần hộ trì, giúp đỡ (Trang 57)

- Chuyện 07: Tích truyện Kinh Lòng Từ - Mettà Sutta (Tích Truyện Kinh Pháp Cú. Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiểu Tụng. IX. Kinh Lòng Từ - Mettà Sutta; và Kinh Tập Sutta Nipata. Phẩm Răn. VIII Kinh Từ Bi_Sn25) (_Trang 58)

- Chuyện 08: Rải lòng từ cho các loài ác thú trong rừng (Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 203. Chuyện tu tập từ tâm (Tiền thân Khandha –Vatta. Trang 64)
- Chuyện 09: Rải lòng từ cho các loài thú, chư quỷ thần rừng sông núi (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 519. Chuyện Hoàng hậu Sambulà_Trang 71)

Chương 03 Vì Từ Bi, hy sinh bản thân để cứu đồng loại, được loài người, loài trời tôn kính, tán thán (Trang 86)

- Chuyện 10: Khỉ chúa, vì lòng từ bi, hy sinh bản thân để cứu đồng loại khỏi bị diệt vong, khiến vua thán phục, tán thán, xây tháp thờ xá lợi thượng thủ, bỏ trượng bỏ kiếm, không sát hại những loài vượn và muôn loài chúng sinh (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 407. Chuyện Đại Hài Vương_Trang 87)
- Chuyện 11: Nai Chúa vì lòng từ bi thế mạng cha mẹ, rải lòng từ khiến vua không thể bắn tên, tha chết cho cả đàn nai, từ bỏ săn bắn (từ bỏ sát hại chúng sanh), cùng toàn vương quốc thọ trì ngũ giới, bình an khắp muôn loài (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền thân số 385. Chuyện Lộc Vương hoan hỷ_Trang 100)

- Chuyện 12: Nai Hoàng Kim vì lòng từ bi cứu sống nạn nhân khỏi chết đuối, vì lòng từ bi tha chết cho kẻ vong ân, khiến đức vua cảm phục, không những cho Nai tự do mà còn từ bỏ sát hại mọi sinh linh vì điều ước của Nai Hoàng Kim xuất phát từ lòng từ, khuyến vua trị thiên hạ bằng thập vương pháp, mang lại bình an khắp muôn loài (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 482. Chuyện Lộc Vương_Trang 112)
- Chuyện 13: Ngựa thuần chủng Sindl, vì lòng từ hy sinh thân mạng để hóa giải hận thù cho tám vị vua, giúp nhân dân tám nước thoát cảnh tàn sát lẫn nhau, được sống trong hòa bình trong tình thân ái hòa hảo (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 23. Chuyện con ngựa thuần chủng_Trang 130)

Chương 04: Vì từ bi, nguyện cầu chân lý bằng giới đức thanh tịnh không sát sanh để cứu hữu tình thoát chết, hoặc vượt qua khổ nạn (Trang 138)

- Chuyện 14: Vì lòng từ, nguyện cầu chân lý bằng giới đức thanh tịnh không sát sanh để người phụ nữ sinh con vẹn toàn, không đau đớn khổ sở (Nguồn: Trung Bộ Kinh_Majjhima Nikàya 86. Kinh Angulimàla_Trang 139)

- Chuyện 15: Vị Thuyền Trưởng, vì lòng từ bi, nguyện cầu chân lý bằng giới đức về thân hành thanh tịnh không sát sinh để cứu 700 người lái buôn thoát nạn, khỏi bị dòng nước biển xoáy nhận chết chìm trong tuyệt vọng (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 463. Chuyện Trí Giả Suppàraka (*Tiền thân Suppàraka*_Trang 143)
- Chuyện 16: Vua cá, vì từ bi, nguyện cầu chân lý với giới đức thanh tịnh không sát sanh để cứu giống nòi khỏi bị diệt vong (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 75. Chuyện Con Cá (*Tiền thân Maccha*_Trang 158)

Chương 05: Cho dẫu bị làm hại, tổn tánh mạng, vẫn Từ Bi, không lòng giận, không phần uất không ác ý, được sinh thiên giới (Trang 167)

- Chuyện 17: 500 đảng cướp nhờ không phần uất, ác ý, không đánh trả trong cuộc rượt đuổi và giết hại của dân làng, được sinh thiên (Nguồn: Tích Truyện Kinh Pháp Cú. XXIV. Phẩm Tham Ái. 1. Con Cá Vàng_Trang 174)
- Chuyện 18: Vì lòng từ, hoặc vì tránh đọa địa ngục do bị giết chết trong sân hận (*liên hệ đến lời dạy của Thế Tôn khi chiến sỹ chết trận trong hận thù ác tâm...*), Những người của dòng họ Thích Ca không

hận thù, không ác ý, không làm hại mạng của quân lính nước Kosola trong cuộc tàn sát vì hận thù của vua Lưu Ly (Nguồn: Tích Truyện Kinh Pháp Cú. IV. Phẩm Hoa. Vua Vidùdabha trả thù dòng họ Thích Ca. Pháp Cú 47_Trang 181)

Chương 06: TỪ BI: An lạc, ngủ ngon, tâm giải thoát, tuệ giải thoát (Trang 198)

- Từ Bi Tâm Giải Thoát (Nguồn: Tăng Chi Bộ Kinh Anguttara Nikàya. Chương 4 Pháp & Chương 6 Pháp. Trung Bộ Kinh Majjhima Nikàya. Số 52. Kinh Bát Thành & Mười Một Cửa Giải Thoát- Tâm Tịnh_Trang 199)
- Chuyện 19: Chuyện Từ Bi Tâm (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh-Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 169. Chuyện Đạo Sư Araka_Trang 203)

Chương 07 TRỊ QUỐC AN DÂN BẰNG TÂM TỪ BI (Trang 208)

Chuyện 20: Đạo Trị Quốc: Bố thí, thân ái, công bình & thiện trị (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 468. Chuyện Đại Vương Janasandha_Trang 209)

Nguồn Tham Khảo (Trang 216)

Chương 01



*Chở Yêu Thương Vào
Lòng Hận Thù*

*Với hận diệt hận thù,
Đời này không có được,
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.*

(Tiểu Bộ Kinh. I. Phẩm Song Yếu. Pháp Cú 5)

Từ Bi

Chuyển xấu thành tốt

Tai qua nạn khỏi,

Hóa giải hận thù

Chuyện 01: Lòng Từ Bi của hoàng hậu Sàmvatì giúp tai qua nạn khỏi và hóa giải hận thù của vua Udena

(**Nguồn:** *Tích Truyện Kinh Pháp Cú. II. Phẩm Phóng
Dật. I. Chuyện luân hồi của Vua Udena. Phần
Màgandiyà Âm Mưu Chống Lại Sàmvatì và Đức Phật,
hoặc Theravada.vn [https://theravada.vn/hoang-
hau-samavati-va-phap-su-thi-nu-khujjuttara-lung-
gu-tiep-theo/](https://theravada.vn/hoang-hau-samavati-va-phap-su-thi-nu-khujjuttara-lung-gu-tiep-theo/)*)

....Nhà vua thấy rắn sợ chết khiếp, lửa giận phùng phùng, ông gầm lên:

- Chúng đã cả gan làm việc tà trời như vậy! Thật là tội lỗi! Ta đã không nghe *Màgandiyà* khi nàng kể ra nét xấu tật hư của chúng, nào là đục lỗ trên tường nhà để ngồi nhìn ở đó, bảo nấu gà cho ta thì chúng trả lại và hôm nay bỏ rắn lên giường ta.



Trong khi đó *Sàmvàvati* hết lời khuyên giải năm trăm cung nữ của nàng.

- Các bạn, **chúng ta không còn nơi nương tựa nào khác. Hãy thật tình yêu mến vua và hoàng hậu như thương chính mình. Đừng giận dữ bất cứ ai.**

Rồi nhà vua ra lệnh mang chiếc cung của mình, một cây cung khổng lồ phải một ngàn người mới khiêng nổi. **Để *Sàmvàvati* đứng trước còn tất cả**

cung nữ đứng nhắm ngay ngực *Sàmvàvati*, nhưng nhờ thần lực xuất phát từ lòng từ bi của bà, mũi tên quay ngược lại theo con đường đã đến, nhắm ngay tim nhà vua.

Vua thầm nghĩ: "Mũi tên này có thể xuyên qua cả tảng đá và không có vật gì trong trời đất này khiến nó quay mũi lại. Giờ đây nó đã

quay trở lại khi gặp *Sàmvatì*. Tuy vô tri giác và không có sự sống, nó vẫn biết *Sàmvatì* là con người hiền thiện, thế mà một vị vua, một con người như ta, lại không biết được". Vua ném cung đi, quỳ xuống trước *Sàmvatì*, hai tay dang ra, cung kính nói kệ:

Ta quá sức hoang mang bối rối

Bốn phương trời đảo lộn trong tâm

Sàmvatì hỡi, xin nàng che chở

Hãy làm nơi nương tựa cho ta.

Dưới đây là đoạn kinh văn liên quan đến lòng từ bi của thánh nữ cư sỹ *Sàmvatì*

Màgandiyà Âm Mưu Chống Lại *Sàmvatì* và Đức Phật

Một hôm, *Màgandiyà* rời cung điện đi bộ đến dãy phòng cung nữ, và ngạc nhiên khi thấy những lỗ hồng trên tường, hỏi ra mới biết là vì các cung nữ muốn chiêm ngưỡng và cung tán Phật. Bà muốn mưu hại *Sàmvatì* và Phật nên tâu với vua *Udena* là *Sàmvatì* và đám cung nữ tùy tùng sẽ phản bội vua, và trong vài hôm nữa sẽ hại mạng vua. Nhưng vua không tin. Bà cứ tâu tới tâu lui bên tai nhưng vua vẫn không tin. Bà bèn thỉnh vua đến khu vực của *Sàmvatì* chỉ những lỗ hồng trên tường. Vua hỏi tại sao và khi hiểu được lý do vua không nói lời nào, chỉ truyền lấp hết lỗ hồng và cho làm cửa sổ có một khoảng hở ở trên, tại tất cả các phòng. Người ta nói loại cửa sổ

hở bên trên ra đời từ đó. Không bơi nhỏ được *Sàvàvati* cùng các cung nữ, *Màgandiyà* quay sang tìm cách lãng nhục đức Phật. bà xúi giục những tên côn đồ đi sau Phật mắng nhiếc và nhục mạ Ngài với đủ lời lẽ nặng nề:

- Mi là một tên trộm, đồ ngu ngốc, đồ điên, đồ lạc đà, bò tót, đồ lừa, đồ ở địa ngục, đồ thú vật, mi không có hy vọng được giải thoát. Những trừng phạt sẽ đến với mi.

Tôn giả A-nan nghe những lời chửi bới quá thậm tệ, không chịu nổi, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Dân ở đây mắng nhiếc và nhục mạ chúng ta. Chúng ta hãy đi nơi khác!

- Ta sẽ đi đâu A-nan?

- Đến thành phố khác, thưa Thế Tôn.

- Nếu ở đó người ta cũng chửi mình thì sẽ đi đâu, A-nan?

- Sẽ đi chỗ khác nữa, thưa Thế Tôn.

- Nếu ở đó người ta cũng chửi mình nữa thì sao?

- Chúng ta lại đi đến chỗ khác, thưa Thế Tôn.

- A-nan đừng nói thế. Ở đâu có khó khăn thì giải quyết ở đó. Ôn thỏa rồi mới được phép đi nơi khác. Nhưng ai chửi ông, A-nan?

- Bạch Thế Tôn! Mọi người đều mắng nhiếc chúng ta, bọn côn đồ và cả đám dân kia.

- A-nan, Ta như con voi xông ra trận. Bốn phần của voi xông trận là hứng chịu những mũi tên từ bốn phía. Đúng thế, bốn phần của ta là kham nhẫn những lời nói độc ác.

Rồi Phật thuyết pháp về chính Ngài với ba pháp cú như sau trong phẩm Voi:

*(320) Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.*

*(321) Voi luyện đưa dự bội,
Ngựa luyện được vua cưới.
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.*

*(322) Tốt thay con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sindh [*].
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.*

[] loài ngựa đẹp ở vùng sông Sindha, Ấn Độ*

Bài pháp đã đem lại lợi ích cho những người lúc ấy đang tụ tập chung quanh. Rồi đức Phật khuyên A-nan.

- A-nan, đừng phiền muộn. Những người này chỉ mắng nhiếc ông trong bảy ngày, đến ngày thứ tám họ sẽ yên lặng. Khó khăn đến với Phật không kéo dài quá bảy ngày.

Màgandiyà tuy thất bại trong âm mưu đẩy Phật rời khỏi thành, vẫn không lùi bước. Bà lập kế hại bọn cung nữ kính tín Phật. Bà dặn chú của bà là thầy Tư tế trong cung mang theo tám con gà sống và tám con gà chết vào hầu vua, lúc đó đang uống rượu với bà. Người chú vào cung, đến bậc thềm cao nhất thì đứng ở đó, không muốn vào chôn ngựa ảm. Bà liền bảo tiểu đồng đến đó lấy tám con gà sống dâng vua và xúi vua ra lệnh cho cung nữ của *Sà-mà-và-tì* nấu nướng dâng lên vua. Vua chuẩn tấu. Tiểu đồng y lệnh ra đi rồi trở về tâu lời của các cung nữ.

- Chúng ta không giết hại sinh vật.

Màgandiyà lại tiếp tục ton hót:

- Đại vương! Muốn biết họ có thật sự giết hại sinh vật hay không, xin bệ hạ cứ bảo nấu nướng gửi đến Sa-môn Cồ-đàm.

Vua nghe theo, lại sai tiểu đồng đi đến các cung nữ lần nữa. Nhưng lần này chú mang tám con gà sống đến thầy Tư tế trước để đổi lấy tám con gà chết rồi mới giao lệnh vua đến các cung nữ.

- Vua ra lệnh nấu những con gà này dâng đức Phật.

Lần này họ nhận lời.

- Dĩ nhiên, đây là bốn phận của chúng tôi.

Tiểu đồng trở về tâu lại đúng như vậy. *Màgandiyà* không bỏ lỡ dịp gièm pha với vua.

- Đại vương thấy chưa! Họ không làm theo ý Ngài, mà chỉ hướng về người khác.

Nhưng vua vẫn giữ yên lặng, tha thứ cho họ. *Màgandiyà* tức tối nhưng không biết làm gì hơn đành cố nuốt hận chờ dịp khác.

Nhà vua có thói quen đến với mỗi hoàng hậu bảy ngày. Biết rằng ngày hôm sau vua sẽ đến cung của *Sàmàvatì*, *Màgandiyà* nhắn người chú gọi cho bà một con rắn đã tẩm thuốc độc vào răng. Đi đâu vua *Udena* vẫn mang theo cây đàn dùng chú thuật lũ voi, trong bao đàn có thùng một lỗ, và bà đã bỏ con rắn vào đó song bít lại với một bó hoa.

Khi vua sắp đi đến cung *Sàmàvatì*, bà bèn kể cơn mộng dữ và xin can vua đừng đến đó. Vua không nghe. Bà lại đòi đi theo, dù nhà vua không đồng ý

lắm. Được *Sàmvatì* và cung nữ hầu cận mặc y phục, xông ướp hương hoa và trang sức xong, vua ăn uống thân mật và lên giường, để đàn bên gối. *Màgandiyà* giả vờ đi tới lui, thừa lúc không ai để y rút bó hoa trong cây đàn ra. Con rắn đã bị bỏ đói trước đó mấy ngày, trườn ngay khỏi lỗ thùng, ngóc đầu và rít lên, cuốn mình trên đầu giường. *Màgandiyà* làm như bất ngờ thấy con rắn hoảng hốt la lên:

- Ô! Đại vương, con rắn kia!

Và bà cảm râm, trách móc:

- Ông vua đại đột, xui xẻo này chẳng chịu nghe ta nói gì cả. Những tên vô lại này thật không biết hổ thẹn, chúng làm như không nhận được ân huệ gì của vua mà còn muốn vua chết để sống sung sướng. Nhưng khi nào vua còn sống thì chúng sẽ còn chột vạt. Đại vương, thiếp đã báo động về cơn ác mộng và đã can Ngài đừng đến cung *Sàmvatì*, mà Ngài nào có nghe đâu!

Nhà vua thấy rắn sợ chết khiếp, lửa giận phùng phùng, ông gầm lên:

- Chúng đã cả gan làm việc tà trời như vậy! Thật là tội lỗi! Ta đã không nghe *Màgandiyà* khi nàng kể ra nét xấu tật hư của chúng, nào là đục lỗ trên tường nhà để ngồi nhìn ở đó, bảo nấu gà cho ta thì chúng trả lại và hôm nay bỏ rắn lên giường ta.

Trong khi đó *Sàmvatì* hết lời khuyên giải năm trăm cung nữ của nàng.

- Các bạn, chúng ta không còn nơi nương tựa nào khác. Hãy thật tình yêu mến vua và hoàng hậu như thương chính mình. Đừng giận dữ bất cứ ai.

Rồi nhà vua ra lệnh mang chiếc cung của mình, một cây cung khổng lồ phải một ngàn người mới khiêng nổi. Để *Sàràvatì* đứng trước còn tất cả cung nữ đứng nhắm ngay ngực *Saamaavatii*, nhưng nhờ thần lực xuất phát từ lòng từ bi của bà, mũi tên quay ngược lại theo con đường đã đến, nhắm ngay tim nhà vua.

Vua thầm nghĩ: "Mũi tên này có thể xuyên qua cả tảng đá và không có vật gì trong trời đất này khiến nó quay mũi lại. Giờ đây nó đã quay trở lại khi gặp *Sàràvatì*. Tuy vô tri giác và không có sự sống, nó vẫn biết *Sàràvatì* là con người hiền thiện, thế mà một vị vua, một con người như ta, lại không biết được". Vua ném cung đi, quỳ xuống trước *Sàràvatì*, hai tay dang ra, cung kính nói kệ:

*Ta quá sức hoang mang bối rối
Bốn phương trời đảo lộn trong tâm
Sàràvatì hỡi, xin nàng che chở
Hãy làm nơi nương tựa cho ta.*

Sàràvatì, đệ tử của đấng Đại Giác cũng đáp lại bằng bài kệ:

*Đừng tìm nương tựa nơi tôi,
Hãy tìm nương tựa ở nơi Phật-đà*

*Đấng Vô Thượng; Ngài chính là
Người tâm tôi hướng tới mà nấu nướng.
Đại vương nương đáng pháp vương
Tôi xin nương tựa đại vương một lòng.*

Nhưng nỗi sợ hãi của vua cứ gia tăng khiến vua phải lặp lại kế xin nương tựa nơi *Sàmvàtì*. Bà cương quyết từ chối. Cuối cùng vua bằng lòng.

- Vậy thì, ta xin nương tựa nơi nàng và nơi đức Đạo sư, ta sẽ ban ơn cho nàng.

Bà hoan hỷ;

- Tôi xin nhận.

Nhà vua đến chỗ Phật xin quy y và thỉnh Phật nhận cúng dường rộng rãi trong bảy ngày. Rồi quay sang *Sàmvàtì*, vua bảo;

- Hãy đứng lên và chọn gì tùy ý.

- Đại vương, tôi không cần vàng bạc, nhưng chúng tôi xin đặc ân này. Xin Ngài sắp xếp sao cho Thế Tôn có thể đến đây mỗi ngày cùng với năm trăm Tỳ-kheo để tôi được nghe pháp.

Nhà vua quay lại đánh lễ Phật và cung thỉnh Phật cùng với năm trăm Tỳ-kheo. Vì Phật không thể đến hoài một chỗ trong khi nhiều nơi cần, nên Ngài gọi Trưởng lão A-nan đến hoàng cung mỗi ngày.

Hôm đó, như thường lệ, họ dâng thức ăn và lắng nghe Trưởng lão thuyết pháp. Lòng tràn đầy an lạc, họ dâng lên Trưởng lão năm trăm bộ y vàng đang khoác trên vai, mỗi bộ trị giá năm trăm đồng tiền. Khi nhà vua không thấy họ khoác y vàng, hỏi ra biết đã dâng cúng, liền đến Trưởng lão hỏi tiếp;

- Bạch Tôn giả! Ngài làm gì với số y nhiều thế?

- Tôi sẽ giữ đủ số y cần thiết, số còn lại sẽ trao cho những vị đã rách y.

- Những vị đó làm gì với y rách?

- Với những y rách nát đó họ sẽ làm gì?

- Làm khăn trải giường.

- Còn khăn trải giường cũ?

- Làm thảm chùi chân.

- Còn tấm thảm cũ?

- Sẽ làm khăn lau chân.

- Rồi khăn lau chân cũ?

- Sẽ được cắt ra từng mảnh nhỏ trộn với hồ để trét vách.

- Như vậy, bạch Tôn giả, dù tất cả y đều dâng lên Tôn giả, nhưng không phung phí.

- Hoàn toàn đúng vậy, thừa đại vương.

Nhà vua hài lòng đến nỗi truyền đem thêm năm trăm y đặt dưới chân Trưởng lão. (Tục truyền rằng Trưởng lão đã từng nhận một ngàn chiếc y trị giá năm trăm đồng tiền đến một trăm ngàn lần, một ngàn chiếc y trị giá một ngàn đồng tiền đến một ngàn lần, một ngàn chiếc y trị giá một ngàn đồng tiền đến một trăm lần. Với số y lẻ tẻ, từ một, hai...đến mười thì Ngài nhận không kể nổi. Đến khi đức Phật nhập diệt, trưởng lão A-nan du hành khắp xứ Diêm-phù-đề, và Ngài đã tặng Tỳ-kheo trong các tinh xá y bát của chính Ngài)

Chuyện 02: Megha và 33 hiền nhân tai qua nạn khỏi nhờ rải lòng từ bi

(**Nguồn:** *Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 31. Chuyện Tổ Chim Con, hoặc Tích Chuyện*

Kinh Pháp Cú. II Phẩm Không phóng dật. 7. Megha trở thành trời Đế Thích Sakka. Pháp Cú 30)

Người thôn trưởng bắt họ (những người từ thiện chơn hiền) trói lại, dẫn họ đến và báo với vua:

- Thưa Thiên tử, những người ăn cướp đã được dẫn đến.



Không điều tra việc làm của họ, vua nói:

- Hãy đem chúng cho voi chà!

Vua bắt tất cả những người ấy nằm xuống trên sân vua và đem voi lại.

Bồ-tát khuyên bảo họ:

- Các bạn hãy hành trì giới. Hãy khởi lòng từ đối với kẻ vu cáo, đối với vua, đối với con voi, đối với tự thân đều giống nhau.

Họ làm như lời khuyên ấy.

Các người của vua đem voi đến để chà họ chết. Con voi được dắt đến nhưng không lại gần, chỉ rống to rồi bỏ chạy. Họ lại đem con voi khác nữa. Tất cả đều bỏ chạy như vậy. Vua nghĩ: "Chắc trong tay họ có thuốc trường sanh!" và vua ra lệnh soát. Sau khi soát không thấy gì, họ thưa lên với vua:

- Vậy chắc họ có độc bùa chú.

- Hãy hỏi họ.

Những người của vua hỏi, Bồ-tát trả lời:

- Có.

Họ thưa lại với vua.. Vua cho gọi tất cả bọn họ đến và bảo:

- Hãy đọc bài chú của các người.

Bồ-tát trả lời:

- Thưa Thiên tử, chúng tôi không biết bùa chú gì khác. Nhưng ba mươi ba người chúng tôi không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh, không nói láo, không uống rượu. Chúng tôi khởi lòng từ, chúng tôi bố thí, chúng tôi san bằng đường sá, chúng tôi đào ao hồ, chúng tôi xây phòng ốc. Đây là bùa chú của chúng tôi, là sức mạnh của chúng tôi.

Vua rất bằng lòng với họ, liền cho họ tất cả gia sản của người vu cáo, bắt người vu cáo làm nô lệ cho họ, rồi cho họ cả đàn voi và ngôi làng.

**Sau đây là đoạn kinh văn trích từ Tiểu Bộ Kinh
Khuddaka Nikàya. Tiền thân số 31. Chuyện Tổ Chim
Con liên quan đến lòng từ bi vượt qua tai nạn:**

Thuở xưa, trong nước Ma-kiệt-đà, tại thành Vương Xá, có một vị vua

Ma-kiệt-đà trị vì. Cũng như nay, Đế Thích (Thiên chủ Sakka) trong một đời sống trước đã sanh ra trong làng Macala ở nước Ma-kiệt-đà. Thời đó, Bồ-tát được sanh làm con trai một đại gia đình quý tộc cùng ở trong làng Macala ấy. Vào ngày đặt tên, Bồ-tát được đặt tên là hoàng tử Magha; khi lớn lên có tên là Maghamanava (thanh niên Magha).

Cha mẹ, cưới cho Bồ-tát một người vợ từ một gia đình có môn đăng hộ đối. Bồ-tát cùng với con trai, con gái lớn lên, thường hay bố thí, và giữ gìn Năm giới, trong làng ấy có ba mươi gia đình. Và những người trong ba mươi gia đình ấy, một hôm, đứng ở giữa làng bàn bạc giải quyết những vấn đề ở trong làng.

Bồ-tát, tại chỗ mình đứng, dùng chân quét sạch bụi làm chỗ ấy trở thành tốt đẹp và đứng đó. Rồi một người khác đến, đứng thế chỗ ấy. Bồ-tát lại làm một chỗ khác, một chỗ khác, cho đến khi chỗ đứng cho tất cả mọi người trở thành tốt đẹp.

Trong một thời khác, Bồ-tát dựng một cái lều, sau đó dẹp lều, rồi dựng một phòng lớn, trong ấy có đặt ghế giường và ghè nước.

Trong một thời khác, ba mươi người² ấy do Bồ-tát hướng dẫn trở thành dân tốt như mình. Bồ-tát thường cùng đi với họ làm các công đức như: sáng sớm thức dậy, với rìu nhỏ, búa, chùy cầm tay, đến ngã tư đường, họ đập với cái chùy, làm bật lên những hòn đá, đẩy đá qua một bên, dọn dẹp những cây va chạm vào trục xe, san bằng con đường gồ ghề, xây cầu, đào ao hồ, dựng phòng ốc, bố thí và giữ giới. Như vậy, phần lớn toàn dân trú trong làng vâng theo lời khuyên dạy của Bồ-tát, giữ gìn các giới.

Người thôn trưởng suy nghĩ về họ: "Trước đây, khi những người này uống rượu, sát sanh v.v..., ta lấy được nhiều tiền, nào tiền rượu, tiền phạt, tiền cúng. Nay thanh niên Magha khiến họ giữ giới, nên họ không còn sát sanh nữa, v.v... Nay ta sẽ làm cho họ từ bỏ Năm giới".

Kẻ ấy phần nộ đi đến hầu vua và thưa:

- Tâu Thiên tử, có một đoàn ăn cướp, đang phá xóm làng và làm nhiều tội ác!

² Theo Tích Truyện Kinh Pháp Cú. II Phẩm Không Phóng Dật. 7. Megha trở thành Thiên Đế Thích Sakka, có tổng 33 người cùng với Bồ Tát, và sau khi làm những thiện sự ở cõi đời và mạng chung đồng tái sanh lên cõi trời: Bồ Tát làm Thiên chủ Sakka và 33 hiền thân thành 33 thiên tử, nên có tên gọi là Trời Ba Mươi Ba (Tích Truyện Kinh Pháp Cú Tập I. Trang 284. NXB Hồng Đức, 2022)

Vua nghe kẻ ấy nói như vậy, liền bảo:

- Hãy đi và dẫn chúng đến!

Người thôn trưởng bắt họ trối lại, dẫn họ đến và báo với vua:

- Thưa Thiên tử, những người ăn cướp đã được dẫn đến.

Không điều tra việc làm của họ, vua nói:

- Hãy đem chúng cho voi chà!

Vua bắt tất cả những người ấy nằm xuống trên sân vua và đem voi lại.

Bồ-tát khuyên bảo họ:

- Các bạn hãy hành trì giới. Hãy khởi lòng từ đối với kẻ vu cáo, đối với vua, đối với con voi, đối với tự thân đều giống nhau.

Họ làm như lời khuyên ấy.

Các người của vua đem voi đến để chà họ chết. Con voi được dắt đến nhưng không lại gần, chỉ rống to rồi bỏ chạy. Họ lại đem con voi khác nữa. Tất cả đều bỏ chạy như vậy. Vua nghĩ: "Chắc trong tay họ có thuốc

trường sanh!" và vua ra lệnh soát. Sau khi soát không thấy gì, họ thưa lên với vua:

- **Vậy chắc họ có đọc bùa chú.**

- **Hãy hỏi họ.**

Những người của vua hỏi, Bồ-tát trả lời:

- **Có.**

Họ thưa lại với vua.. Vua cho gọi tất cả bọn họ đến và bảo:

- **Hãy đọc bài chú của các người.**

Bồ-tát trả lời:

- **Thưa Thiên tử, chúng tôi không biết bùa chú gì khác. Nhưng ba mươi người chúng tôi không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh, không nói láo, không uống rượu. Chúng tôi khởi lòng từ, chúng tôi bố thí, chúng tôi san bằng đường sá, chúng tôi đào ao hồ, chúng tôi xây phòng ốc. Đây là bùa chú của chúng tôi, là sức mạnh của chúng tôi.**

Vua rất bằng lòng với họ, liền cho họ tất cả gia sản của người vu cáo, bắt người vu cáo làm nô lệ cho họ, rồi cho họ cả đàn voi và ngôi làng. Từ đấy trở đi, họ làm các công đức theo sở thích của họ, họ gọi thợ mộc để xây dựng một phòng họp lớn tại ngã tư đường... (Hết trích)



Chuyện 03

Nhờ rải

lòng từ,

vua hiền từ đã nhiếp
phục vua cướp nước

(**Nguồn:** *Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền thân số 282. Chuyện điều tốt nhất*)

*Ông vua kia đã đến đây, phá hoại xứ sở để mong chiếm lấy Ba-na-lại.
Xin cho chúng thần đi bắt ông ta!*

*- Ta không muốn giữ vương quốc bằng cách giết hại - vua
bảo - Đừng làm gì cả.*

Ông vua cướp nước kia bao vây thành phố. Các đại thần lại đến gần vua và nói:

- Tâu Đại vương, xin hãy lưu tâm. Hãy cho phép chúng thần bắt ông ta!

- Không được làm gì cả - vua phán - Hãy mở các cổng thành.

Rồi vua đoan nghiêm ngồi trên bệ, giữa các đại thần của triều đình.

Vua cướp nước vào thành, hạ các người giữ cổng rồi vào cung điện.

*Nơi đây, ông bắt giữ vua và các triều thần, trói xích lại rồi tống tất cả vào ngục. **Vua ngồi trong ngục thương xót kẻ cướp nước***

kia, nổi xót xa cùng cực trào dâng trong ngài. Do lòng

thương xót kia mà ông vua nọ bỗng cảm thấy giày vò bứt

rứt trong thân, cả người như bị thiêu đốt gấp hai lần lửa

***bông. Bị ray rứt xốn xang vì trọng tội,** ông ta hỏi các cận thần vì sao như vậy.*

Họ trả lời:

- Ngài đã bắt giam một vị vua công chính, do thế mà ngài bị như thế kia.

Ông ta liền đến xin Bô-tát thứ lỗi, giao trả lại vương quốc

Sau đây là toàn bộ chuyện 282

Ngày xưa khi Brahmadata là vua xứ Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là con của chánh hoàng hậu. Ngài lớn lên và được giáo dục tại Takkasilà; khi vua cha mất ngài lên ngôi và giữ đúng mười điều luật của một vị vua; ngài bố thí, hành thiện và chấp trì ngày trai giới.

Một quan đại thần kia đã thông gian trong đám cung phi của vua. Các tôi tớ biết được và kể cho vua nghe, một người nọ đang tiến hành một âm mưu. Nhà vua khám phá ra đúng sự thật của việc ấy rồi gọi ông ta lại:

- Đừng bao giờ để cho ta thấy mặt ngươi nữa.

Vua bảo thế rồi đuổi ông ta đi. Ông quan bỏ đi đến triều đình của một vị vua láng giềng, thế rồi mọi sự việc xảy ra như đã tả ở số 51 Tiền thân Mahàsilava. Ở đây cũng thế, vị vua này ba lần thử ông, tin theo ông và dẫn một đạo quân lớn đến Ba-la-nại để mong xâm chiếm. Được tin ấy, các tướng lãnh của vua Ba-la-nại gần năm trăm vị đã nói với vua:

- Ông vua kia đã đến đây, phá hoại xứ sở để mong chiếm lấy Ba-na-lại. Xin cho chúng thần đi bắt ông ta!

- Ta không muốn giữ vương quốc bằng cách giết hại - vua bảo - Đừng làm gì cả.

Ông vua cướp nước kia bao vây thành phố. Các đại thần lại đến gần vua và nói:

- Tâu Đại vương, xin hãy lưu tâm. Hãy cho phép chúng thần bắt ông ta!

- Không được làm gì cả - vua phán - Hãy mở các cổng thành.

Rồi vua đoan nghiêm ngồi trên bệ, giữa các đại thần của triều đình.

Vua cướp nước vào thành, hạ các người giữ cổng rồi vào cung điện.

Nơi đây, ông bắt giữ vua và các triều thần, trói xích lại rồi tống tất cả vào ngục. Vua ngồi trong ngục thương xót kẻ cướp nước kia, nỗi xót xa cùng cực trào dâng trong ngài. Do lòng thương xót kia mà ông vua nọ bỗng cảm thấy giày vò bứt rứt trong thân, cả người như bị thiêu đốt gấp hai lần lửa bỏng. Bị ray rứt xoắn xang vì trọng tội, ông ta hỏi các cận thần vì sao như vậy.

Họ trả lời:

- Ngài đã bắt giam một vị vua công chính, do thế mà ngài bị như thế kia.

Ông ta liền đến xin Bô-tát thứ lỗi, giao trả lại vương quốc. Ông nói:

- Vương quốc của ngài phải là của riêng ngài. Từ nay về sau, xin hãy để các kẻ thù của ngài cho tôi lo liệu.

Rồi ông trừng phạt quan cố vấn xấu xa kia và quay trở về thành phố của mình.

Bồ-tát nghiêm trang ngồi trên bệ cao, trong lễ phục giữa đám triều thần, đọc cho họ nghe hai bài kệ sau:

Điều tốt nhất các khanh nên biết:

Việc tốt hơn hãy quyết lòng làm,

Kẻ kia, ta đối thiện tâm

Nên ta cứu tử được năm trăm người.

Khuyên các khanh, với đời hãy tỏ

Vẻ khoan dung đức độ, hiền hòa,

Cõi trời, vào hết chẳng riêng

Dân Cà-si hỡi, hãy liền nghe ta.

Như vậy, bậc Đại Sĩ ca ngợi đức hạnh về lòng từ bi đối với đại chúng. Sau đó, ngài rời ngai vàng trong kinh thành đồ sộ Ba-la-nại; rộng tới mười hai dặm để đi vào dãy Hy-mã-lạp Sơn và sống đời tu hành.

Bậc Đạo Sư với Trí tuệ Toàn hảo, đọc văn kệ thứ ba:

Ta là Đại đế Ba-la-nại
Vua Kam-sa, có bấy nhiêu lời:
Cung tên ta đã bỏ rồi,
Thành người tự thắng, ta thời nên công.

*

Khi bậc Đạo Sư kể xong Pháp thoại này, Ngài nhận diện Tiền thân:

- Bấy giờ, Ànanda là ông vua cướp nước kia, còn vua xứ Ba-la-nại chính là Ta vậy.



Chở yêu
thương
vào lòng
hồn giận

*Lấy không giận thắng giận,
Lấy thiện thắng không thiện,
Lấy thí thắng xan tham,
Lấy chơn thắng hư ngụy.*

Tiểu Bộ Kinh Nikàya, XVII. Phẩm Phần Nộ, Pháp Cú 223

Chuyện 04

Thánh nữ dự

lưu Uttarrà, tai

qua nạn khỏi nhờ rả

lòng từ đến kỹ nữ

Sirimà, hóa giải hận thù

(**Nguồn:** *Tích Truyện Kinh Pháp Cú. XVII. Phẩm
Sân Hận. 3B Uttarrà & Sirimà. Pháp Cú 223*)

*Sirimà cảm thấy ghét Uttarrà muốn làm cho nàng
khổ sở đau đớn. Cô chạy xuống lầu, đi vào nhà*

bếp, đến bên chảo bánh, mức một muỗng bơ đang sôi tiến về phía Uttarà. Uttarà thấy cô đi tới nhưng vẫn nói:

*- Cô bạn đã giúp tôi rất nhiều. Trái đất này có thể nhỏ hẹp, cõi trời Phạm có thể chấp, nhưng lòng tốt của cô lớn lao hơn nhiều. Nhờ cô, tôi được rảnh để cúng dường và nghe pháp, **nếu tôi nổi giận với cô tôi sẽ bị cháy bỏng. Nếu không, nó không làm hại tôi.***

Nói như thế, và Uttarà hướng tâm thương yêu về phía đối thủ. Khi Sirimà tạt muỗng bơ đang sôi lên đầu nàng, nó giống như nước lạnh. Sirimà mức luôn muỗng thứ..

Sau đây là toàn bộ câu chuyện giữa Uttarrà & Sirimà

Từ khi về nhà chồng Uttarà không có dịp gặp gỡ chư vị Tỳ-kheo Tăng Ni, hoặc cúng dường, hoặc nghe pháp. Hai tháng rưỡi trôi qua, nàng hỏi người hầu.

- Mùa an cư còn bao lâu?

- Thừa phu nhân, nửa tháng nữa.

Uttarà nhắn tin về cha nàng: "Tại sao lại nhốt con trong cái nhà như vậy? Thà là đánh con, chửi con hơn gả con cho một gia đình như thế. Từ ngày về đây, con không được gặp một vị Sa-môn nào, chẳng có dịp làm một công đức nhỏ".

Cha nàng được tin, buồn bã nói:

- Ôi! Con ta bất hạnh quá!

Ông gửi cho nàng mười lăm ngàn kèm theo lời nhắn tin: "Trong thành này có cô kỹ nữ tên là *Sirimà*, một đêm một ngàn. Với số tiền này, con đưa cô ấy về cho chồng con, để thay con. Và con sẽ có thời giờ làm việc phước".

Uttarà gọi *Sirimà* đến, cho tiền, đề nghị làm bạn với chồng mình. Chồng của *Uttarà* cũng say mê nhan sắc của *Sirimà* nên đồng ý, để *Uttarà* tự do đi cúng dường và nghe pháp.

Uttarà thỉnh chư Tăng và đức Phật:

- Bạch Thế Tôn, bắt đầu ngày nay xin thọ trai ở nhà con.

Được Phật nhận lời, nàng vui sướng nghĩ thầm: "Từ ngày mai trở đi cho đến ngày Tự Tứ, ta được dịp hầu hạ đức Phật và nghe pháp". Và nàng bảo nhà bếp chuẩn bị thức ăn cần thiết: "Hãy nấu món này, hãy làm bánh này".

Một hôm, vào ngày trước lễ Tự Tứ, chồng *Uttarà* đứng ở cửa sổ phòng mình nhìn vào nhà bếp, nghĩ thầm:

- Cô vợ khùng này đang làm gì kia?

Khi thấy *Uttarà* đi tới đi lui, mình mẩy đầm mồ hôi, dính đầy tro bụi mồ hóng.. y nói thầm: "A, ở một chỗ như nhà mình mà con nhỏ đó không thích xa hoa, tiện nghi, chỉ thích nấu nướng cúng kính các thầy tu trọc đầu", y bật cười rồi bỏ đi. *Sirimà* đứng gần đó thấy vậy, tự hỏi: "Ông ấy thấy ai mà cười?". Nhìn qua cửa sổ thấy *Uttarà*, *Sirimà* ghen tức "Chỉ vì thấy bà ta thôi, giữa họ vẫn còn tình tứ lắm" (Dù *Sirimà* sống nửa tháng trong nhà ấy như một nàng hầu, chóa mắt vì sự xa hoa lộng lẫy, nàng quên mình chỉ là nàng hầu mà tưởng mình là nữ chủ).

Sirimà cảm thấy ghét *Uttarà* muốn làm cho nàng khổ sở đau đớn. Cô chạy xuống lầu, đi vào nhà bếp, đến bên chảo bánh, múc một muổng bơ đang sôi tiến về phía *Uttarà*. *Uttarà* thấy cô đi tới nhưng vẫn nói:

- Cô bạn đã giúp tôi rất nhiều. Trái đất này có thể nhỏ hẹp, cõi trời Phạm có thể chấp, nhưng lòng tốt của cô lớn lao hơn nhiều. Nhờ cô, tôi được rảnh để cúng dường và nghe pháp, **nếu tôi nổi giận với cô tôi sẽ bị cháy bỏng. Nếu không, nó không làm hại tôi.**

Nói như thế, và *Uttarà* hướng tâm thương yêu về phía đối thủ. Khi *Sirimà* tạt muống bơ đang sôi lên đầu nạng, nói giống như nước lạnh. *Sirimà* múc luôn muống thứ hai..

Các bà gia nhân của *Uttarà* thấy thế, la lên: - Cút đi! Đồ ngu! Mày có quyền gì mà chế bơ vào đầu chủ tao.

Họ xúm lại đánh đập, đá thoi, xô *Sirimà* xuống đất. *Uttarà* cố gắng can ngăn mà không được. Nàng đứng chắn trước *Sirimà*, đẩy gia nhân ra, hỏi han *Sirimà*: - Sao cô hành động hung bạo thế?

Nàng đỡ *Sirimà* dậy, tắm rửa bằng nước nóng, lấy dầu loại quý thoa cho. Lúc ấy, *Sirimà* mới chợt nhớ mình chỉ là nàng hầu, tự nhủ: "Thật là một hành động thô bỉ khi ta đổ bơ nóng lên đầu nàng chỉ vì chồng nàng cười với nàng. Và nàng, thay vì ra lệnh cho gia nhân trói ké ta lại, nàng lại đuổi họ đi khi họ đánh đập ta, rồi hết sức chăm sóc

ta. Nếu ta không xin lỗi nàng, đầu ta sẽ bể làm bảy mảnh". *Sirimà* quỳ dưới chân *Uttarà* nói:

- Phu nhân, hãy tha lỗi cho tôi.

Uttarà trả lời:

- Tôi là con của cha tôi, nếu cha tôi tha lỗi cho cô, tôi sẽ tha lỗi.

- Lành thay, phu nhân. Tôi sẽ xin lỗi cha nàng, Trưởng giả *Punna*.

- *Punna* là cha thế gian của tôi. Nếu người cha xuất thế gian của tôi tha lỗi cho cô, tôi sẽ tha lỗi.

- Nhưng ai là cha xuất thế gian của nàng?

- Là đức Phật, bậc Giác Ngộ Vô Thượng.

- Tôi không dám tin vào Phật sống.

- Tôi sẽ làm cho nàng tin. Ngày mai đức Phật sẽ đến đây với chư Tỳ-kheo, hãy chuẩn bị đồ cúng dường và đến đây xin sám hối.

- Thừa vâng, phu nhân.

Sirimà trở về nhà, bảo năm trăm tỷ nữ chuẩn bị sẵn sàng theo cô.

Nàng sắm nhiều loại thức ăn ngon, hôm sau mang đến nhà *Uttarà*.

Không dám đặt phẩm vật cúng dường vào bát của Phật và chư Tăng,

nàng đứng đợi. *Uttarà* bèn nhận phẩm vật và tùy nghi dâng lên. Phật thọ trai xong, *Sirimà* và đoàn tỳ nữ quỳ dưới chân Phật, Ngài hỏi:

- Con đã gây tội gì?

- Bạch Ngài, hôm qua con đã làm như thế.. Nhưng người bạn này đã ngăn gia nhân không cho đánh con. Nàng rất tốt nên con xin nàng tha thứ, nàng nói nếu Thế Tôn tha thứ, nàng sẽ tha thứ.

- *Uttarà*, đúng vậy không?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Uttarà thuật lại những gì lòng nàng nghĩ về *Sirimà*, lúc ấy, Phật

khen ngợi: - **Lành thay! Lành thay! *Uttarà*! Đó là cách đúng nhất để dập tắt cơn giận. Từ bi có thể xóa sạch hận thù.** Dùng không mắng chửi để thắng mắng

chửi, dùng bố thí thắng xan tham, dùng thật ngữ thắng vọng ngữ.

Ngài nói kệ:

(223) Lấy không giận thắng giận,

Lấy thiện thắng bất thiện,

Lấy thí thắng xan tham,

Lấy chơn thắng hư ngụy.



An Lạc

*Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù!
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù!*

(Pháp Cú 197, Tiểu Bộ Kinh Nikàya, Phẩm XV. An Lạc)

**Chuyện 05 Thiên
Đế Sakka vì lòng
tù tà chết,
không giết hại
chúng sanh, không những
giúp thoát nạn mà còn khiến
vua Atalu thua trận** (Nguồn: *Tiểu Bộ*

*Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 31. Chuyện Tổ
Chim Con, hoặc Tích Chuyện Kinh Pháp Cú. II Phẩm
Không phóng dật, 7. Megha trở thành trời Đế Thích
Sakka. Pháp Cú 30)*

Này bạn Màtali, tiếng kêu gì vậy? Nó kêu thật bi thương?

- Thưa Thiên đế, vì rừng cây bông lưa rơi xuống, do tốc độ cỗ xe ngài nghiền nát, các con chim Kim-sí-điểu sợ chết đồng thanh kêu gào như vậy.

Bậc Đạo Sĩ nói:

- Này bạn Màtali, **chớ làm chúng mệt mỏi, vì chúng ta. Chúng ta không vì chủ quyền thiên giới mà sát sanh. Vì lợi ích của chúng, ta sẽ từ bỏ mạng sống và nộp mình cho loài A-tu-la! Hãy quay xe lại đi!**



Sau đây là đoạn kinh văn liên quan đến sự vi diệu của lòng từ bi của Thiên Đế Thích

Bồ-tát làm đầy đủ bảy điều thệ nguyện: Hầu mẹ, hầu hạ cha, kính trọng anh cả, nói lời chân thật, không nói lời ác, không nói lời vu vao, nhiếp phục xan tham và tóm tắt trong bài kệ:

Người nuôi dưỡng mẹ cha,
Kính bậc trưởng gia đình,

Nói từ hòa, ái ngữ,
Từ bỏ lời vu cáo,
Nhiếp xan tham nói thật,
Phần nô được chế ngự,
Chư Thiên Ba mươi ba
Gọi là bậc Chân nhân.

Bồ-tát đạt trạng thái đáng được tán thán như vậy, và khi mạng chung, được sanh làm Đế Thích Thiên Chủ ở cõi Trời ba mươi ba. Những người bạn của Bồ tát cũng sanh lên đó. Trong thời ấy, tại cõi trở Ba mươi ba, các Thần Asura (A-tu-la) cũng sống chung. Thiên Chủ Đế Thích nói:

- Tốt gì cho chúng ta khi một vương quốc phải ở chung với kẻ khác?

Rồi ngài cho các A-tu-la uống nước chư Thiên, khi chúng say, Thiên Chủ Đế Thích cầm chân chúng ném xuống vực núi Sineru (Tu-di). Chúng rơi vào lâu đài ở cảnh giới A-tu-la. Lâu đài của A-tu-la nằm ở tầng thấp nhất của núi Tu-di, rộng bằng cõi Trời ba mươi ba.

Tại đáy có mọc một cây giống như cây San hô của chư Thiên sống suốt một kiếp và được gọi là Cây bông kèn. Cây bông kèn nở hoa, cho chúng biết đây không phải là cõi trời của chúng vì cõi trời có nở hoa San hô. Chúng nói:

- Ông già Đế Thích cho chúng ta uống say, rồi quăng chúng ta trên mặt biển lớn và chiếm thành chư Thiên của chúng ta. Chúng ta hãy tiến đánh lão ấy và lấy lại thành chư Thiên của chúng ta!

Rồi chúng leo lên sườn núi Tu-di như những con kiến leo lên cột. Đế Thích nghe các Thần A-tu-la đã leo lên, liền xông ra mặt biển giao tranh, bị chúng đánh bại, liền chạy trốn trên chiếc xe Vejeyanta dài một trăm năm mươi dặm, chạy trên những đầu ngọn sóng biển phía nam. Chiếc xe của Đế Thích chạy lướt trên mặt biển, đi đến ngôi rừng cây bông lưa. Trên đường đi của chiếc xe, rừng cây bông lưa bị chặt đứt như những cây cọ dừa và rơi trên mặt biển. Các con chim Kim-sí-điều (Garula, thim thần cánh vàng) bay quanh trên mặt biển, kêu gào lớn tiếng. Đế Thích hỏi thần lái xe Matali:

- Này bạn Matali, tiếng kêu gì vậy? Nó kêu thật bi thương?

- Thưa Thiên đế, vì rừng cây bông lưa rơi xuống, do tốc độ cỗ xe ngài nghiền nát, các con chim Kim-sí-điều sợ chết đồng thanh kêu gào như vậy.

Bạc Đạo Sĩ nói:

- Này bạn Matali, chớ làm chúng mệt mỏi, vì chúng ta. Chúng ta không vì chủ quyền thiên giới mà sát sanh. Vì lợi ích của chúng, ta sẽ từ bỏ mạng sống và nộp mình cho loài A-tu-la! Hãy quay xe lại đi!

Nói vậy xong, Đế Thích đọc bài kệ:

Hãy đề tổ chim con,
Hỡi này Mà-ta-li!
Trong rừng Sim-ba-li
Tránh miệng ác chủ tể,
Ta sẵn sàng nộp mạng
Cho các A-tu-la,
Chớ đề các chim này
Bị xé nát khỏi tổ.

Thần đánh xe Matali nghe lời Đế Thích, quay xe lại, đi về hướng thiên giới bằng con đường khác. Các thần A-tu-la thấy Đế Thích quay xe lại, tự nghĩ: "Chắc hẳn các Đế Thích từ những thế giới khác đến, được sức mạnh tiếp viện, nên mới quay xe lại". Bị dao động vì sợ chết, chúng liền chạy trốn vào lâu đài A-tu-la. Còn Đế Thích đi vào thành chư Thiên, đứng ở giữa thành, với Thiên chúng của hai thiên giới vây quanh. Trong thời khắc ấy, đất nứt ra, và lâu đài Vejayaṇṭa (Tối thắng) trôi lên cao một ngàn dặm. Vì nó trôi lên khi thắng trận, nên được gọi là lâu đài Vejayaṇṭa. Để ngăn chặn các A-tu-la trở lại, Đế Thích ra lệnh cho bảo vệ năm chỗ, liên hệ vấn đề này, Đế Thích nói lên bài kệ:

Giữa hai thành bất thắng,
Đặt năm chỗ bảo vệ,

Bảo vệ bởi Rắn thần,
Bởi chim Kim-sí-điều,
Kum-bhan-da, Dạ-xoa,
Và bởi bốn thiên vương.

Được năm chỗ bảo vệ này, Thiên chủ Đế Thích thọ hưởng những vinh quang thiên giới. Nàng Thiện Pháp, sau khi mạng chung, được sanh làm vương hậu một lần nữa. Do kết quả cúng dường cái tháp nhọn, đã khởi lên cho nàng một lâu đài tên là Thiện Pháp đình với thiên báu, cao đến năm trăm dặm. Tại đây, dưới một chiếc lọng trắng của chư Thiên, Thiên chủ Đế Thích ngồi trên một tấm nệm bằng vàng rộng một dặm và làm những công việc cần phải làm cho chư Thiên và loài người. Còn Tư Duy, sau khi mạng chung, cũng sanh làm vương hậu của Đế Thích; do kết quả xây dựng một công viên, đã khởi lên cho nàng một công viên tên là Cittalatavana (Tư Duy Viên). Hoan Hỷ, khi mạng chung, cũng sanh làm vương hậu của Đế Thích, do kết quả cúng dường cái hồ, đã khởi lên cho nàng một cái hồ tên là Nanda (Hoan hỷ). Còn Thiện Sanh, do không làm thiện nghiệp gì, được sanh làm con chim hạc ở một hang động trong rừng... (Hết trích).



**Thương mến và
từ ái**

Như người mẹ tốt lành

*Thương người con độc nhất,
Cũng vậy đối chúng sanh,
Đủ mọi loài, mọi chỗ,
Hãy có lòng tốt đẹp,
Thương mến và từ ái.*

(Kinh Tiểu Bộ 3, Trường Lão Tăng Kệ. Chương Một Kệ. Phẩm Bốn, Kệ 33)

Chuyện 06

Lòng từ bi của trưởng

giả đã nhiếp phục kẻ trộm, hóa giải hận thù, không còn làm hại nữa.

*(Nguồn: Tích Truyện Kinh Pháp Cú. X Phẩm Hình
Phạt. 6. Ngạ quỷ hình trăn. 6A Chương Khổ
Sumangala và Kẻ Trộm. Pháp Cú 136)*

Bạch Thế Tôn, con biết rằng có một người nào đó bảy lần đốt ruộng, bảy lần đốt nhà, bảy lần chặt chân bò, và cũng chính người ấy đốt hương thất. Con xin nường phước báo đầu tiên của lần cúng dường này đến người ấy.

Tên trộm núp đầu đó, nghe được, lòng cảm thấy hổ thẹn vì tội lỗi lớn lao của mình, và lo âu vua sẽ giáng hình phạt xuống đầu. Do đó hấn phủ phục dưới chân chường khố xin tha thứ

Sau đây là toàn bộ đoạn kinh về lòng từ bi của Chương Khố Sumangala và kẻ trộm

Ngạ Quỷ Hình Trăn

Người ngu làm điều ác...

Do chuyện ngạ quỷ có hình trăn, Thế Tôn dạy câu trên ở tinh xá Trúc Lâm.

Từ đỉnh Linh Thứu, Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên và *Lakkhana* xuống thành Vương Xá khát thực. Dọc đường, Mục-kiền-liên dùng thiên nhãn thấy một ngạ quỷ trong tướng hình trần dài hai mươi lăm dặm, bị lửa thiêu đốt khắp mình mẩy. Ngài mỉm cười, vị kia hỏi lý do, Ngài bảo đợi đến gặp Phật sẽ nói. Và trước mặt Phật, Ngài giải thích vì từ trước đến giờ chưa hề trông thấy ngạ quỷ như thế, nên Ngài mỉm cười. Phật cũng xác nhận:

- Các Tỳ-kheo, đệ tử Ta có thiên nhãn và đã sử dụng. Chính Ta đã thấy ngạ quỷ này khi lên ngôi Chánh Giác, nhưng Ta không nói ra vì người không tin lời Ta sẽ có hại cho họ. Nay đã có Mục-kiền-liên chứng kiến, Ta mới nói.

Và theo lời yêu cầu của các Tỳ-kheo, Ngài kể:

Chuyện quá khứ

6A. Chương Khổ *Sumangala* và Kẻ Trộm

Thời Phật Ca-diếp, chương khổ *Sumangala* đem vàng trải một khoảng đất rộng hai mươi *Usabha*, tức bằng số tiền xây một tinh xá, kể cả chi phí tổ chức lễ khánh thành tinh xá đó.

Một sáng sớm, trên đường đi đánh lễ Thế Tôn, ông bắt gặp một tên trộm đang núp ở nhà nghỉ công thành, chân bê bết bùn, áo trùm khói đầu.

Ông biết hắn đã rình suốt đêm đầu đây. Tên trộm bị phát hiện, đem lòng căm thù ông. Hắn đốt ruộng ông bảy lần, đốt nhà bảy lần, chặt chân bò bảy lần. Chưa hả tức, hắn đánh bạn với gia nhân của ông để hỏi xem ông quý trọng cái gì nhất. Được biết đó là hương thất, hắn đợi Thế Tôn vào thành khát thực, liền đập bể bình đựng nước với thức ăn rồi nổi lửa đốt.

Nghे tiếng kêu hương thất bị cháy, chuông khó chạy tới nhưng đã muộn. Không may may buồn tiếc, ông còn hân hoan vỗ tay thật to. Người ta ngạc nhiên hỏi, thì ông giải thích vì sẽ có dịp cúng tiền để xây dựng lại hương thất. Tên trộm nghe thế, cho rằng không thể đánh bại ông, trừ khi giết ông chết. Trong bảy ngày đó ông cúng dường Tăng chúng, và ngày cuối, ông đánh lễ Phật thưa:

- Bạch Thế Tôn, con biết rằng có một người nào đó bảy lần đốt ruộng, bảy lần đốt nhà, bảy lần chặt chân bò, và cũng chính người ấy đốt hương thất. Con xin nhường phước báo đầu tiên của lần cúng dường này đến người ấy.

Tên trộm núp đầu đó, nghe được, lòng cảm thấy hổ thẹn vì tội lỗi lớn lao của mình, và lo âu vua sẽ giáng hình phạt xuống đầu. Do đó hấn phủ phục dưới chân chuông khổ xin tha thứ. Chuông khổ hỏi chuyện hấn từ đầu tới đuôi, và cũng xin lỗi hấn vì lỡ thốt ra lời nghi kỵ trong đêm bắt gặp hấn núp. Và cả hai bên tha thứ lẫn nhau. Tên trộm còn xin cho hai vợ chồng hấn làm nô lệ cho chuông khổ, nhưng ông không nhận và bảo hấn đi đi.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Và Thế Tôn kết luận:

- Do tạo nghiệp ác như thế, khi mạng chung tên trộm bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu hình phạt ở đó rất lâu, nhưng quả báo chưa hết, hấn phải chịu đau khổ trên đỉnh Linh Thứu. Các Tỳ-kheo! Khi làm điều ác, kẻ ngu không biết việc ác của mình. Nhưng về sau, hấn sẽ bị thiêu đốt do nghiệp ác đã tạo, như rừng bị lửa cháy.

Và Ngài nói Pháp Cú:

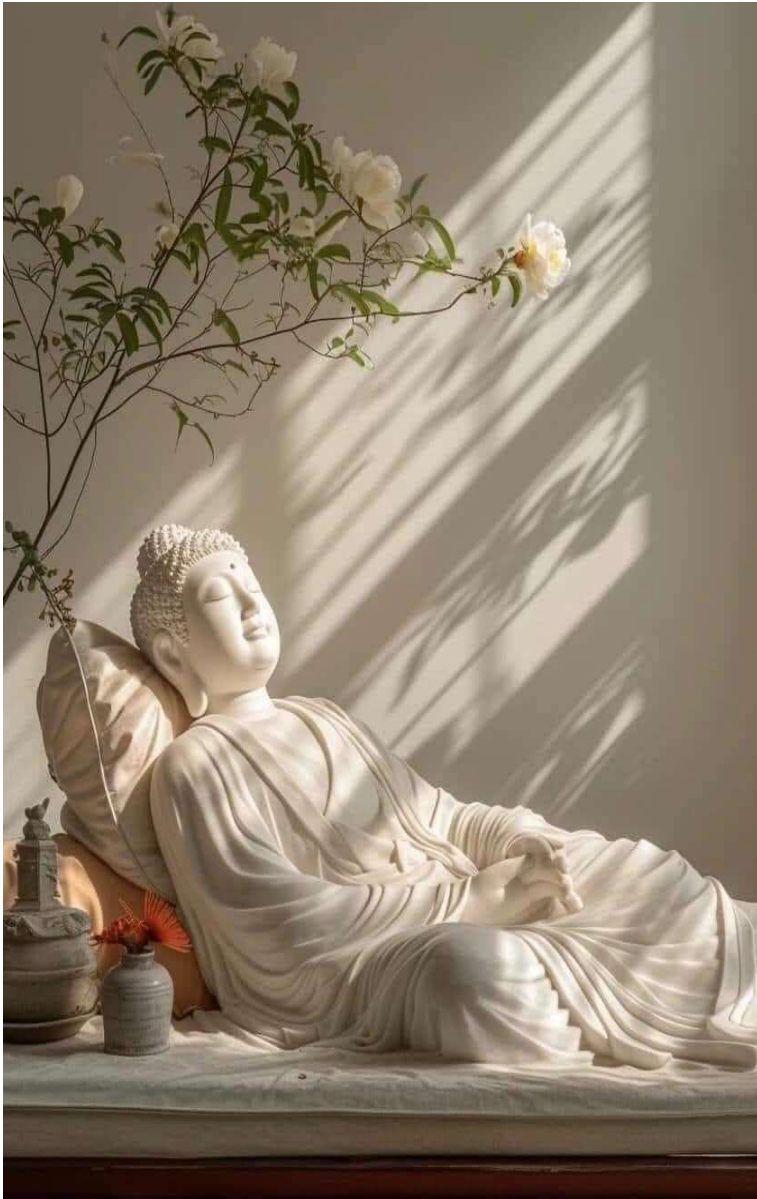
(136) Người ngu làm điều ác,

Không ý thức việc làm.

Do tự nghiệp, người ngu

Bị nung nấu như lửa.

Chương 02



**Rải lòng từ
được chư
thiên, dạ
xoa, quý
thần hộ trì,**

giúp đỡ...



**Mong mọi loài
hạnh phúc, an lạc**

*Mong tất cả những ai,
Hữu tình có mạng sống,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Không bỏ sót một ai,
Kẻ dài hay kẻ lớn,
Trung thấp, loài lớn, nhỏ.
Loài được thấy, không thấy,
Loài sống xa, không xa,
Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sanh,
Mong mọi loài chúng sanh,
Sống hạnh phúc an lạc.*

(Tiểu Bộ Kinh Nikàya, Tiểu Tụng IX. Kinh Lòng Từ (Mettà Sutta))

Chuyện 07

Tích truyện

Kinh Lòng Từ (Mettà Sutta)

*(Nguồn: Tích Truyện Kinh Pháp Cú. Tiểu Bộ
Kinh Khuddaka Nikàya. Tiểu Tụng. IX. Kinh
Lòng Từ - Mettā Sutta; và Kinh Tập Sutta
Nipata. Phẩm Rắn. VIII Kinh Từ Bì_Sn25)*

Một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại Tịnh xá Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika gần kinh thành Sāvatthi. Các Tỳ-kheo từ mọi nơi đến thăm viếng đức Thế Tôn và xin một đề mục hành thiền, trong đó có một nhóm 500 thầy Tỳ-kheo. Sau khi nhận đề mục, các vị Tỳ-kheo cùng

nhau đi đến một khu rừng vắng thuộc dãy núi Himavantu để an cư và hành thiền.

Hàng ngày, các thầy đi vào thôn làng gần đó để khát thực. Dân chúng trong làng hoan hỉ cúng dường và cung thỉnh các thầy nhập hạ tại khu rừng để họ có dịp cúng dường, thọ giới và nghe Pháp.

Các thầy Tỳ-kheo thường hành thiền dưới các cội cây to lớn. Ban đầu chư Thiên cư ngụ trên cây rất vui mừng và để tỏ lòng kính trọng chư Tăng, họ đã tạm dời xuống mặt đất. Nhưng sau một thời gian, cuộc sống dưới mặt đất rất bất tiện nên họ đâm ra bực bội. Biết không thể nào chịu đựng được như vậy trong 3 tháng nên chư Thiên đã tìm đủ mọi cách để xua đuổi các thầy Tỳ-kheo ra khỏi khu rừng. Họ đã biến hóa ra những hình ảnh ghê sợ, những âm thanh rùng rợn và các mùi hôi thối để làm nản lòng các thầy. Trước những cảnh tượng kinh hoàng, tâm của các thầy bắt đầu dao động, sợ hãi, và đâm ra mất ăn, mất ngủ, thân thể bệnh hoạn, ốm yếu, gầy mòn. Tinh thần không còn yên ổn để hành thiền. Do đó các thầy cùng nhau quay về thành Sāvattthi để xin đức Phật cho nhập hạ tại một nơi khác.

Đức Phật hỏi nguyên do và nhận thấy không có chỗ nào thích hợp hơn khu rừng, nên **Ngài khuyên các thầy nên trở về chỗ cũ và dạy cho các thầy bài kinh Từ Bi để tự bảo vệ khỏi sự**

quấy phá của chư Thiên. Các thầy tuân lời và học thuộc lòng bài kinh này trước khi trở lại khu rừng. Trên đường trở về cũng như khi đến nơi, các thầy đều tụng bài kinh này và tập rải tâm từ cho chư Thiên khiến họ hoan hỷ nên họ không còn quấy phá các thầy nữa. Nhờ vậy mà các thầy sống yên ổn tu hành, tinh tấn hành thiền và đều đắc quả sau mùa an cư năm đó.

1. Vị thiện xảo mục đích,

Cần phải làm như sau:

Sau khi hiểu thông suốt,

Con đường an tịnh ấy,

Có khả năng trực tánh,

Thật sự, khéo chân trực,

Dễ nói và nhu hòa,

Không có gì cao mạn.

2. Sống cảm thấy vừa đủ,

Nuôi sống thật dễ dàng,

Ít có sự rộn ràng,

Sống đạm bạc, giản dị.

Các căn được tịnh lạc,
Khôn ngoan và thận trọng,
Không xông xáo gia đình,
Không tham ái, tham vọng.

3. Các hành sở của mình,
Không nhỏ nhen, vụn vặt,
Khiến người khác có trí,
Có thể sinh chỉ trích,
Mong mọi loài chúng sinh,
Được an lạc, an ổn,
Mong chúng chúng đạt được,
Hạnh phúc và an lạc.

4. Mong tất cả những ai,
Hữu tình có mạng sống,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Không bỏ sót một ai,
Kẻ dài hay kẻ lớn,
Trung, thấp, loài lớn, nhỏ.

5. Loài được thấy, không thấy,
Loài sống xa, không xa,
Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sinh,

Mong mọi loài chúng sinh,
Sống hạnh phúc, an lạc.

6. Mong rằng không có ai,
Lường gạt, lừa dối ai,
Không có ai khinh mạn,
Tại bất cứ chỗ nào,
Không vì giận hờn nhau,
Không vì tưởng chống đối.
Lại có người mong muốn,
Làm đau khổ cho nhau.

7. Như tấm lòng người mẹ,
Đối với con của mình,
Trọn đời lo che chở,
Con độc nhất mình sinh.
Cũng vậy, đối tất cả
Các hữu tình chúng sinh,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng, rộng lớn.

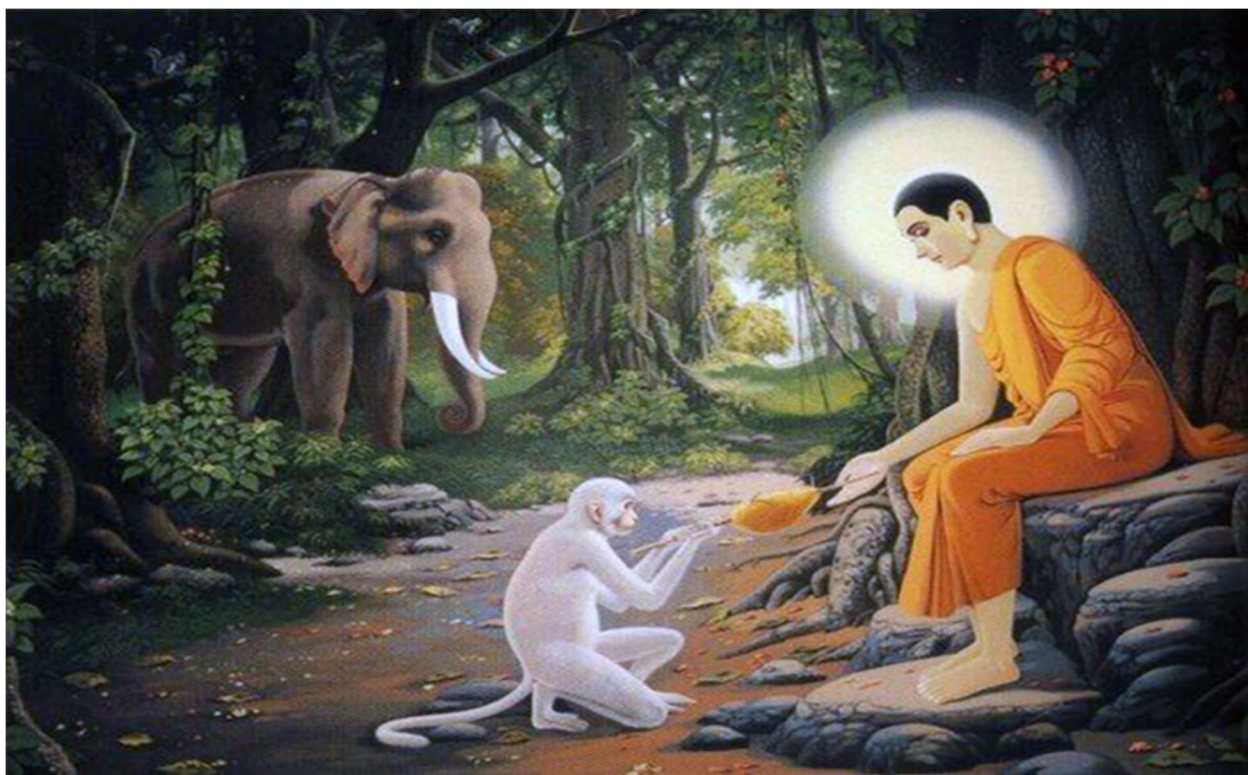
8. Hãy tu tập từ tâm,
Trong tất cả thế giới,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng, rộng lớn,

Phía trên và phía dưới,
Cũng vậy cả bề ngang,
Không hạn chế, trói buộc,
Không hận, không thù địch.

9. Khi đứng hay khi đi,
Khi ngồi hay khi nằm,
Lâu cho đến khi nào,
Khi đang còn tỉnh thức,
Hãy an trú niệm này,
Nếp sống này như vậy.
Được đời đề cập đến,
Là nếp sống tối thượng.

10. Ai từ bỏ tà kiến,
Giữ giới, đủ chánh kiến,
Nhiếp phục được tham ái,
Đối với các dục vọng,
Không còn phải tái sanh,
Đi đến thai tạng nữa.

Chuyện 08: Rải lòng từ cho các loài ác thú trong rừng



(Nguồn: *Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 203. Chuyện tu tập từ tâm (Tiền thân Khandha -Vatta)*)

Bắt đầu từ đây, các đạo sĩ vâng theo lời khuyên dạy của Bồ-tát, tu tập từ tâm, ghi nhớ công đức chư Phật. Như vậy, nhờ các đạo sĩ ấy ghi nhớ các công đức chư Phật, tất cả các loài rắn đều bỏ đi.

203. CHUYỆN TU TẬP TỪ TÂM (Tiền thân Khandha-Vatta)

Ta khởi lên từ tâm...,

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo.

Trong khi đang ngồi chẻ củi ở cửa nhà tắm, một con rắn bò từ khúc cây mục ra cắn vào ngón chân của Tỷ-kheo ấy và vị ấy chết ngay tại chỗ. Tỷ-kheo ấy chết như thế nào cả tinh xá đều biết rõ. Các Tỷ-kheo ngồi Chánh pháp đường bắt đầu nói chuyện sau đây:

- Thưa Hiền giả, nghe nói Tỷ-kheo tên này đang ngồi chẻ củi tại cửa nhà tắm, bị rắn cắn và chết tại chỗ.

Bậc đạo sư đi đến và hỏi:

- Nay các Tỷ-kheo, nay các ông ở đây đang bàn vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề này, bậc Đạo sư nói:

- Nay các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy đối với bốn loại gia đình vua rắn, có khởi lên lòng từ thì con rắn đã không cắn vị ấy. Các vị tu khổ hạnh xưa, khi đức Phật chưa

ra đời, tu tập lòng từ đối với bốn loại gia đình vua rắn, nên đã thoát khỏi sự sợ hãi khởi lên cho bốn loại gia đình vua rắn ấy.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ

*

Thuở xưa, khi vua Brahmadatta trị vì Bà-la-nại, Bồ tát sanh ra trong gia đình một Bà-la-môn ở nước Kàsi. Khi đến tuổi trưởng thành Bồ-tát đoạn tận các dục, xuất gia làm đạo sĩ, đạt được các Thắng trí và các Thiền chứng, rồi xây dựng am thất tại một khúc quanh của sông Hằng gần chân núi Tuyết và sống tại đấy, vui hưởng cùng thiền lạc với chúng đạo sĩ vây quanh.

Lúc bấy giờ, có nhiều loại rắn trên bờ sông Hằng làm hại các vị đạo sĩ, và phần lớn các vị ấy mệnh chung. Các vị tu khổ hạnh trình chuyện ấy với Bồ-tát. Ngài liền họp tất cả vị tu khổ hạnh lại, và nói:

- Nếu các ông tu tập từ tâm đối với bốn loại gia đình vua rắn này, các con rắn sẽ không cắn các ông, do vậy, bắt đầu từ nay, hãy tu tập từ tâm như vậy đối với bốn loại vua rắn.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ đầu:

Ta khởi lên từ tâm

Với Vi-rù-pak-kha,

Ta khởi lên từ tâm

Với E-rà-pa-tha,

Ta khởi lên từ tâm

Với Chab-byà-put-ta,
Ta khởi lên từ tâm
Kan-hà-go-ta-ma.

Như vậy, sau khi nêu tên bốn gia đình vua rắn, Bồ-tát nói:

- Nếu các ông có thể tu tập từ tâm đối với những loài vật này, thì các con rắn không cắn, và không bức hại các ông.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ thứ hai:

Với các loài không chân,
Ta khởi lên lòng từ,
Với các loài hai chân,
Ta khởi lên lòng từ,
Với các loài bốn chân,
Ta khởi lên lòng từ,
Nhiều chân hoặc không chân,
Ta khởi lên lòng từ.

Như vậy, sau khi nêu rõ sự tu tập từ tâm của mình, Bồ-tát nói lên lời cầu nguyện với bài kệ:

Hỡi các loài không chân
Chớ có làm hại Ta,
Hỡi các loài hai chân,
Chớ có làm hại Ta,
Hỡi các loài bốn chân

Chớ có làm hại Ta,
Hỡi các loài nhiều chân
Chớ có làm hại Ta.

Rồi nêu rõ sự tu tập không hạn chế, Bồ-tát đọc thêm bài kệ này:

Tất cả loài chúng sanh,
Tất cả loài hữu tình,
Phàm tất cả sanh loại
Có mặt ở trên đời,
Mong được thấy tốt lành,
Chớ có làm điều ác.

Như vậy, Bồ tát nói:

- Hãy tu tập từ tâm đối với tất cả mọi loài chúng sanh không có hạn chế.

Rồi Bồ-tát tán thán công đức của Ba Ngôi Báu với thính chúng:

- Vô lượng là Phật, vô lượng là Pháp, vô lượng là Tăng.

Bồ-tát nói tiếp:

- Hãy ghi nhớ công đức của Ba Ngôi Báu này.

Sau khi trình bày công đức Ba Ngôi báu là vô lượng, Bồ-tát nêu rõ các chúng sanh đều có hạn lượng, Bồ-tát nói thêm:

- Các loài bò sát, các loài rắn, các loài bò cạp, các loài một trăm chân, các loài nhện, các loài rắn mối, các loài chuột, đều có hạn lượng.

Rồi Bồ-tát lại nói:

- Vì tham dục trong nội tâm của những chúng sanh này khiến chúng có hạn lượng.

Sau khi nêu rõ như vậy, Bồ-tát nói thêm:

- Mong rằng chúng ta sẽ được bảo vệ ngày đêm đối với các chúng sanh có hạn lượng này nhờ uy lực của ba Ngôi Báu vô lượng. Vì vậy hãy nhớ ghi công đức của Ba Ngôi Báu.

Rồi Bồ-tát đọc bài kệ này để nêu rõ việc cần phải làm thêm nữa:

Nay ta được bảo vệ,
Nay ta được che chở,
Hỡi các loài sanh vật,
Hãy đi xa, tránh xa!
Con đánh lễ Thế Tôn,
Và bầy đức Phật-đà,
Chư Phật đã tịch diệt.

Như vậy Bồ-tát khuyên:

- Trong khi đánh lễ, hãy ghi nhớ bầy đức Phật.

Rồi Bồ-tát trao thân chú che chở này cho các đạo sĩ.

Bắt đầu từ đây, các đạo sĩ vâng theo lời khuyên dạy của Bồ-tát, tu tập từ tâm, ghi nhớ công đức chư Phật. Như vậy, nhờ các đạo sĩ ấy ghi nhớ các công đức chư Phật,

tất cả các loài rắn đều bỏ đi. Còn Bồ-tát tu tập các Phạm trú (Bốn Vô lượng tâm) và được sanh lên Phạm thiên giới.

*

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện Tiên thân:

- Thời ấy, hội chúng đạo sĩ là hội chúng đức Phật, còn sư trưởng hội chúng là Ta vậy.

Chuyện 09: Rải lòng từ cho các loài thú, chư quỷ thần rừng sông núi (Nguồn:

*Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 519.
Chuyện Hoàng hậu Sambulà)*



**Từ Tâm, Bi Tâm
Giải Thoát**

Trong làng, ta không sợ,
Trong rừng, ta không sợ,
Bước lên đường giải thoát
Với lòng Từ, lòng Bi.

(Tiền Thân số 76_Tiểu Bộ Kinh Nikàya)

*17. Cũng vậy, Sam-bu tiếng tốt vang,
Hoàng phi liền cất giọng kêu than,
Thất thân, hoảng hốt, bơ vơ quá,
Đơn độc, vô phương giữa núi ngàn:*

*18. "Tiện thiếp xin quỳ lạy Đạo sư,
La-môn, hiền thánh trí nhân từ,
Bơ vơ, lạc lõng thay, thân thiếp
Chạy đến thân nhân để trú nhờ.*

*19-20. Cọp beo, sư tử, chúa sơn lâm,
Cùng các loài hoang thú ở giữa rừng,
Tiện thiếp xin chào mừng tất cả,
Cỏ cây, hoa lá mọc um tùm,
Xin chào rừng rậm màu xanh ngắt
Cùng núi cao dốc đứng chập chùng.*

*21. Tiện thiếp xin thi lễ Dạ thần,
Trên cao tinh tú điểm huy hoàng,
Đêm dày tựa đóa sen xanh thắm,
Nhuôm vẽ đậm đà nhất thế gian!*

*22. Thiếp xin thi lễ cả sông Hằng,
Là mẹ hiền chung của suối sông,
Ở giữa loài người trên hạ giới,
Bha-gi-ra mỹ hiệu vang lừng.*

*23. Tiện thiếp xin chào đỉnh Tuyết Sơn,
Là vua ngự trị mọi sơn lâm,
Đà chồng chất nhất cao hùng vĩ,
Vượt hẳn lên toàn cảnh thế gian.*

519. Chuyện Hoàng hậu Sambulà (Tiền thân Sambulà)

Run rẩy nếp mình đáng hãi kinh..

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc Ngài trú tại Kỳ Viên, về Hoàng hậu Mallikà (Mạt-lợi)

Phần khởi đầu được kể đầy đủ trong Tiền thân Kammàsapinda (số 415, tập IV). Lúc bấy giờ nhờ công đức cúng dường ba phần cháo dâng đức Như Lai, ngay hôm ấy bà được sắc phong địa vị chánh hậu, cai quản đám cung tần trung tín, bà đầy đủ năm vẻ nữ sắc yêu kiều, tài trí tốt bụng, lại là đệ tử của đức Phật, bà tỏ ra là một vợ hiền tận tụy. Lòng nhiệt tình của bà sáng chói tỏa khắp cả kinh thành.

Vì vậy một ngày kia, các Tỷ-kheo bắt đầu bàn luận trong Chánh pháp đường việc hoàng hậu Mallikà là một hiền phụ trung kiên, tận tụy như thế nào. Bậc Đạo sư, lúc đến đó, liền hỏi các Tỷ-kheo đang bàn luận đề tài gì, và khi được biết, Ngài bảo:

- Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay cả ngay xưa nữa, bà ấy đã là một vợ hiền tận tụy.

Nói vậy xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, Brahmadata có một hoàng nam mệnh danh là Sotthisena, và lúc đến tuổi trưởng thành, chàng được phong làm phó vương. Chánh phi

của chàng là Sambulà cực kỳ diễm lệ, dung sắc rực rỡ chói lọi như thể ánh đèn chiếu sáng trong chôn tối tăm.

Song dần dần chứng bệnh phong cùi xuất hiện trên mình phó vương Sotthisena và mọi lương y đành bó tay chữa trị. Khi các vết lở loét chảy mủ ra, thật hôi tanh khủng khiếp đến độ phó vương tuyệt vọng kêu lên:

- Ngai vàng có ích gì cho ta đâu? Thôi ta vào rừng sâu này chết một mình không cần bạn bè cho xong.

Khi đã cho trình vua cha, chàng rời hậu cung ra đi.

Mặc dù chàng cố sức ngăn cản, Sambulà vẫn không chịu trở về, mà bảo:

- Thiếp xin nguyện chăm sóc Chúa công trong rừng thẳm.

Rồi nàng cùng chàng ra đi, từ bỏ kinh thành. Khi vào rừng, chàng xây một lều cỏ để trú thân ở một nơi có bóng cây và nước suối, trái rừng đầy đủ.

Còn vương phi săn sóc chàng ra sao?

Nàng dậy thật sớm, quét dọn lều sân mang nước đến cho chàng súc miệng. Khi chàng súc miệng xong, nàng nghiền nát nhiều loại cỏ thuốc thoa vào các vết lở loét của chàng rồi đưa trái cây ngon ngọt cho chàng ăn. Khi chàng đã súc miệng, rửa tay, nàng chào chàng và bảo:

- Xin Chúa công hãy chuyên tâm làm việc thiện.

Rồi nàng cầm cái thúng, cái xẻng, và cái móc đi vào rừng hái trái cây cho chàng. Khi chàng ăn hết, nàng đem nước thơm cho chàng uống rồi mới ăn trái cây phần mình.

Nàng lại sắp đặt một tọa sàng có khăn phủ lên, và trong lúc chàng nằm trên đó, nàng rửa chân cho chàng, thay áo quần, tắm gội đầu cho chàng xong, nàng đến nằm xuống cạnh tọa sàng. Nàng chăm sóc Chúa công của nàng như vậy đó.

Một ngày kia, trong lúc đem trái cây về nhà, nàng thấy một hang có con suối, nàng liền đặt thúng trên đầu xuống, đứng bên bờ hang, rồi bước xuống tắm, nàng xoa khắp người với thuốc nhuộm vàng rồi tắm rửa. Xong xuôi nàng trèo lên mặc áo quần bằng vỏ cây và đứng trên bờ suối. Cả khu rừng sáng rực lên vì dung sắc rực rỡ tỏa ra từ thân thể nàng. Lúc ấy có một con ác quỷ Dạ-xoa đi tìm mồi, thoát trông thấy nàng, liền mê mẩn ngâm đôi vầng kệ sau:

*1. Run rẩy nép mình dáng hỡi kinh,
Ai đây đang đứng cạnh hang ghênh,
Nói đi, thực nữ thân bồ liễu,
Quyến thuộc là ai, với quý danh?*

*2. Nương tử là ai, đẹp rõ ràng,
Đâu là dòng giống của nhà nàng,*

*Khiến nàng chiếu rọi khu rừng sáng,
Chốn lạc cư muôn loại thú hoang?
Yêu quý là ta đây kính cẩn
Nghiêng mình, bái phục trước tôn nhan!*

Nghe ác quỷ nói thế, nàng đáp lời qua ba vắn kệ:

*3. Thái tử Sot-thi kế vị ngai,
Xứ Kà-si, hãy biết như vậy,
Ta là vương hậu hoàng nam ấy,
Thường gọi Sam-bu chính hiệu này.*

*4. Vương tử Vi-đề đang ốm đau,
Khổ thân mê loạn ở rừng sâu,
Mình ta chăm sóc chàng nằm liệt,
Không thể, chắc chàng phải chết mau!*

*5. Đây miếng thịt nai thật ngọt ngon,
Ta vừa kiếm được chốn rừng hoang,
Đem về dâng chúa công ta đó,
Giờ bởi thiếu ăn đã mỗi mòn!*

Ác quỷ:

6. Chúa công bệnh hoạn ích gì chẳng?
Ngài chẳng cần vương hậu, hỡi nàng,
Mà chỉ cần người nuôi bảo hộ,
Ta mong chiếm địa vị ông hoàng!

Vương phi:

7. Lòng ta mòn mỏi với ưu sầu,
Khốn khổ bơ vơ, đẹp chẳng cầu,
Nếu quý vương tìm nương tử mới,
Hãy cầu nàng khác đẹp dường nào!

Ác quỷ:

8. Thê thiếp bốn trăm sẵn của ta
Tôn vinh lâu các ở đôi xa,
Xin nàng chiếu cố, ngôi cao ngự,
Cho thỏa bao nguyện ước thiết tha.

9. Hỡi mỹ nhân tươi sáng ánh vàng,
Những gì nàng quý chuộng cho nàng,
Ta đều ban tặng, xin mời đến,
Cùng ta tận hưởng thú trần gian.

*10. Nếu chối từ làm vợ quý vương,
Hiển nhiên nàng hóa miếng mồi ngon
Cho ta thọt dụng hôm nay đây,
Để lót lòng ta đã nhịn cơm.*

Bác Đạo sư:

*11. Ác quỷ mày râu rậm bầy chòm,
Khiến cho người thất đảm kinh hoàng,
Thấy nàng lạc lỏng bơ vơ bước,
Liền nắm chặt tay ấy của nàng.*

*12. Bị cầm giam bởi quỷ hung tàn,
Cừu địch nàng kia, ác dục tràn,
Nàng chỉ khóc thương chàng vắng mặt,
Chẳng hề quên nỗi khó riêng chàng.*

Vương phi:

*13. Ta chẳng buồn vì số phận ta,
Làm mồi cho quỷ ác cắn thù,
Song vì tình trạng phu tôn quý,
Ly biệt ta, đành phải héo khô.*

*14. Chư thần đi vắng cả rồi chẳng?
Chẳng vị nào cai quản thế gian
Để trấn áp hành vi sỉ nhục,
Cản ngăn điều phóng đảng dâm loạn!*

Lúc ấy cung đình của Đế Thích Thiên chủ rung động vì công năng đức hạnh của nàng, chiếc ngai bằng hoàng thạch của ngài trông có vẻ nóng lên; ngài suy nghĩ, tìm ra duyên cớ, liền cầm kim cang chùy phi nhanh đến trước con quỷ và ngâm vần kệ:

*15. Giữa đám quần đệ nhất danh,
Chính nàng toàn hảo, trí thông minh,
Khác nào ngọn lửa đang bừng sáng,
Vị thử người ăn thịt gái lành,
Ác quỷ, đầu người liền vỡ nát,
Thành ra bảy mảnh phải tan tành.
Vậy đừng làm hại nàng, nên thả,
Nàng, vợ hiền dân hiến trọn mình.*

Nghe vậy, con quỷ liền thả Sambulà. Thiên chủ nghĩ thầm: "Con quỷ này sẽ còn tái phạm một lần nữa".

Vì thế ngài lấy dây trói, giam lỏng nó trên ngọn núi thứ ba cách xa chỗ ấy, để nó không trở lại đây được, rồi nồng nhiệt ngợi khen vương phi

xong, ngài trở về thiên đình của ngài. Còn vương phi, sau khi mặt trời lặn, phải nhờ ánh trăng trở về lều cỏ.

Bậc Đạo sư ngâm tám vần kệ giải thích sự việc:

*16. Thoát quở kia, nàng vội lại nhà,
Như chim về thấy chết con thơ,
Hay bò bị cướp bê con dại,
Than khóc nhìn hang ổ trống rơ.*

*17. Cũng vậy, Sam-bu tiếng tốt vang,
Hoàng phi liền cất giọng kêu than,
Thất thân, hoảng hốt, bơ vơ quá,
Đơn độc, vô phương giữa núi ngàn:*

*18. "Tiện thiếp xin quỳ lạy Đạo sư,
La-môn, hiền thánh trí nhân từ,
Bơ vơ, lạc lỏng thay, thân thiếp
Chạy đến thân nhân để trú nhờ.*

*19-20. Cọp beo, sư tử, chúa sơn lâm,
Cùng các loài hoang thú ở giữa rừng,
Tiện thiếp xin chào mừng tất cả,*

*Cỏ cây, hoa lá mọc um tùm,
Xin chào rừng rậm màu xanh ngắt
Cùng núi cao dốc đứng chập chùng.*

*21. Tiệp thiếp xin thi lễ Dạ thần,
Trên cao tinh tú điểm huy hoàng,
Đêm dày tựa đóa sen xanh thắm,
Nhuộm vẽ đậm đà nhất thế gian!*

*22. Thiếp xin thi lễ cả sông Hằng,
Là mẹ hiền chung của suối sông,
Ở giữa loài người trên hạ giới,
Bha-gi-ra mỹ hiệu vang lừng.*

*23. Tiệp thiếp xin chào đỉnh Tuyết Sơn,
Là vua ngự trị mọi sơn lâm,
Đà chông chất nhất cao hùng vĩ,
Vượt hẳn lên toàn cảnh thế gian.*

Nhìn thấy nàng đang than khóc như thế, Sotthisena nghĩ thầm: "Nàng than khóc quá lời. Ta không biết có ý gì đây, nếu nàng làm thế vì yêu thương ta, thì tim nàng sẽ tan nát. Thôi ta phải thử nàng xem sao".

Chàng liền đi đến ngồi ở cửa lều. Nàng đến cửa vẫn còn than khóc, đánh lễ chàng xong, nàng hỏi:

- Nầy giờ chúa công ở đâu?

Chàng đáp:

- Này vương phi, ngày thường nàng chưa hề về nhà giờ này, hôm nay nàng về quá trễ.

Rồi chàng ngâm vần kệ hỏi nàng:

*24. Này quý phi danh tiếng vọng vang,
Sao nàng về muộn quá chiều tàn?
Tình lang yêu dấu nào đâu hẳn
Đã giữ nàng lâu hóa trễ tràng?*

Nàng đáp lại:

- Tâu chúa công, thiếp đang mang trái cây về nhà thì gặp một con quỷ si tình thiếp, nắm tay thiếp và bảo: "Nếu nàng không nghe lời ta, ta sẽ ăn thịt nàng ngay".

Và nàng ngâm vần kệ:

*25. Bị cừu địch bắt, nặng sầu tư,
Thiếp nói lời cùng quý Dạ-xoa:*

*"Ta chẳng buồn đau vì số phận
Làm môi cho ác quỷ tinh ma,
Song vì tình trượng phu tôn quý
Ly biệt ta, đành phải héo khô".*

Rồi nàng kể hết mọi chuyện cho chàng nghe và nói:

- Khi thiếp đang bị quỷ bắt giữ như vậy không thể nào thoát thân được, thiếp liền xin sự phò hộ của chư thần, nên Đế Thích Thiên chủ hiện ra, cầm chùy kim cương trong tay, ở trên không hăm dọa ác quỷ thả thiếp ra. Rồi ngài lại lấy dây thần trói quỷ trên ngọn núi thứ ba xa chỗ ấy, xong biến mất. Thế là thiếp đã được Đế Thích Thiên chủ cứu mạng.

Thái tử Sotthisena nghe xong liền bảo:

- Nay vương phi, chuyện có thể là như vậy. Với nữ nhân thật khó biết được sự thật. Trong vùng Tuyết Sơn có nhiều sơn nhân, ẩn sĩ, và pháp sư. Ai sẽ tin nàng đây?

Nói vậy xong chàng ngâm vãn kệ:

*26. Các nàng ngọc nữ quá tinh khôn,
Thật hiếm khi tìm được thật chơn,
Cung cách nữ nhân làm rối trí,
Như đường cá lội giữa trùng dương!*

Nghe vậy, nàng đáp:

- Tâu Chúa công, dù chàng không tin thiếp, thiếp vẫn nói nhân danh chân lý và thiếp sẽ chữa bệnh cho chàng.

Thế là khi đã rót đầy một bình nước để thực hiện một lời Ước nguyện Chân lý, nàng đổ nước từ trên đầu chàng và ngâm vãn kệ:

*27. Ước mong Chân lý, chốn nường thân,
Thiếp chẳng yêu ai khác Chúa công,
Thiếp nguyện cầu xin nhờ Nói Thật
Bệnh chàng nay được chữa lành chăng?*

Khi nàng thực hiện lời Nguyện cầu Chân lý ấy xong, nước vừa được rảy lên đầu Sotthisena thì bệnh hủi liền biến mất như thể rỉ đồng gặp cường toan vậy. Sau khi ở lại đó vài ngày, hai vị rời khu rừng, đi đến Ba-la-nại và vào ngục viên.

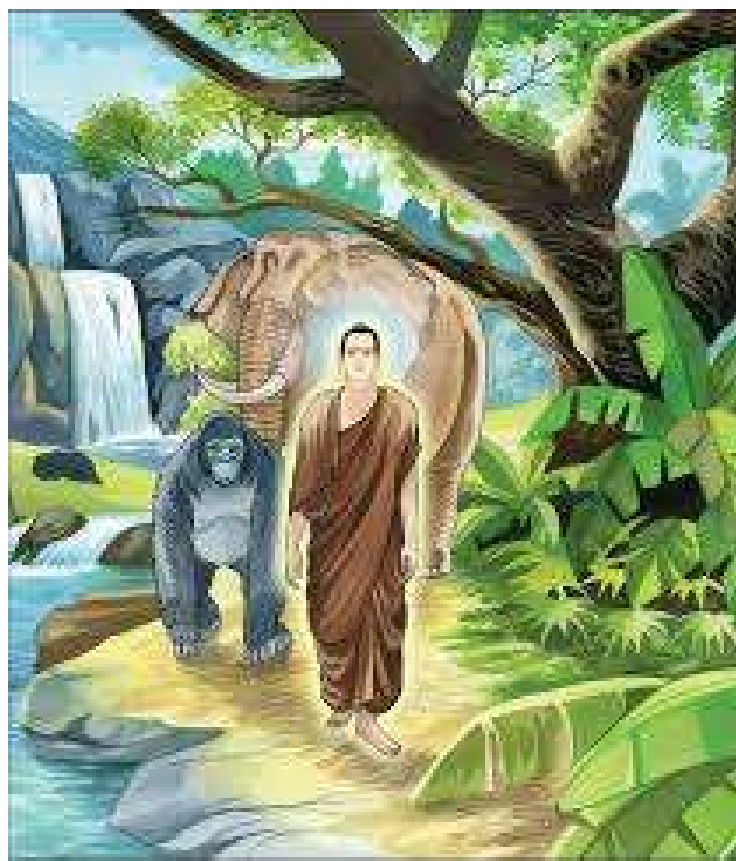
Phụ vương biết chuyện hai con đã về, liền vào ngục viên, ngay tại đó, ngài bảo đem chiếc lọng hoàng gia đến che lên đầu Sotthisena, làm lễ quán đánh sắc phong Sambulà lên ngôi chánh hậu. Sau đó ngài đưa hai con về thành, và chính ngài xuất gia tu hành, lập am trong ngục viên, nhưng vẫn thường dùng ngục thiện trong cung.

(Hết Trích)

Chương 03

Vì Từ Bi, hy sinh bản thân để cứu đồng loại, được loài người, loài trời tôn kính, tán thán...

Chuyện 10: Khỉ chúa, vì lòng từ



bi, hy sinh bản thân để cứu đồng loại khỏi bị diệt vong, khiến vua thán phục, tán

thán, xây tháp thờ xá lợi thượng thủ, bỏ trượng bỏ kiếm, không sát hại những loài vượn và muôn loài **chúng sinh** (Nguồn: *Tiểu Bộ Kinh Khuddaka*

Nikàya. Tiền Thân số 407. Chuyện Đại Hầu Vương)

Quân lính theo lệnh vua bao vây và chuẩn bị cung tên để giết cả đàn khỉ (tám mươi ngàn con). Bồ Tát là khỉ chúa vì lòng từ bi, đã hy sinh thân mình để cứu cả đàn như nội dung chính được trích dẫn dưới đây...

...Vua ngâm vần kệ đầu:

1. Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khỉ

Cho cả đàn trốn thoát được bình an,

Này khỉ kia, ngài với chúng họ hàng,

Hay bọn chúng là gì ngài đó vậy?

Nghe lời này, Bồ-tát ngâm các vần kệ khuyến giáo vua:

2. Tâu Đại vương, tôi trông nom bọn ấy,

Là Hầu vương, tôi làm chủ cả đàn,

Khi bọn kia đây rầy nổi kinh hoàng

Vì các vị, lòng lo buồn đau đớn

.....

6. Tôi không sợ nổi đau vì thiệt mạng,

Dẫu giam cầm tôi cũng chẳng đau buồn.

Khi bình an hạnh phúc với cả đàn,

Xưa bọn chúng, tôi đã từng cai trị.

7. Một ví dụ dành cho ngài, Đại đế,

Nếu ngài mong học Đạo lý Chánh chân:

Niềm an vui hạnh phúc của toàn dân,

Cùng quân đội, và kinh thành, chiến mã,

Đối với ngài đều thiết thân tất cả,

Nếu ngài mong trị nước thật an bình.

Bồ-tát giáo huấn vua như thế xong liền từ trần. Vua gọi các đại thần đến truyền lệnh cho Hầu vương được thọ hưởng tang lễ như một quốc vương.

Sau khi đã chuẩn bị tang lễ của Bồ-tát theo nghi thức vua chúa, họ đem xương sọ của ngài đến trình vua. Vua truyền xây một đền thờ ở tại địa điểm hỏa táng Bồ-tát, làm lễ đốt đuốc và dâng hương hoa cúng dường. Vua lại truyền khảm vàng vào xương sọ, nâng nó lên cao trên đầu ngọn giáo và đặt tại cổng thành rồi cúng dường hương hoa khi vua đến Ba-la-nại. Sau đó truyền lệnh cho cả kinh thành trang hoàng thật trang nghiêm, nhà vua làm lễ suy tôn-xá lợi suốt bảy ngày

407. Chuyện Đại Hầu Vương (Tiền thân Mahākapi)

Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khỉ...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về các thiện nghiệp đối với thân quyến. Hoàn cảnh chuyện này sẽ xuất hiện trong tiền thân Bhaddasàla, số 444.

Tăng chúng bắt đầu bàn luận trong Chánh pháp đường, bảo nhau:

- Đức Phật Toàn Giác đã làm nhiều thiện sự đối với thân quyến.

Khi Bậc Đạo Sư hỏi Tăng chúng và được trình bày đề tài trên, Ngài đáp:

- Nay các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai làm thiện nghiệp đối với thân quyến.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadata trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai loài khỉ. Khi lớn lên, ngài có vóc dáng oai nghi lực lưỡng và cường tráng, cùng sống với một đàn tám mươi ngàn con khỉ ở Tuyết Sơn.

Gần bờ sông Hằng có một cây xoài (nhiều người khác bảo là cây đa) với nhánh chồi tỏa bóng mát và lá rậm rạp như một đỉnh núi. Trái xoài ngọt có mùi hương và vị tuyệt diệu, to bằng các bình nước. Trái từ một cành rơi xuống đất, từ một nhánh khác rơi xuống sông Hồng, từ hai nhánh khác rơi vào gốc cây.

Trong lúc ăn xoài cùng với loài khỉ, Bò-tát nghĩ thầm: "Một ngày kia tai họa sẽ xảy đến cho ta do trái xoài rơi xuống nước".

Vì thế không để lại trái xoài nào trên cành cây mọc trên bờ sông, ngài bảo bọn chúng ăn hết hoặc ném bỏ hoa đúng mùa ngay từ khi nụ hoa mới nhú bằng hột đậu.

Tuy thế, một xoài chín nằm kín trong một tổ kiến, nên cả tám mươi ngàn con khỉ không trông thấy, rớt xuống dòng sông và mắc vào cái lưới ở phía trên vua Ba-la-nại lúc ấy đang tắm sông vui đùa với một tấm lưới ở trên và một tấm ở dưới.

Khi vua đã vui đùa suốt ngày và sắp ra về lúc chiều tối, bọn người đánh cá đang kéo lưới lên, trông thấy trái cây, nhưng không biết loại gì, liền đem dâng vua, vua hỏi:

- Trái gì thế?
- Tâu Đại vương, chúng thần không biết.
- Thế ai biết?
- Tâu Đại vương, các người kiểm lâm.

Vua truyền gọi bọn người kiểm lâm và khi nghe họ bảo đó là trái xoài, vua lấy dao cắt nó ra, rồi trước hết bảo bọn kiểm lâm ăn xoài, sau đó chính nhà

vua cũng ăn xoài. **Hương vị xoài chín thấm nhuần khắp toàn thân vua. Do lòng ham muốn hương vị câu**

thức, vua hỏi bọn kiểm lâm cây ấy ở đâu, và khi nghe rằng cây ấy ở trên bờ sông về hướng Tuyết Sơn, vua truyền ráp các chiếc bè lại và chèo ngược lên thượng nguồn của sông theo lộ trình được đám kiểm lâm hướng dẫn. Số ngày đi đường chính xác là bao nhiêu không được nêu ra.

Theo thời gian, họ đến nơi ấy, và bọn kiểm lâm trình vua:

- Tàu Đại vương đó là cây xoài.

Vua dừng bè lại và cùng đám quần thần đông đảo đi bộ đến nơi, rồi truyền trải sàng tọa ngay dưới gốc cây, vua nằm ngủ sau khi đã ăn xoài và hưởng đủ mọi thứ hương vị tuyệt hảo. Khắp mọi phía quân lính canh gác cẩn thận và nhóm lửa lên. Khi mọi người đã ngủ yên, Bồ-tát cùng bảy khỉ đến đó lúc nửa đêm.

Tám mươi ngàn con khỉ chuyển từ cành nọ sang cành kia ăn xoài. Vua tỉnh giấc thấy bảy khỉ, liền đánh thức quân hầu và gọi đám xạ thủ đến bảo:

- Hãy bao vây loài khỉ đang ăn xoài để chúng không thoát được, rồi bắn cả đi. Ngày mai ta muốn ăn xoài với thịt khỉ.

Đám xạ thủ tuân lệnh, đồng đáp:

- Muôn tâu, được lắm.

Rồi họ bao vây cả cây với cung tên sẵn sàng.

Bây khi thấy họ, sợ chết vì chúng không thể trốn được, liền nhảy đến Bò-tát và thưa:

- Tâu Đại vương, các xạ thủ đang vây quanh cây và bảo: "Ta sẽ bắn chết loài khỉ lang thang trộm cắp này". Chúng con phải làm gì bây giờ?

Chúng vừa đứng vừa run rẩy.

Bò-tát bảo:

- Đừng sợ, ta sẽ cứu mạng các con.

Vừa an ủi bây khi như vậy xong, ngài leo lên một cành mọc thẳng đứng, rồi đi qua một cành khác dài về phía sông Hằng, xong lại nhảy vọt về cuối cành ấy, vượt qua một trăm tám cung và hạ xuống một bụi cây trên bờ.

Khi xuống đến nơi, ngài đánh dấu khoảng cách và nói: "Đó là khoảng cách ta đã vượt qua". Rồi cắt một đọt tre sát gốc, lột vỏ và nói:

- Phần này sẽ được buộc vào cây ấy, và phần kia sẽ ở trên không.

Khi tính hai chiều dài như vậy, ngài quên phần buộc vào thắt lưng mình. Ngài cầm đọt tre buộc một đầu vào thân cây trên bờ sông Hằng và phần

kia vào thất lung, sau đó nhảy vọt qua khoảng cách một trăm tầm cung ấy với tốc độ của mây bay theo gió cuốn.

Do không tính phần tre buộc vào thân mình, ngài không tới tận cây ấy. Vì vậy ngài lấy hai tay nắm chặt cành cây và ra hiệu cho cả đàn khỉ:

- Cầu chúc các con may mắn, qua nhanh lên, bước trên lưng ta mà đi dọc theo cây tre.

Cả tám mươi ngàn con khỉ trốn thoát được theo cách ấy, sau khi cung kính đánh lễ Bồ-tát, xin phép ngài ra đi.

Thời ấy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là một con khỉ trong đàn kia tự nhủ: "Đây là cơ hội để ta thanh toán kẻ thù".

Vì thế vừa trèo lên cây, nó nhảy vọt và ngã trên lưng Bồ-tát. Tim Bồ-tát như muốn vỡ nát, vô cùng đau đớn. Sau khi gây ra nỗi đau khổ thống thiết cho ngài như vậy, nó liền bỏ đi, chỉ còn Bồ-tát một mình.

Lúc ấy vua tỉnh giấc thấy rõ mọi việc bày khi đã làm cùng Bồ-tát, vua lại nằm xuống suy nghĩ: "Con vật này không kể đến tính mạng mình, đã cứu thoát cho cả đàn bình an".

Khi trời sáng, vua hoan hỷ về Bồ-tát, lại suy nghĩ: "Giết hại chúa khỉ này thật không phải đạo, ta muốn đem nó xuống và săn sóc nó". Vì vậy vua quay bè xuống sông Hằng và dựng một cầu cao ở đó để Bồ-tát nhảy xuống

nhẹ nhàng, truyền đem tấm y vàng phủ trên lưng ngài và tắm rửa ngài trên sông, cho ngài uống nước đường, lau thân thể ngài thật sạch và tắm dầu thơm đã lọc kỹ cả ngàn lần, sau đó trải một tấm da đã được thoa dầu lên sàng tọa và đặt ngài nằm ở đó, còn vua ngồi ở một chỗ thấp hơn.

Và vua ngâm vãn kệ đầu:

*1. Chính thân ngài đã bắt ngang cầu khỉ
Cho cả đàn trốn thoát được bình an,
Này khỉ kia, ngài với chúng họ hàng,
Hay bọn chúng là gì ngài đó vậy?*

Nghe lời này, Bồ-tát ngâm các vãn kệ khuyến giáo vua:

*2. Tâu Đại vương, tôi trông nom bọn ấy,
Là Hầu vương, tôi làm chủ cả đàn,
Khi bọn kia đầy rẫy nổi kinh hoàng
Vì các vị, lòng lo buồn đau đớn.*

*3. Tôi nhảy qua một trăm tầm cung lớn
Được trải dài trên vị trí nằm ngang,
Rồi khi tôi đã buộc khúc tre non
Thật vững chắc ở quanh sườn tôi đó,*

4. Muốn đến cây như vàng mây bão tố
Được cuồng phong thổi bạt cực kỳ nhanh,
Song mất đà, tôi chỉ đến đầu cành,
Cầm lấy nó, bàn tay tôi thật vững.

5. Khi tôi nằm trên cây treo lơ lửng
Buộc chặt vào cành với khúc tre non,
Bây khi kia đã bước cả lưng còm,
Giờ đây chúng được an toàn thoát nạn.

6. Tôi không sợ nổi đau vì thiệt mạng,
Dẫu giam cầm tôi cũng chẳng đau buồn.
Khi bình an hạnh phúc với cả đàn,
Xưa bọn chúng, tôi đã từng cai trị.

7. Một ví dụ dành cho ngài, Đại đế,
Nếu ngài mong học Đạo lý Chánh chân:
Niềm an vui hạnh phúc của toàn dân,
Cùng quân đội, và kinh thành, chiến mã,
Đối với ngài đều thiết thân tất cả,
Nếu ngài mong trị nước thật an bình.

Bồ-tát giáo huấn vua như thế xong liền từ trần. Vua gọi các đại thần đến truyền lệnh cho Hầu vương được thọ hưởng tang lễ như một quốc vương. Rồi vua truyền bảo đám phi tần:

- Các nàng hãy đưa Hầu vương ra tận nghĩa địa với tư cách là đoàn tùy tùng của Hầu vương, mặc y đỏ, xõa tóc xuống và cầm đuốc trong tay.

Các đại thần làm dàn hỏa táng với một trăm xe cũi.

Sau khi đã chuẩn bị tang lễ của Bồ-tát theo nghi thức vua chúa, họ đem xương sọ của ngài đến trình vua. Vua truyền xây một đền thờ ở tại địa điểm hỏa táng Bồ-tát, làm lễ đốt đuốc và dâng hương hoa cúng dường. Vua lại truyền khảm vàng vào xương sọ, nâng nó lên cao trên đầu ngọn giáo và đặt tại cổng thành rồi cúng dường hương hoa khi vua đến Ba-la-nại. **Sau đó truyền lệnh cho cả kinh thành trang hoàng thật trang nghiêm, nhà vua làm lễ suy tôn-xá lợi suốt bảy ngày.**

Khi đã nhận phần xá-lợi và dựng đền thờ trong thành, vua đến đó cúng dường hương hoa suốt

đời. Được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, vua chuyên tâm bồ thí cùng làm nhiều thiện sự khác và cai trị chân chánh nên về sau tái sinh thiên giới.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bạc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự thật và nhận diện tiền thân:

- Thời ấy vua là Ananda, đàn khỉ là Hội chúng này và Hầu vương chính là Ta.

**Chuyện 11: Nai Chúa, vì
lòng từ bi, thể mạng cha mẹ,
rãi lòng từ khiến vua không
thể bắn tên, tha chết cho cả
đàn nai, từ bỏ săn bắn (từ bỏ
sát hại chúng sanh), cùng
toàn vương quốc thọ trì ngũ
giới, bình an khắp muôn loài**

(Nguồn: *Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền thân
số 385. Chuyện Lộc Vương hoan hỷ*)



Này Bà-la-môn, ta có thể ra đi. Chắc chắn ta có thể nhảy rào trốn đi. Song ta đã thọ hưởng thức ăn nước uống đầy đủ của đức vua và việc ấy đối với ta như một món nợ. Ngoài ra, ta đã sống lâu nay với bầy nai này, thật không hợp lý nếu ta ra đi mà không làm ích lợi cho đức vua và bầy nai nữa, hoặc không chứng tỏ sức mạnh của ta. Vậy khi nào đến

phiên ta, ta sẽ làm lợi ích cho cả người lẫn vật rồi an vui trở về.

Để giải thích điều này, ngài ngâm hai vần kệ:

*Ta đội ơn vua, ăn uống tràn trề,
Chưa đi được, chờ khi làm ích lợi.*

*Trước cung vua, ta sẽ giơ sườn đợi,
Rồi về thăm cha mẹ để thanh minh.*

Vị Bà-la-môn nghe lời này liền bỏ đi.

Sau đó, vào ngày đến lượt nai chúa, vua cùng đoàn tùy tùng đông đảo vào vườn ngự uyển. Bỏ-tát đứng sang một bên. Vua bảo:

- Ta sẽ bắn nai này.

Và vua lấp một mũi tên nhọn vào dây cung. Bò-tát chẳng bỏ chạy như các con nai khác khi sợ chết, mà lòng đầy can đảm và lấy từ ái làm kim chỉ nam. Ngài đứng yên phô bày bộ xương sườn thật cường tráng.

Do động lực của từ tâm ấy, vua không thể thả mũi tên ra

385. Chuyện Lộc Vương Hoan Hỷ (Tiền thân Nandiyamiga)

Bà-la-môn, ngài có vào ngự uyển...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.

Ngài hỏi vị Tỷ-kheo:

- Có thật là ông phụng dưỡng người thế tục?

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn

- *Họ là ai?*

- *Bạch Thế Tôn, đó là cha mẹ con.*

- *Tốt lành thay, tốt lành thay, này Tỷ-kheo, ông duy trì Giới luật của các trí nhân ngày xưa, vì các vị ấy ngay khi sinh làm súc vật cũng hy sinh tính mạng vì cha mẹ.*

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Ngày xưa, lúc vua nước Kosala ngự trị dân chúng tại Saketa (tức là Oudh), Bồ-tát được sinh làm con nai. Khi lớn lên, ngài có tên là Nandiyamiga (Hỷ Lộc) với tính tình và đức hạnh ưu thắng, ngài phụng dưỡng song thân mình.

Vua Kosala có ý thích săn bắn, hằng ngày đi vào rừng cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, vì thế dân chúng không thể làm nghề canh tác và nghề thương mại của họ được. Họ tụ tập nhau bàn luận:

- *Này các ông, đức vua của chúng ta đang hủy hoại nghề nghiệp của chúng ta, đời sống gia đình ta đang tàn tạ, nên chẳng là chúng ta phải rào lâm viên Anjanavana lại, làm một cổng lớn, đào một hồ nước và gieo cỏ mọc lên, rồi vào rừng cầm gậy trong tay, đập vào các bụi rậm, như thế đuổi được bầy nai ra và đưa chúng đi vào lâm viên ở như bầy bò trong chuồng?*

Sau đó chúng ta đóng cổng lại, trình đức vua việc ấy và đi làm công việc của chúng ta?

- Đó là cách ta phải làm. Họ bảo nhau.

Và họ đồng ý chuẩn bị lâm viên sẵn sàng, rồi vào rừng rào một khoảng rộng, mỗi bề một dặm. Lúc ấy Nandiya đã đem cha mẹ vào một bụi cây nhỏ và nằm xuống đất. Dân chúng cầm khiêng mộc, vũ khí bao vây bụi rậm kè sát nhau, một vài người bước vào tìm. Nai Nandiya thấy họ liền nghĩ: "Thật tốt là ta sẽ hy sinh tính mạng mình hôm nay để cứu cha mẹ". Như thế, nai đứng dậy chào cha mẹ và nói:

- Thừa cha mẹ, đám người này sẽ trông thấy cả ba chúng ta nếu họ vào trong bụi, cha mẹ chỉ có thể sống sót được bằng một cách duy nhất, và mạng sống cha mẹ là tối thượng: con sẽ hy sinh tính mạng của con vì cha mẹ, bằng cách đứng bên bờ bụi cây và chạy ra ngay khi họ đập vào bụi, sau đó họ sẽ nghĩ rằng chỉ có một con nai nhỏ trong bụi nhỏ này thôi, và sẽ không bước vào trong. Vậy cha mẹ hãy cố hết sức thận trọng.

Thế là nai xin được phép đứng lên sẵn sàng chạy ra.

Ngay khi bụi cây bị đám người đứng bên ngoài bờ đập mạnh và la hét, nai vọt chạy ra nên họ nghĩ rằng chỉ có một con nai trong ấy và không bước

vào trong. Nandiya cùng đi với đám nai kia, được đám người ấy xua vào trong lâm viên, rồi họ đóng cổng lại và trình lên đức vua xong xuôi, họ trở về nhà.

Từ đây, bao giờ vua cũng tự mình đi bắn nai, rồi hoặc vua mang nai về, hoặc truyền người đi tìm nó mang về.

Bầy nai chuẩn bị chờ đến phiên mình, con nào đến phiên phải đứng sang một bên, rồi họ mang nó đi khi nó đã bị bắn chết. Nandiya cứ uống nước trong hồ và ăn cỏ, nhưng chưa đến phiên mình. Nhiều ngày sau cha mẹ ngài mong muốn gặp con. Liên nghĩ: "Con ta Nandiya là Lộc vương, mạnh khỏe như voi và hoàn toàn trắng kiện. Nếu còn sống chắc chắn nó sẽ nhảy rào về thăm chúng ta rồi". Vì thế hai vị đứng bên vệ đường, vừa thấy một Bà-la-môn, liền hỏi bằng giọng người:

- Thưa Tôn giả, ngài đi đâu thế?

- Đi Sàketa. Vị ấy đáp.

Nghe vậy, hai vị muốn nhắn đôi lời cho con bèn ngâm vãn kệ đầu:

Bà-la-môn, ngài có vào ngự uyển,

Khi ngài đi qua xứ Oudh, kinh đô,

Xin tìm Nan-di yêu dấu của ta

Và nhắn gửi một đôi lời chân thật:

*Qua tháng năm cha mẹ già kiệt lực,
Lòng khát khao mong mỏi đợi con về.*

Vị Bà-la-môn bảo:

- Được lắm.

Và ông nhận lời.

Ngày hôm sau ông đi đến Sàketa, vào vườn ngự uyển và hỏi lớn:

- Nai nào là Nandiya?

Nai chúa đến gần ông và bảo:

- Ta đây.

Vị Bà-la-môn nói lại lời nhắn kia, Nandiya nghe vậy đáp.:

- Nay Bà-la-môn, ta có thể ra đi. Chắc chắn ta có thể nhảy rào trốn đi.

Song ta đã thọ hưởng thức ăn nước uống đầy đủ của đức vua và việc ấy đối với ta như một món nợ. Ngoài ra, ta đã sống lâu nay với bầy nai này, thật không hợp lý nếu ta ra đi mà không làm ích lợi cho đức vua và bầy nai nữa, hoặc không chứng tỏ sức mạnh của ta. Vậy khi nào đến phiên ta, ta sẽ làm lợi ích cho cả người lẫn vật rồi an vui trở về.

Để giải thích điều này, ngài ngâm hai vần kệ:

*Ta đội ơn vua, ăn uống tràn trề,
Chưa đi được, chờ khi làm ích lợi.*

*Trước cung vua, ta sẽ giơ sừng đợi,
Rồi về thăm cha mẹ để thanh minh.*

Vị Bà-la-môn nghe lời này liền bỏ đi.

Sau đó, vào ngày đến lượt nai chúa, vua cùng đoàn tùy tùng đông đảo vào vườn ngự uyển. Bò-tát đứng sang một bên. Vua bảo:

- Ta sẽ bắn nai này.

Và vua lắp một mũi tên nhọn vào dây cung. Bò-tát chẳng bỏ chạy như các con nai khác khi sợ chết, mà lòng đầy can đảm và lấy từ ái làm kim chỉ nam. Ngài đứng yên phô bày bộ xương sườn thật cường tráng.

Do động lực của từ tâm ấy, vua không thể thả mũi tên ra. Bò-tát bảo:

- Tâu Đại vương, tại sao Đại vương không bắn? Xin hãy bắn đi.

- Nay Lộc vương, trẫm không thể bắn được.

- Tâu Đại vương, thế thì xin hãy xem các công đức của người giữ giới hạnh.

Sau đó vua hoan hỷ với lời của Bò-tát, liền thả cung xuống và bảo:

- Khúc gỗ vô tri giác này không biết đức độ của Nai chúa, chứ trăm là người có tri giác lẽ nào không hiểu? Hãy tha thứ cho trăm, nay trăm cho Nai chúa được bình an.

- Tâu Đại vương, ngài cho ta được bình an, song còn cả đàn nai trong ngự viên này thì sao?

- Trăm cũng sẽ cho chúng bình an nữa.

Như vậy sau khi tạo được bình an cho tất cả bầy nai trong lâm viên, chim muông trên trời và bầy cá dưới nước, theo cách được miêu tả trong Tiên thân Nigrodhamiga (số 12), Bồ-tát làm vua an trú vào Ngũ giới và bảo:

- Tâu Đại vương, tốt lành thay cho một đức vua cai trị quốc độ bằng cách từ bỏ mọi ác đạo, không xâm phạm Thập vương pháp (Mười đức tính của vị vua) và hành động chân chánh:

*Bố thí, nhân từ, đức hạnh, công bình,
Thân ái, nhu mì, ôn hòa, nhẫn nhục,
Ăn năn, bi mẫn, là mười giới đức*

*Ta thấy luôn vững chắc ở trong tâm.
Từ đó khởi sinh cả một từ ân
Thật hoàn thiện và nội thân an lạc.*

Cùng với những lời này, ngài nêu rõ mọi đức tính của một vị vua hiền qua hình thức một lời kệ.

Sau vài ngày ở lại cùng nhà vua, ngài ra lệnh truyền một chiếc trống bằng vàng đi khắp kinh thành, công bố lời hứa bình an cho mọi loài. Sau đó ngài bảo:

- Xin Đại vương hãy cẩn trọng hộ phòng.

Rồi ngài ra về thăm cha mẹ.

*

*Xưa ta chính Lộc vương trong xứ Oudh,
Tánh và danh là Hoan hỷ, Nan-di*

*Muốn giết ta trong ngự uyển, ngày kia
Đức vua đến, tên nằm trên dây sẵn.*

*Ta phơi sườn trước tên vua đòi bắn,
Rồi về thăm cha mẹ để thanh minh.*

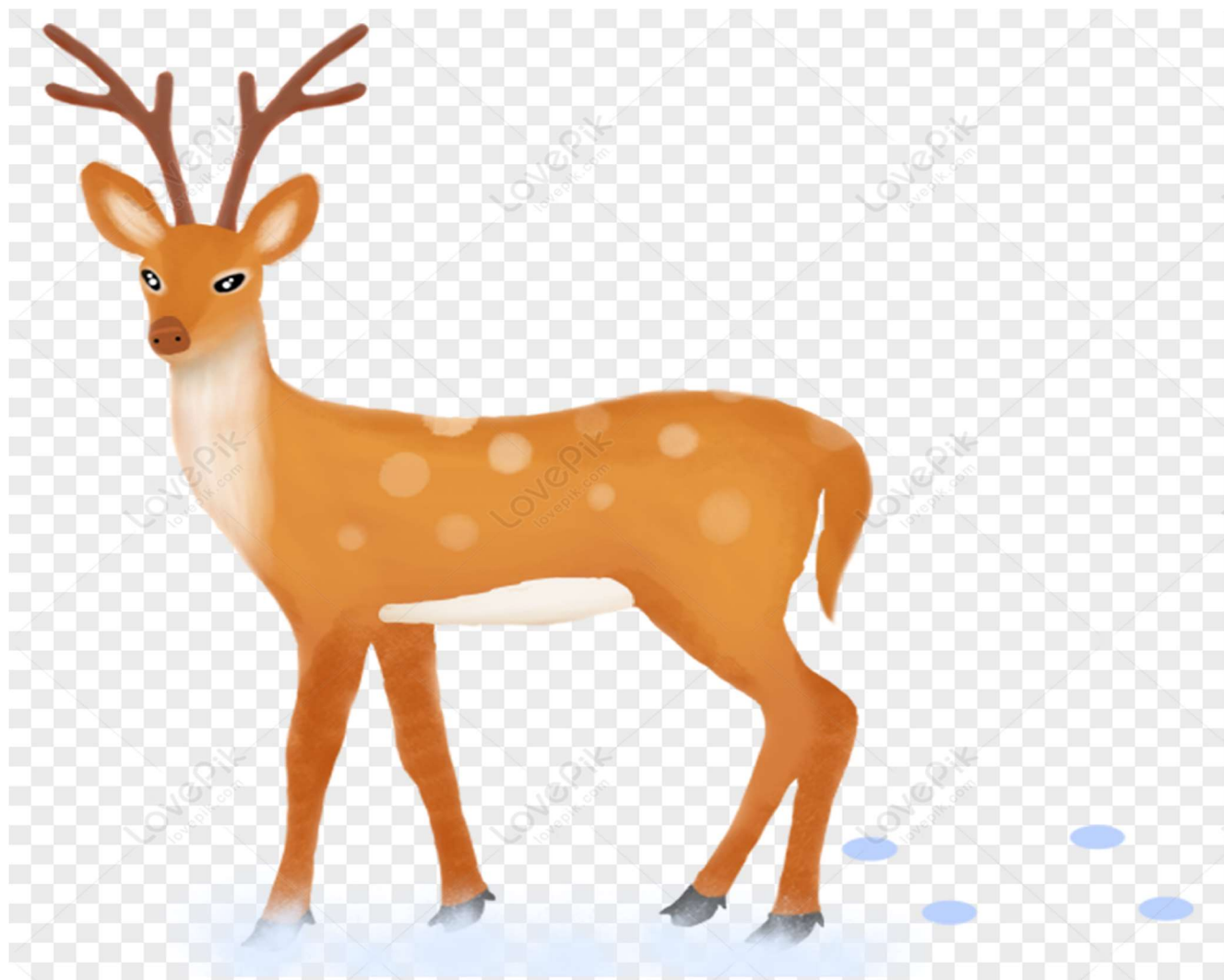
Đây là những vần kệ phát sinh từ Trí tuệ Tối thắng (của đức Phật).

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Vào lúc các Sự Thật kết thúc, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy, song thân là phụ vương và mẫu hậu trong hoàng gia, vị Bà-la-môn là Sàriputta, vua là Ànanda và ta chính là Lộc vương.

Chuyện 12: Nai Hoàng Kim, vì lòng từ bi, cứu sống nạn nhân khỏi chết đuối, vì lòng từ bi tha chết cho kẻ vong ân, khiến đức vua cảm phục, không những cho Nai tự do mà còn từ bỏ sát hại mọi sinh linh vì điều ước của Nai Hoàng Kim xuất phát từ lòng từ, khuyến vua trị thiên hạ bằng thập vương pháp, mang lại bình an khắp **muôn loài** (Nguồn: Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 482. Chuyện Lộc Vương)



**Nai Chúa không muốn vua giết kẻ vong ân, Ngài
ngâm vần kệ**

*11. Người ngu đáng thẹn, tâu Minh quân,
Song việc giết người, bậc thiện nhân,
Chẳng tán thành, xin tha kẻ khốn,
Và ban cho gã thưởng toàn phần*

Những gì ngài hứa, còn ta sẽ

Phục vụ Quân vương những lúc cần.

Vua hoan hỷ khi nghe lời này nên ngâm vắn kệ tiếp để tán thán ngài:

12. Nai này quả thật có lòng nhân,

Không trả hận sân với hận sân,

Tổng gã hèn ngay! Ta thưởng nó

Làm tròn lời hứa đã từng ban

Còn Nai đi đến nơi tùy ý,

Xin chúc ngài luôn được vạn an!

....

Rồi vua cho ngài chọn điều ước.

Bậc Đại sĩ nhận đặc ân này và ước mong rằng tất cả các loài vật từ chính ngài trở đi đều được bình

an thoát khỏi mọi tai họa. Vua thuận cho ngài điều ước ấy,...

Sau đây là toàn bộ chuyện 482

482. Chuyện lộc vương (Tiền thân Ruru)

Thần tâu Hoàng thượng biết tin nai..,

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Có người bảo vị ấy:

- Bậc Đạo sư đem lại thật nhiều lợi ích cho hiền hữu, này hiền hữu Đề-bà-đạt-đa. Hiền hữu đã thọ Đại giới từ đức Như Lai, Hiền hữu đã học với ngài Tam Tạng Kinh điển, Hiền hữu đã nhận được nhiều lợi dưỡng và danh vọng.

Khi những điều như vậy được nói, người ta thường nghe thuật lại một cách đáng tin cậy là vị ấy sẽ trả lời:

- Không đâu hiền hữu, bậc Đạo sư chẳng làm gì lợi lạc cho ta dù chỉ bằng một cọng cỏ. Ta đã thọ Đại giới của chính ta, ta tự học Tam Tạng

kinh điển, ta nhận được lợi dưỡng và danh vọng do từ bản thân ta chứ không nhờ ai cả.

Trong Chánh pháp đường, Tăng chúng nói về việc này:

- Đề-bà-đạt-đa thật là vong ân bội nghĩa, này Hiền hữu, và lại quên cả thân tình.

Bậc Đạo sư bước vào và muốn biết Tăng chúng đang bàn luận gì khi ngồi đó. Các vị trình với Ngài. Ngài bảo:

- Này các Tỷ-kheo, nay không phải là lần đầu Đề-bà-đạt-đa vong ân bội nghĩa, mà trước kia kẻ ấy đã vô ơn. Thuở xưa, nó đã được Ta cứu mạng, nhưng nó không biết công đức to lớn của Ta.

Nói vậy xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ, khi vua Brahmadata trị vì tại Ba-la-nại, một vị đại phú thương có tài sản tám trăm triệu, chỉ sinh được một con trai, đặt tên là Mahà-dhanaka hay Đại phú ông.

Nhưng ông không dạy cho con việc gì cả, ông bảo:

- Con trai ta sẽ thấy việc học làm mệt mỏi tám thân mà thôi.

Ngoài việc múa ca, ăn uống, tiệc tùng cậu trai chẳng biết việc gì cả. Khi cậu khôn lớn, cha mẹ cậu cưới cho cậu một cô gái xứng đôi với cậu, rồi cả hai vị qua đời. Sau khi song thân mất đi, cậu bị đám người chơi bời, phóng đàng, rượu chè, cờ bạc vây quanh nên đã tiêu hết tài sản một cách hoang phí. Lúc đó cậu phải vay tiền rồi không trả lại nổi, bị chủ nợ thúc đòi. Cuối cùng cậu nghĩ: "Đời ta còn nghĩa lý gì với ta nữa? Ta đang bị biến đổi thành một con người khác rồi, thà chết sướng hơn". Sau đó cậu bảo đám chủ nợ.

- Hãy đem các giấy nợ đến đây, ta có cả một gia bảo chôn ở bờ sông Hằng, các ông sẽ được phần đó.

Họ cùng đi với cậu. Cậu làm như thể chỉ chỗ đây đó là nơi chôn gia sản (song lúc đó cậu có ý định nhảy xuống sông trầm mình) và cuối cùng cậu ta nhảy xuống sông Hằng. Trong lúc nước cuốn xoáy cậu đi ra, cậu kêu to lên đầy kinh hoảng.

Lúc bấy giờ, bậc Đại sĩ sinh làm một con Nai chúa và sau khi rời đàn, hiện đang trú ẩn tại một khúc sông, chỉ riêng mình Nai trong khóm cây Sà-la chen lẫn đám xoài trổ hoa rất đẹp. Lốp da trên mình Nai có màu vàng óng ả láng mượt, bàn chân trước và bàn chân sau đỏ như thể nhuộm son, cái đuôi giống như cái đuôi bò rừng, cặp sừng như hình xoắn ốc bằng bạc, đôi mắt Nai tựa hồ đôi hạt minh châu lóng lánh, khi Nai quay mồm về hướng nào thì trông chẳng khác quả cầu bằng vải đỏ. Vào khoảng

nửa đêm, Nai nghe tiếng kêu thê thảm ấy, liền nghĩ thầm: "Ta nghe tiếng người kêu. Trong lúc ta đang sống đây, nó chẳng phải chết! Ta sẽ cứu mạng nó".

Vừa rời khỏi chỗ ẩn nấp trong bụi cây, ngài bước xuống bờ sông và gọi to bằng giọng nói an ủi:

- Nay người kia, đừng sợ, ta sẽ cứu anh sống.

Rồi Nai rẽ dòng nước, mang cậu lên bờ đến tận nơi nai trú ẩn. Suốt hai ba ngày liền, Nai săn sóc và cho cậu ăn trái cây rừng. Sau đó, Nai bảo cậu:

- Nay người kia, ta sẽ mang anh ra khỏi rừng và đặt anh trên đường cái đến Ba-la-nại, anh sẽ về bình an. Song ta yêu cầu anh đừng bị lòng tham tiền bạc lôi kéo mà báo cho vua, hay một người quyền thế nào đó biết là trong chỗ kia một con Nai vàng óng cần phải bắt đây.

Người kia hứa giữ lời và bậc Đại sĩ, sau khi được hứa rồi, liền để cậu trên lưng và đưa ra đường cái hướng về thành Ba-la-nại rồi trở về đường cũ.

Vào ngày cậu ta đi về thành Ba-la-nại, bà hoàng hậu mệnh danh Khema (Thái Hòa) nằm mộng về sáng thấy một con Nai màu hoàng kim thuyết pháp cho bà, nên bà suy nghĩ: "Nếu không có một Nai thần như thế này thì chắc hẳn ta đã không nằm mộng thấy ngài. Hẳn nhiên phải có một vị như vậy, nên ta muốn thông báo việc này với đức vua".

Sau đó, bà đến yết kiến vua và thưa:

- Tâu Đại vương, thần thiếp đang mong mỏi được nghe bài thuyết Pháp của một con Nai hoàng kim. Nếu làm được việc ấy, thiếp mới sống, nếu không, thiếp chẳng thiết sống nữa.

Vua an ủi bà và bảo:

- Nếu có một con vật như thế sống trong cõi trần gian này thì ái khanh sẽ toại nguyện.

Rồi vua triệu các Bà-la-môn vào và hỏi:

- Có loài vật nào như loài Nai hoàng kim chẳng?

- Tâu Chúa thượng, có.

Vua liền đặt một túi tiền mười ngàn đồng đựng bên trong một cái hộp bằng vàng lên lưng một con voi đã được trang điểm thật lộng lẫy: "Bất kỳ ai được tin về một con Nai hoàng kim thì vua sẽ chấp thuận trao cho người đó túi tiền mười ngàn đồng tiền vàng này cùng chiếc hộp bằng vàng và cả con voi ấy nữa hoặc một con khác tốt đẹp hơn". Vua ra lệnh khắc một vần kệ trên một phiến vàng, giao cho một viên quan trong triều và bảo vị ấy nhân danh vua hát vần kệ ấy lên giữa dân chúng toàn thành. Sau đó, vua ngâm vần kệ đầu trong chuyện Tiền thân này:

*1. Ai mang tin báo trăm về Nai,
Tối thượng Lộc vương của cả loài?
Ai được trăm ban phần thưởng quý:
Ngôi làng tuyệt hảo, gái xinh tươi?*

Viên triều thần mang phiến vàng ấy đi, công bố khắp kinh thành. Vừa lúc ấy, con trai của vị phú thương đi vào Ba-la-nại, khi nghe lời công bố ấy, cậu đến gần viên quan và nói:

- Tiểu sinh có thể đưa tin về một con nai như vậy, các ngài hãy dẫn tiểu sinh vào yết kiến đức vua.

Viên quan liền xuống voi, dẫn cậu vào yết kiến vua và tâu:

- Tâu Chúa thượng, người này có thể đưa tin tức trình Chúa thượng về con Nai kia.

Vua phán:

- Có đúng như vậy chẳng, người kia?

Cậu đáp:

- Tâu Đại vương, quả đúng như vậy, xin Đại vương cho tiểu thần vinh dự đó.

Và cậu ngâm vãn kệ thứ hai:

*2. Thần tâu Hoàng thượng biết tin Nai,
Tối thượng Lộc vương của cả loài,
Xin Đại vương ban phần thưởng quý:
Ngôi làng tuyệt hảo, gái xinh tươi!*

Vua rất hoan hỷ khi nghe những lời này của tên phản叛:

- Này mau lên! - Vua phán: - Phải tìm con Nai này ở đâu thế?

Gã đáp:

- Tâu Chúa thượng, ở chỗ như vậy.

Và gã chỉ rõ đường đi. Cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, vua ra lệnh tên phản叛 dẫn ngài đến nơi ấy, rồi gã bảo:

- Xin ra lệnh cho đoàn quân sĩ dừng lại.

Khi quân sĩ đã được lệnh dừng, gã chỉ tay nói tiếp:

- Nơi có con Nai vàng ánh ở chốn vắng xa xa kia kìa.

Và gã ngâm vần kệ thứ ba:

*3. Bụi cây xoài ở phía đằng xa,
Cùng đám Sà-la nở rộ hoa,
Đất tựa yên chi màu đỏ thắm,
Nai này có thể được tìm ra.*

Khi vua nghe những lời này, ngài bảo các cận thần:

- Đừng để Nai chạy thoát, mà phải lập tức bủa vây quanh bụi cây này, còn binh sĩ cầm binh khí trong tay.

Họ làm theo lệnh ấy và đồng thanh la lớn. Vua cùng một số người khác đứng riêng ra, song gã đó cũng không đứng xa mấy. Bậc Đại sĩ nghe tiếng kêu ấy, nghĩ thầm: "Đây là tiếng thét của một đoàn người đông đảo, vậy ta phải đề phòng họ mới được".

Ngài đứng lên và khi nhìn cả một đoàn người, ngài nhận thấy nơi vua đứng. "Nơi nào vua đứng", ngài nghĩ thầm, "ta sẽ được bình an, vậy ta phải đến đó". Rồi ngài chạy về phía vua. Khi vua thấy ngài chạy đến, liền bảo:

- Một con vật mạnh như voi có thể quật mọi thứ trên đường đi của nó. Ta muốn giương cung lên dọa con nai này. Nếu nó chạy, ta sẽ bắn cho nó yếu đi rồi ta mới bắt nó được.

Sau đó vua giương cung lên ngay trước mặt Bồ-tát.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm đôi vần kệ:

4. Nai tiến lên: cung đã được giương,

Mũi tên nằm ở sợi dây trương

Đằng xa, vì vậy Nai kêu lớn

Ngay lúc Nai nhìn thấy Đại vương:

*5. Đại vương, Chúa tể của vương xa,
Xin đừng yên và chớ bắt ta,
Ai đã mang tin Hoàng thượng biết
Nơi này, Nai sẽ được tìm ra?*

Vua say mê giọng ngọt như mật của ngài, liền thả cung đứng yên chiêm ngưỡng ngài. Lúc ấy bậc Đại sĩ bước lên chỗ vua, vừa nói chuyện vui vẻ với vua và đứng một bên. Cả đám tùy tùng cũng hạ binh khí xuống, bước lên vây quanh vua. Vào lúc ấy, bậc Đại sĩ hỏi vua với giọng êm ái như tiếng chuông vàng rung nhẹ nhẹ:

- Ai đem tin đến cho ngài rằng nơi đây sẽ tìm được Nai vàng?

Vừa lúc ấy, con người gian ác kia bước lại gần và đứng nghe lỏm. Vua chỉ gã và nói:

- Đó là người báo tin cho trẫm.

Rồi vua ngâm vãn kệ thứ sáu:

*6. Kẻ ác kia, bằng hữu của ta,
Con người đang đứng ở đằng xa,*

*Mang tin, nó đã cho ta biết
Rằng ở đây Nai được thấy mà.*

Nghe vậy, bậc Đại sĩ trách mắng người bạn phản bội kia, và ngâm vãn kệ thứ bảy nói với vua:

*- 7. Nhiều người ở cõi thế gian này,
Tục ngữ thường hay nói đúng thay:
"Thà vớt gỗ trôi sông còn tốt,
Hơn là cứu một kẻ như mây!"*

Khi vua nghe lời kệ này, liền ngâm vãn kệ khác:

*8. Muốn trách người có thể hỏi Nai?
Là chim, là thú hoặc là ai?
Lòng ta đầy nỗi lo vô hạn
Khi tiếng Nai nghe giống tiếng người!*

Đến đây, bậc Đại sĩ đáp lại:

- Tâu Đại vương, ta không trách một thú vật hay chim chóc nào cả, mà ta trách một người.

Để giải thích việc này, ngài ngâm vãn kệ thứ chín:

*9. Ta cứu gã kia, đã một lần
Khi gần như gã phải chìm dần*

*Trên dòng chảy xiết dìm thân gã,
Vì đó, nay đành phải khổ thân;
Ngài cứ đi cùng phường độc ác,
Ngày sau chắc chắn sẽ ăn năn.*

Khi vua nghe vậy liền nổi giận lôi đình với gã kia. Vua phán:

- Sao? Người không nhìn nhận công đức của ngài sau một việc cứu vớt đầy nhân từ như vậy ư? Ta muốn bắn chết gã kia ngay.

Vua liền ngâm vãn kệ thứ mười:

*10. Ta sẽ đâm tên bốn cánh này
Xuyên vào tim nó, bỏ thân ngay!
Ác nhân này đã đầy tâm phản
Chẳng đội ơn sâu cứu giúp vậy!*

Lúc ấy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Ta không muốn nó chết vì ta", nên ngài ngâm vãn kệ thứ mười một:

*11. Người ngu đáng thẹn, tâu Minh quân,
Song việc giết người, bậc thiện nhân,
Chẳng tán thành, xin tha kẻ khốn,
Và ban cho gã thưởng toàn phần*

*Những gì ngài hứa, còn ta sẽ
Phục vụ Quân vương những lúc cần.*

Vua hoan hỷ khi nghe lời này nên ngâm vãn kệ tiếp để tán thán ngài:

*12. Nai này quả thật có lòng nhân,
Không trả hận sân với hận sân,
Tống gã hèn ngay! Ta thưởng nó
Làm tròn lời hứa đã từng ban
Còn Nai đi đến nơi tùy ý,
Xin chúc ngài luôn được vạn an!*

Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp:

- Tâu Đại vương, người ta có thể miệng nói một đường mà làm một nẻo.

Và ngài ngâm hai vãn kệ để giải thích điều đó:

*13. Tiếng loài sơn cầu, tiếng chim muông,
Thường cũng dễ dàng được cảm thông,
Còn tiếng người đời, tuy rõ thế,
Vô cùng khó hiểu, tâu Quân vương!*

*14. Con người thường nghĩ: "Bạn thân mình,
Quyến thuộc là đây, bạn chí tình".*

*Tuy thế, tình thân thường biến mất,
Oán thù, căm hận lại dần sinh.*

Khi vua nghe lời này, ngài đáp:

- Nay Lộc vương! xin đừng nghĩ rằng ta thuộc loại người như vậy. Vì ta quyết sẽ không chối từ đặc ân mà ta đã ban cho ngài, dù ta có mất cả quốc độ vì chuyện đó. Hãy tin tưởng vào ta.

Rồi vua cho ngài chọn điều ước.

Bậc Đại sĩ nhận đặc ân này và ước mong rằng tất cả các loài vật từ chính ngài trở đi đều được bình an thoát khỏi mọi tai họa. Vua thuận cho ngài điều ước ấy, rồi đem ngài về thành Ba-la-nại và sau khi trang hoàng cả kinh thành lộng lẫy, lại tô điểm luôn cả bậc Đại sĩ nữa, vua mời ngài thuyết Pháp cho bà chánh hậu, sau đó là vua và triều đình nghe bằng thứ tiếng của loài người ngọt ngào như mật. Ngài khuyến giáo vua hành trì Thập vương pháp (mười đức tính của vị minh quân) và khích lệ hội chúng đông đảo ấy xong, liền trở về chốn núi rừng, nơi ngài sống chung với bầy nai.

Vua ra lệnh đánh trống khắp kinh thành cùng lời loan báo:

- Hoàng thượng bảo vệ mọi loài thú vật.

Từ đó về sau, không ai dám giơ tay giết hại thú vật hay chim muông cả.

Nhưng nhiều đàn nai phá hoại mùa màng của người và không ai đủ sức xua đuổi chúng đi. Một đám đông tụ tập trước sân châu, kêu than với vua.

Để làm sáng tỏ việc này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ sau:

*15. Dân thành thị theo với tiện dân,
Đều đi thẳng đến tâu vương quân:
"Đàn nai ăn hết mùa màng cả,
Chúa thượng, việc này phải cản ngăn".*

Nghe vậy, vua ngâm đôi vần kệ:

*16. Dân chúng dù mong muốn hoặc không,
Ví dù đất nước trầm tiêu vong,
Trẫm không thể hại đàn nai được,
Trẫm hứa cho nai sống vẹn toàn.*

*17. Thân dân có thể bỏ rơi ta,
Hủy bỏ vương quyền của thế gia,
Lời ước ta đã ban Lộc chúa
Ta không hề chối bỏ đâu mà.*

Dân chúng nghe lời vua phán bảo, thấy mình không thể nói gì được nữa, đành ra về. Lời vua phán lan ra khắp nơi, bậc Đại sĩ nghe được tin ấy, liền tập hợp cả đàn nai lại, và ra lệnh cho chúng:

- Từ nay về sau, các con không được phá hoại mùa màng của loài người nữa.

Ngài đã gửi thông báo cho dân chúng hay rằng mỗi người phải dựng một tấm bảng hiệu lên vùng đất của mình.

Dân chúng làm theo, và nhờ dấu hiệu ấy, cho đến nay, loài nai không phá hoại mùa màng nữa.

*

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Đề-bạt-đạt-đa vong ân bội nghĩa.

Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:

- Vào thời ấy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là con trai nhà phú thương, Ānanda (A-nan) là vua, và Ta chính là Nai chúa.

-ooOoo-

**Chuyện 13: Ngựa thuần
chủng Sindl, vì lòng từ hy sinh
thân mạng để hóa giải hận thù
cho tám vị vua, giúp nhân dân
tám nước thoát cảnh tàn sát lẫn
nhau, được sống trong hòa
bình trong tình thân ái hòa hảo**

(Nguồn: *Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền
Thân số 23. Chuyện con ngựa thuần chủng*)



Nội dung chính được cô đọng bằng những câu kệ cảm tác sau:

Vương Mã Sin-dh Từ Bi -Trí Dũng

Tiền Thân có kể chuyện rằng

Ba La Nại Quốc phú cường dân đông

Tâm Tịnh

Nhưng rồi Trú Xứ bị vây

Bởi vua bảy nước tiến quân chiếm thành

Vua kia phái một kỵ thần

*Xông vào trận tuyến cùng Ngựa Sin-dh
Vương Ngựa thuần chủng giống rồng
Phi nhanh lướt đại xé tan quân thù
Bắt ngay năm vị vua đầu
Đến vua thứ sáu bị gươm đâm người
Máu ra đau đớn khôn cùng
Ngựa không chịu nghỉ dưỡng thương đầu hàng
Khuyên người Kỵ sĩ bó băng
Lao ngay vào chốn ba quân không người
Bắt ngay hoàng đế cuối cùng
Mang về ra mắt Vua thành Bratta
Lại khuyên Vua thả cừu quân
Sống nhu hòa thuận an yên nhân quần
Khuyến Vua thưởng phạt công minh
Theo thập vương pháp toàn dân chan hòa*

Ngay khi vừa dứt Lời Vàng

Sin-dh nhắm mắt ra đi an lành!

**Sau đây là toàn bộ câu chuyện được trích từ
Tiểu Bộ Kinh**

23. CHUYỆN CON NGỰA THUẦN CHỦNG (Tiền thân Bhojaniya)

Nay tuy nằm một bên...,

*Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo Sư đã kể về một Tỷ-kheo từ bỏ
tinh tấn. Thời ấy, bậc Đạo Sư gọi Tỷ-kheo ấy và nói:*

*- Nay các Tỷ-kheo, thuở trước các bậc Hiền trí, trong những hoàn cảnh
khó khăn vẫn kiên trì tinh tấn, dầu có bị thương vẫn không thôi thất.*

Nói vậy xong, bậc Đạo Sư kể câu chuyện quá khứ:

*

Thuở xưa, khi vua Brahamadatta đang trị vì ở thành Bà-la-nại, Bồ-tát được
sinh làm con ngựa Sindh nòi giống tốt, con ngựa báu của vua, được trang
sức lông lẫy. Nó ăn cơm nấu với gạo cũ ba năm, đầy đủ hương vị đặc biệt,
đựng trong một cái đĩa bằng vàng, trị giá một trăm ngàn đồng tiền vàng.

Chuồng ngựa được dựng trên đất ướp thơm với bốn loại hương. Xung quanh chuồng có treo những màn đỏ, trên trần treo cái tán bằng vải, được trang hoàng với các vì sao bằng vàng. Trên tường thả xuống những chuỗi hoa thơm, vòng hoa và một ngọn đèn dầu thơm luôn luôn cháy đỏ. Không có vị vua nào không thèm muốn vương quốc Ba-la-nại.

Một thời, bảy vị vua bao vây thành Ba-la-nại, gửi tới hậu thư cho vua Ba-la-nại, nói:

- Hãy trao vương quốc cho chúng ta, hãy là giao chiến.

Vua mời các đại thần họp, báo tin ấy và hỏi:

- Nay các khanh, nay phải làm gì?

- Tâu Thiên tử, ngài không nên tự mình giao chiến trước. Hãy sai một vị cưỡi ngựa, đi giao chiến trước. Nếu vị ấy thất bại, chúng ta sẽ tính sau.

Rồi vua cho mời vị ấy đến và hỏi:

- Khanh có thể giao chiến với bảy vị vua không?

- Thưa Thiên tử, nếu thần được con ngựa Sindh nòi giống tốt, kể gì bảy vị vua, thần có thể giao chiến với các vua ở toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ).

- Nay khanh, con ngựa Sindh giống tốt, hay con nào khác, tùy ý khanh muốn, hãy lấy con ngựa ấy và đi giao chiến.

- Lành thay, thừa Thiên tử!

Vị ấy đánh lễ vua, từ trên lầu bước xuống, cho đem lại con ngựa Sindh tốt giống, khéo mặc áo giáp cho nó, tự mình vũ trang toàn diện, đeo gươm, rồi leo lên lưng ngựa Sindh, đi ra khỏi thành và nhanh như chớp, đánh tan đội quân thứ nhất, bắt sống một vua, cho dẫn vua ấy về giam ở đội quân trong thành. Rồi vị ấy đi nữa, đánh tan đội quân thứ hai, cũng vậy, đội quân thứ ba, thứ tư, thứ năm và bắt sống được năm ông vua.

Nhưng khi vị ấy đánh tan đội quân thứ sáu, và bắt vua thứ sáu, thì con ngựa Sindh giống tốt bị thương, chảy máu và cảm thấy đau đớn rất nhiều. Biết con ngựa đã bị thương, người kỵ mã cho nó nằm xuống trước cửa cung vua, cởi áo giáp cho nó, và sai lính nai nịt một con ngựa khác.

Bồ-tát nằm một bên hông rất thoải mái, mở mắt thấy người kỵ mã, tự nghĩ: "Người kỵ mã đang nai nịt một con ngựa khác, sẽ không thể nào đánh tan đội quân thứ bảy, không thể nào bắt được ông vua thứ bảy. Như vậy nó làm tiêu tan công lao ta đã làm, còn người kỵ mã không ai sánh kịp này sẽ bị giết, và nhà vua sẽ rơi vào tay quân thù! Ngoài ta ra, không một con ngựa nào khác đánh tan được đội quân thứ bảy, và có thể bắt được vị vua thứ bảy!"

Đang nằm như vậy, Bồ-tát gọi người kỵ mã và nói:

- Nay bạn, ngoài tôi ra, không có con ngựa nào khác có thể đánh tan đội quân thứ bảy, bắt được ông vua thứ bảy. Tôi sẽ không để ai hủy hoại thành quả tôi đã làm. Hãy đỡ tôi dậy và nai nịt cho tôi!

Sau khi nói vậy, Bò-tát đọc bài kệ này:

Nay tuy nằm một bên,
Bị bắn bởi mũi tên,
Con ngựa nòi giống tốt,
Thắng hơn con ngựa khác
Hỡi này người kỵ mã
Hãy nai nịt cho tôi

Người kỵ mã đỡ con ngựa dậy, băng bó vết thương, khéo nai nịt áo giáp cho nó, rồi nhảy lên lưng ngựa ra trận đánh tan đội quân thứ bảy, bắt sống ông vua thứ bảy và dẫn vị ấy về đội quân của vua mình. Người kỵ mã dắt Bò-tát đến cửa thành và vua đi ra để xem Bò-tát. Bạc Đại Sĩ nói với vua:

- Tâu Đại Vương, chớ giết bảy ông vua ấy. Hãy bắt họ thề sẽ trung thành với ngài rồi thả họ ra. Hãy cho người kỵ mã thọ hưởng danh vọng xứng đáng với công lao. Thật không phải đạo nếu để một chiến sĩ đã bắt được bảy vị phải chịu thiệt thòi! Đại vương hãy bỏ thí, hãy giữ giới, hãy trị vì quốc độ với Chánh pháp công bằng.

Khi Bồ-tát khuyến giáo vua như vậy xong, người ta cởi áo giáp cho Bồ-tát. Nhưng khi được cởi tung mảnh giáp, Bồ-tát mệnh chung. Vua lo việc hoả táng con ngựa rất trọng thể, cho người kỵ mã hưởng danh vọng lớn, và đòi bảy ông vua kia phải tự mình thề không còn phản bội gây chiến nữa, rồi đưa họ về nhà của họ. Vua trị vì quốc độ với chánh pháp và công lý, sau khi mạng chung, đi theo nghiệp của mình.

*

Bậc đạo sư nói:

- Nay các Tỷ-kheo, như vậy thưở trước, các bậc Hiền trí trong những hoàn cảnh khó khăn vẫn kiên trì tinh tấn, dầu có bị thương vẫn không thối thất. Còn ông được sống trong giáo pháp giải thoát như vậy, vì sao lại thối thất tinh tấn?

Sau khi nói xong, Thế Tôn thuyết giảng Bốn Sự thật. Cuối bài giảng ấy, vị Tỷ-kheo thối thất tinh tấn chứng quả A-la-hán. Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo Sư kết hợp hai câu chuyện với nhau, và kết luận với sự nhận diện Tiền Thân:- Thời ấy, vua là Ànanda, người cưỡi ngựa là Xá-lợi-phát, và con ngựa Sindh nòi giống tốt là Ta vậy.

Chương 04

**Vì từ bi, nguyện cầu chân lý
bằng giới đức thanh tịnh không
sát sanh để cứu hữu tình thoát
chết, hoặc vượt qua khổ nạn**



**Chuyện 14 Vì lòng từ,
nguyện cầu chân lý bằng
giới đức thanh tịnh
không sát sanh để người
phụ nữ sinh con vẹn
toàn, không đau đớn khổ
sở**

(Nguồn: *Trung Bộ Kinh Majjhima Nikàya. 86. Kinh Angulimàla*)



Đoạn trích từ Trung bộ kinh số 86. Kinh Angulimàla

(Angulimàla sutta)

Rồi Tôn giả Angulimala, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Savatthi để khất thực. Trong khi đi khất thực từng nhà một ở Savatthi, Tôn giả Angulimala thấy một người đàn bà đang sanh đẻ, rất là nguy kịch và đau đớn. Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "Thật đau khổ thay các chúng sanh! Thật đau khổ thay các chúng sanh! " Rồi Tôn giả Angulimala, sau khi đi khất thực ở Savatthi, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, đi

đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Angulimala bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, ở đây, con vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào thành Savatthi để khất thực. Bạch Thế Tôn, trong khi đi khất thực từng nhà một ở Savatthi, con thấy một người đàn bà đang sanh đẻ, rất là nguy kịch, đau đớn. Thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật đau khổ thay các chúng sanh! Thật đau khổ thay các chúng sanh! "

-- Này Angulimala, Ông hãy đi đến Savatthi, sau khi đến, nói với người đàn bà ấy như sau: ***"Này Bà chị, vì rằng tôi từ khi sanh ra chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn, và sanh đẻ được an toàn!"***

-- Bạch Thế Tôn, nếu làm vậy, thời con là cố ý nói láo. Bạch Thế Tôn, con đã cố ý giết hại mạng sống rất nhiều chúng sanh rồi.

-- Vậy thì, này Angulimala, Ông hãy đi đến Savatthi, sau khi đến hãy nói với người đàn bà ấy như sau: ***"Này Bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh đến này chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong***

***rằng với sự thật ấy, bà được an toàn và sanh
để được an toàn!"***

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Angulimala, sau khi vâng đáp Thế Tôn, đi đến Savatthi, sau khi đến nói với người đàn bà ấy như sau: "Thưa Bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sanh đến nay chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sanh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn, và sanh để được an toàn!" Và người đàn bà được an toàn, sanh để được an toàn.

Chuyện 15 Vị Thuyền

Trưởng, vì lòng từ bi, nguyện cầu
chân lý bằng giới đức về thân
hành thanh tịnh không sát sinh
để cứu 700 người lái buôn thoát
nạn, khỏi bị dòng nước biển xoáy
nhận chết chìm trong tuyệt vọng

(Nguồn: *Tiểu Bộ Kinh_Khuddaka Nikàya. Tiền
Thân số 463. Chuyện Trí Giả Suppàraka*)

Bây giờ có cả bảy trăm mạng người trên thuyền này, họ đều sợ chết; nên họ đồng thanh thốt lên một tiếng kêu vô cùng thảm thiết, chẳng khác nào tiếng kêu la của những kẻ đang bị đốt cháy trong chốn địa ngục tận cùng (Vô gián Địa ngục). **Bậc Đại sĩ nghĩ thầm:**

"Trừ ta ra, không ai có thể cứu mạng họ được. Ta quyết cứu họ bằng một lời thề chân lý". Rồi ngài nói lớn:

- Nay các hiền hữu, hãy mau mau tắm cho ta bằng nước hương thơm, mặc y phục mới cho ta, dọn ra một chén nước đầy và đưa ta đứng trước con thuyền.

Cả bọn vội làm như vậy. Bậc Đại sĩ cầm chén nước đầy bằng cả hai tay, và đứng trước mũi thuyền, thực hiện một lời nguyện cầu chân lý trong khi ngâm vần kệ cuối cùng:

Từ khi ta nhớ rõ về thân,

Trí tuệ đầu tiên phát khởi dần,

Không một người nào ta sát hại,

Là điều ta đã biết tinh tường,

Nếu lời cầu nguyện này chân chánh,

Mong ước thuyền về chốn vạn an.

Bốn tháng qua con thuyền đã du hành trong những vùng biển xa xôi nay dường như được ban cho thần lực siêu phàm, nên chỉ trong một ngày nó trở lại hải cảng Bharukaccha, vào tận trên đất liền cho đến khi dừng lại trước cửa nhà của vị thuyền trưởng kia...

Sau đây là toàn bộ câu chuyện số 463.

Chuyện Trí Giả Suppàraka (Tiền thân Suppàraka)

Những người kia mũi nhọn như dao..,

Chuyện này bậc Đại Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, về sự viên mãn của trí tuệ tối thắng.

Một ngày nọ, chúng ta nghe kể rằng về buổi tối, các Tỷ-kheo đang đợi đức Như Lai đến thuyết Pháp cho Tăng chúng, và trong lúc ngồi tại chánh pháp đường, các vị nói với nhau:

- Nay Tỷ-kheo, quả thật bậc Đạo Sư có trí tuệ vĩ đại! Trí tuệ quảng bác! Trí tuệ mãn tiệp, Trí tuệ linh hoạt! Trí tuệ tinh xảo! Trí tuệ uyên thâm! Trí tuệ Ngài đáp ứng đúng nơi đúng lúc! Trí bao la như thế giới, như đại dương vô tận, như bầu trời trải rộng mênh mông: khắp cả xứ Diêm-phù-đề không một bậc trí nhân nào có thể sánh bằng đáng Thập Lực, như một đợt sóng nổi lên trên đại dương không thể chạm đến bờ được, hoặc nếu chạm vào bờ, sóng kia sẽ vỡ tan. Cũng vậy, không một người nào có thể đạt đến trí tuệ bằng đáng Thập Lực, hoặc nếu kẻ ấy đến chân bậc Đạo Sư thì sẽ vỡ tan.

Bằng những lời ấy Tăng chúng tán thán Trí tuệ tối thắng của đấng Thập Lục. Bậc Đạo Sư bước vào, và hỏi:

- Nay các Tỷ-kheo, các ông đang nói gì trong khi ngồi đây?

Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

- Không phải chỉ bây giờ Như Lai mới đầy đủ trí tuệ. Ngày xưa ngay khi trí tuệ chưa viên thành Chánh giác, Ngài cũng đã sáng suốt thông minh. Mặc dù mù lòa, Ngài cũng biết qua các dấu hiệu của đại dương là ở trong đại dương có chôn giấu các loại ngọc này nọ.

Sau đó Ngài kể một chuyện quá khứ.

*

Một thuở nọ một vị vua mệnh danh Bharu trị vì trong quốc độ Bharu. Có một thị trấn bên hải cảng được đặt tên là Bharukacha hay là Đầm Bharu. Vào thời ấy, Bò-tát sinh ra trong gia đình một thuyền trưởng ở tại đó, ngài rất khả ái, với làn da màu vàng nâu. Cha mẹ đặt tên ngài là Suppàraka-Kumàra.

Ngài lớn lên, xuất sắc khác thường, và ngay khi chỉ mới được mười sáu tuổi, ngài đã hoàn toàn tinh thông nghệ thuật hàng hải. Sau đó khi thân phụ mất, ngài cầm đầu đám thủy thủ và miệt mài với nghề hàng hải, ngài

thật thông minh sáng suốt, khi ngài lên tàu rồi thì không hề có chiếc tàu nào đến làm hại được.

Theo thời gian, ngài bị thương vì nước mặn nên đôi mắt ngài mất cả thị giác. Sau sự kiện ấy, dù ngài là thuyền trưởng của đám thủy thủ, ngài không còn đeo đuổi sự nghiệp thương mại nữa, mà quyết định về phục vụ vua, ngài đến yết kiến vua với mục đích ấy, và vua phong cho ngài chức hội thẩm đánh giá các báu vật. Từ đó ngài định giá trị các voi báu, ngọc báu và châu báu.

Một hôm, một con voi được đem trình lên vua, da voi màu đá đen, nên có thể được làm vương tượng. Vua liếc nhìn voi rồi ra lệnh đem nó đi đến trình diện với bậc trí giả. Quân hầu liền dẫn con vật đến gặp ngài. Ngài sờ tay lên khắp mình voi và bảo:

- Con voi này không xứng đáng làm quốc tượng. Nó có đặc tính của một con vật bị dị tật ở phía sau. Khi voi mẹ sinh ra nó, đã không đủ sức mang nó lên vai, nên để nó ngồi xuống đất, vì vậy nó bị tật nguyên ở chân sau.

Họ chất vấn những người đem voi đến, và bọn ấy trả lời rằng bậc trí giả đã nói đúng sự thật. Khi vua nghe nói chuyện kia, lòng rất hoan hỷ và ra lệnh ban cho bậc trí giả tám đồng tiền vàng.

Một ngày khác, người ta đem một con ngựa dâng lên để làm vương mã. Con vật này cũng được dẫn đến bậc trí giả. Ngài lấy tay sờ khắp mình ngựa rồi nói:

- Con vật này không thích hợp để làm vương mã cho đức vua ngự. Vào ngày nó sinh ra, ngựa mẹ chết đi, nên do thiếu sữa mẹ, nó không lớn lên đầy đủ.

Lời nói này của ngài cũng đúng sự thật nữa. Khi nghe được chuyện ấy, vua rất đẹp ý, phán bảo đem tặng ngài tám đồng tiền nữa.

Vào một ngày khác, một chiếc xe được đem đến để làm vương xa. Vua cũng đưa xe này đến ngài. Ngài lấy tay sờ khắp xe và bảo:

- Chiếc xe này được làm bằng gỗ rỗng, nên không thích hợp với đức vua.

Lời nói này của ngài cũng đúng như các lời khác. Vua lại một phen hài lòng khi nghe chuyện này, nên ban thêm cho ngài tám đồng nữa. Một lần nữa có người đem dâng vua một tấm thảm quý có giá trị lớn, vua liền đưa nó đến ngài như lần trước. Ngài sờ khắp tấm thảm, rồi bảo:

- Ở đây có một chỗ mà con chuột đã cắn một lỗ.

Họ xem kỹ và thấy chỗ đó, liền tâu với vua. Vua đẹp ý lại bảo cho ngài tám đồng tiền nữa.

Lúc bấy giờ bậc trí giả mới suy nghĩ: "Chỉ được có tám đồng vàng để xem những việc kỳ diệu như thế đấy. Đây là món tiền tặng cho thợ hớt tóc, chắc hẳn vua này là cậu bé thường hớt tóc! Tại sao ta phải phụng sự một vị vua như thế chứ? Ta sẽ trở về nhà riêng của mình". Thế là ngài trở về hải cảng Bharukaccha và sống tại đó.

Lúc ấy có vài thương nhân chuẩn bị một chiếc thuyền và đang đi tìm một thuyền trưởng. Họ suy nghĩ: "Ngài Suppàraka thông minh kia là một bậc trí giả tài ba, có ngài trên tàu thì không con tàu nào đến hại nữa. Dù ngài mù lòa, bậc trí giả Suppàraka vẫn là người tuyệt hảo". Vì thế họ đi đến ngài và mời ngài làm thuyền trưởng.

- Này các hiền hữu - ngài đáp - ta mù rồi, làm sao lái thuyền các bạn được?

- Thưa Tôn giả, quả ngài mù thật đấy - các thương nhân bảo - song ngài là người tài giỏi nhất.

Vị họ cứ năn nỉ ngài mãi không ngót nên cuối cùng ngài chấp thuận.

- Như các bạn đã nói với ta - ngài bảo - thì ta sẽ làm thuyền trưởng của các bạn.

Sau đó, ngài bước lên chiếc thuyền của họ.

Họ lái thuyền ra giữa đại dương. Suốt bảy ngày liền, thuyền đi không gặp rủi ro nào, rồi một ngọn gió trái mùa nổi lên. Thuyền trôi dạt bốn tháng trên vùng đại dương hoang dã, cho đến lúc vào được một nơi gọi là Biển Khuramàla (Bãi Dao nhọn hoắc). Tại đây loài cá có thân như người với mõm nhọn hoắc như lưỡi dao, nhào lộn dưới nước. Các thương nhân quan sát loài cá này, vừa hỏi bậc Đại Sĩ biển này tên gì, vừa ngâm vãn kệ đầu:

*1. Đám người kia mũi nhọn như dao,
Vừa nhảy lên cao, lại lộn nhào,
Hãy nói, Sup-pà, cho chúng bạn,
Biển này được biết với tên nào?*

Bậc Đại sĩ nghe câu nói này, liền ôn lại trong trí các kiến thức thủy thủ của ngài, rồi đáp qua vãn kệ thứ hai:

*2. Đây các thương nhân cảng Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cá Khu-ra đỏ,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Lúc bấy giờ đại dương này có nhiều kim cương. Bậc Đại sĩ suy nghĩ rằng nếu ngài bảo chúng bạn đây là biển kim cương, họ sẽ làm chìm tàu do lòng tham hốt nhiều kim cương. Vì thế, ngài không nói gì cả, song sau khi đưa thuyền đến, ngài lấy một sợi dây thừng và thả lưới xuống như thể bắt cá.

Với dây này, ngài đã hốt được một mớ kim cương và dầu trong thuyền, rồi ngài lựa những thứ ít giá trị quăng xuống biển.

Chiếc thuyền đi qua vùng biển này, đến một biển khác tên là Aggimàla (Vùng Lửa cháy). Biển này tỏa ra ánh sáng như thể một ngọn lửa đang bùng cháy, như mặt trời đứng ngọ. Các thương nhân hỏi han ngài qua vãn kệ:

*3. Kìa đại dương như ngọn lửa hồng,
Như vàng nhật chiếu, bạn cùng trông,
Sup-pa, xin nói cho bè bạn,
Tên gọi là gì chốn đại dương?*

Bậc Đại sĩ đáp lại họ qua vãn kệ tiếp theo:

*4. Đây các thương nhân ở Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cả Ag-gi đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bấy giờ biển này chứa đầy vàng, cũng như trước, ngài lấy lên một mớ vàng và cất lên thuyền. Qua khỏi biển này con thuyền đi đến một biển cả tên là Dadhimàla (Vũng Sữa đông), óng ánh như sữa tươi hay sữa đông. Các thương nhân lại hỏi tên của biển qua vãn kệ:

*5. Kìa biển trắng phau giống sữa tươi,
Trắng như nhìn vũng sữa đông rồi,
Sup-pà, xin nói cùng bè bạn,
Tên gọi là gì của biển khơi?*

Bậc Đại sĩ đáp lại chúng bằng câu kệ tiếp theo:

*6. Nay các thương nhân ở Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cả Da-dhi đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Trong biển này có rất nhiều bạc. Ngài lấy bạc theo cách như trước, rồi cất lên tàu. Chiếc thuyền đi qua biển này và đến một đại dương tên là Nilavannakusamàla (Thảm cỏ Kusa), có hình dáng một thảm cỏ kusa đen nhánh (cỏ cát tường) hay một cánh đồng lúa. Các thương nhân lại hỏi tên biển qua vần kệ:

*7. Kìa, biển xanh như cỏ cát tường,
Tưởng như nhìn đám lúa nàng hương,
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,
Tên gọi là gì của đại dương?*

Ngài đáp lời qua vần kệ tiếp theo:

*8. Nay các thương nhân xứ Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đại dương đây chính Ku-sa đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bấy giờ trong biển này có rất nhiều ngọc bích quý. Cũng như trước, ngài lấy một mớ ngọc và cất trên thuyền. Qua khỏi biển này, con thuyền đi đến một biển tên gọi là Nalamàla (Bãi Lau sậy), có hình dáng một bãi lau sậy hay một rừng tre. Các thương nhân hỏi tên biển qua vãn kệ:

*9. Kìa đại dương như một khóm lau,
Khác nào ta thấy rặng tre đâu,
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,
Biển cả này tên gọi thế nào?*

Bậc Đại sĩ đáp lại qua vãn kệ sau:

*10. Nay các thương nhân xứ Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Biển này tên gọi Na-la đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Bấy giờ biển này đầy san hô với màu khóm tre, ngài lại hốt một mớ đá quý này và cất lên tàu.

Sau khi đi qua biển Nalamàla, các thương nhân đến một biển có tên là Valabhàmukha (Lòng chảo). Ở đây nước rút đi và dâng lên một phía, và như vậy nước rút đi ở mọi phía và dâng lên trên các vách đá thẳng đứng để lại một vùng như thể cái hố sâu. Một đợt sóng dâng tràn lên một phía, khác nào một bức tường: tai lại nghe một tiếng gầm thét khủng khiếp, tưởng chừng làm thủng màng tai hoặc vỡ cả tim ra. Khi thấy cảnh này, các thương nhân kinh hoàng và hỏi tên biển qua vằn kệ:

*11. Nay nghe tiếng thét thật kinh hoàng,
Từ biển cả kia thật dị thường!
Hố thẳm, hãy nhìn nhiều đợt sóng
Dâng lên dốc đứng tựa sườn non,
Sup-pà, hãy nói cho bè bạn,
Đây gọi tên gì của đại dương?*

Bồ-tát đáp lại qua vằn kệ:

*12. Nay các thương nhân xứ Bhar-ka,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Va-la-bhà đại dương này đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.*

Ngài nói tiếp:

- Nay các hiền hữu, một khi thuyền vào trong biển Valabhàmukkhī này thì không thể nào trở về được. Nếu thuyền này vào đó, nó sẽ chìm và tan nát.

Bây giờ có cả bảy trăm mạng người trên thuyền này, họ đều sợ chết; nên họ đồng thanh thốt lên một tiếng kêu vô cùng thảm thiết, chẳng khác nào tiếng kêu la của những kẻ đang bị đốt cháy trong chốn địa ngục tận cùng (Vô gián Địa ngục). **Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Trừ ta ra, không ai có thể cứu mạng họ được. Ta quyết cứu họ bằng một lời thề chân lý". Rồi ngài nói lớn:**

- Nay các hiền hữu, hãy mau mau tắm cho ta bằng nước hương thơm, mặc y phục mới cho ta, dọn ra một chén nước đầy và đưa ta đứng trước con thuyền.

Cả bọn vội làm như vậy. Bậc Đại sĩ cầm chén nước đầy bằng cả hai tay, và đứng trước mũi thuyền, thực hiện một lời nguyện cầu chân lý trong khi ngâm vần kệ cuối cùng:

*13. Từ khi ta nhớ rõ về thân,
Trí tuệ đầu tiên phát khởi dần,
Không một người nào ta sát hại,
Là điều ta đã biết tinh tường,
Nếu lời cầu nguyện này chân chánh,
Mong ước thuyền về chốn vạn an.*

Bốn tháng qua con thuyền đã du hành trong những vùng biển xa xôi nay dường như được ban cho thần lực siêu phàm, nên chỉ trong một ngày nó trở lại hải cảng Bharukaccha, vào tận trên đất liền cho đến khi dừng lại trước cửa nhà của vị thuyền trưởng kia, sau khi nhảy vọt qua một khoảng chừng một ngàn một trăm cubit (1 cubit = 45cm). Bậc Đại sĩ phân phát cho đám thương nhân tất cả vàng bạc trân châu, san hô, kim cương và bảo:

- Số châu báu này là đủ cho các bạn rồi, vậy đừng du hành đường biển nữa.

Sau đó ngài thuyết Pháp cho họ và đến khi đã làm xong các việc bố thí và các thiện sự suốt đời, ngài đi lên cộng trú với hội chúng ở Thiên giới.

*

Sau khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

- Nay các Tỷ-kheo, ngày xưa Như Lai cũng rất thông thái như bây giờ vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời bấy giờ hội chúng của đức Phật là hội chúng thương nhân và Ta chính là Trí giả Suppàraka.

Chuyện 16 Vua cá, vì tù bi, nguyện cầu chân lý với giới đức thanh tịnh không sát sanh để cứu giống nòi khỏi bị diệt vong

(Nguồn: *Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 75. Chuyện Con Cá (Tiền thân Maccha)*)

Tâm nguyện của Bồ Tát, tiền thân của
Đức Phật Thích Ca

Xin chẳng sinh linh nào bị hại



Nguyện Bảo Hộ Sinh Mạng

Sak-ka, Thiên chủ của trần gian,

Ngài bảo cho ta một đặc ân,

Xin chẳng sinh linh nào bị hại,

Vì ta, dù khẩu, ý hay thân.

Nơi nào cũng vậy, này Thiên chủ,

Lời nguyện này ta vẫn ước mong.

Tiểu Bộ Kinh Nikàya, Chuyện Tiền Thân số 440. Hắc Hiền Giả

**Nội dung chính được cô đọng bằng những vần kệ
cảm tác sau:**

**Hạn hán lâu ngày ao cạn nước
Đàn cá phoir mình miếng mỗi ngon
Bày quạ tụ lại xơi thịt sống
Đau buồn thấy cảnh thật xót thương
Cá vương hiền trí rơi giọt lệ
Thực hành nguyện cầu hạnh chân lý
Từ khi sinh ra ta là cá
Là loại ăn thịt nòi giống mình
Ta không hề sát một sinh linh
Dù nhỏ dù to hỡi Pa ju
Chân thật nguyện cầu xin thiên chủ
Cho mưa làm đầy ao cạn đáy
Để cứu giống nòi nạn duyệt vong**

**Sấm chớp mưa rơi khắp cả vùng
Là nhờ nguyện cầu hạnh thật chân
Đàn cả thoát nạn hết sầu bi.**

Sau đây là toàn bộ câu chuyện số 75

Nỗi sấm, Paj-ju-na...,

Câu chuyện này khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo Sư đã kể về cơn mưa do chính Ngài làm. Một thời, theo truyền thuyết, tại nước Kosala, trời không mưa, mùa màng khô héo, chỗ này chỗ kia, ao hồ, bể nước đều khô cạn. Ngay cả hồ Kỳ Viên cũng khô cạn nước. Các loài cá, rùa đi vào đám bùn, nằm mắc cạn. Rồi quạ, điều hâu... đến, với mỏ như lưỡi giáo, mổ chúng, kéo chúng ra và ăn chúng đang còn vùng vẫy. Bậc Đạo Sư thấy cá rùa mắc nạn ấy, với từ tâm, ngài xúc động suy nghĩ:

- Hôm nay, ta phải làm mưa.

Khi đêm đã qua, tắm rửa thân thể xong, xét đã đến giờ khát thực, với đại chúng Tỷ-kheo vây quanh, với uy nghi của một đức Phật, Ngài đi vào thành Xá-vệ để khát thực. Sau bữa ăn, trên con đường đi khát thực từ Xá-vệ trở về, Ngài đi đến tinh xá đứng trên tầng cấp của hồ Kỳ Viên, bảo Trưởng lão Ananda:

- *Này Ānanda, hãy đem áo tắm đến đây. Ta sẽ tắm trong hồ Kỳ Viên!*

- *Nhưng bạch Thế Tôn, hồ Kỳ Viên đã cạn nước. Chỉ có bùn còn lại.*

- *Này Ānanda, Phật lực rất lớn. Hãy đem áo tắm lại.*

Trưởng lão đem áo tắm và đưa cho bậc Đạo Sư. Bậc Đạo Sư, với một đầu áo quấn quanh thân dưới và một đầu áo che thân trên, đứng trên tầng cấp và nói:

- *Ta sẽ tắm ở hồ Kỳ Viên.*

Trong thời khắc ấy, chiếc ngai bằng tảng đá vàng của Thiên chủ Đế Thích trở thành nóng. Đế Thích tìm hiểu nguyên nhân, biết được lý do, liền cho gọi thần mưa thần mây và nói:

- *Này các thần, bậc Đạo Sư đứng trên tầng cấp chính, muốn tắm ở hồ Kỳ Viên, hãy cho mưa đổ xuống gấp thành một dòng, khắp tất cả nước Kosala.*

Vâng theo lời Đế Thích, thần mây và thần mưa lấy một đám mây mặc vào như mặc đồ lót, lấy một đám mây khác che thân, và hát lên bài ca đông tố, vị ấy vụt ra đi, mặt hướng về phương đông. Ở phương đông, khởi lên một đám mây lớn bằng sân đập lúa. Đám mây ấy lớn dần lên cho đến bằng một trăm, một ngàn sân đập lúa, và nó làm sấm, làm chớp đổ nước xuống xứ Kosala như một dòng nước lớn.

Con mưa không gián đoạn, và trong giây lát nước ngập đầy hồ Kỳ Viên. Khi chạm đến tầng cấp cao nhất, thì nước đứng lại. Bậc Đạo Sư tắm trong hồ xong, mặc đôi y màu đỏ, buộc cái nịt thân, đắp đai y Thiện Thệ vào một bên vai. Với chung Tỷ-kheo vây quanh, ngài đi đến Hương phòng, ngồi trên Phật tọa được trang hoàng đẹp đẽ, và khi chúng Tỷ-kheo làm xong phận sự, bậc Đạo Sư đứng dậy, từ trên tầng cấp châu báu của bảo tọa, Ngài khuyên giáo chúng Tỷ-kheo và cho họ giải tán. Rồi ngài vào Hương phòng, nằm phía hông bên phải như dáng nằm con sư tử.

Vào buổi chiều, khi chúng Tỷ-kheo tụ hội tại Pháp đường, họ nói đến sự thành tựu đức nhẫn nhục, từ bi, lân mẫn của bậc Đạo Sư:

- Khi mùa màng bị khô héo, khi các hồ đều ráo cạn, khi các loài cá, loài rùa gặp đau khổ lớn, vì lòng thương xót muốn cứu chúng thoát khổ, Ngài mặc áo tắm, đứng trên tầng cấp cao nhất của hồ Kỳ Viên, và chỉ trong thời gian ngắn, làm mưa xuống khiến toàn xứ Kosala tràn ngập dòng nước lớn, giải thoát đại chúng khỏi đau khổ về thân, về tâm rồi trở về tinh xá.

Khi câu chuyện nói đến đó, bậc Đạo Sư từ Hương phòng đi ra, đến Pháp đường và hỏi:

- Nay các Tỷ-kheo, các ông ngồi họp lại ở đây, và đang bàn vấn đề gì?

Khi nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo Sư nói:

- *Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới làm mưa cho đại chúng khỏi một mối. Thuở xưa, khi sanh làm thú vật, khi làm vua loài cá, Như Lai cũng đã làm trời mưa rồi.*

Nói vậy xong, bậc Đạo Sư kể câu chuyện quá khứ.

*

Thuở trước, trong nước Kosala, ở Xá-vệ này, tại chỗ hồ Kỳ Viên, có một hồ chẳng chít những cây leo. Bồ-tát sanh ra làm con cá, với đàn cá vây quanh sống tại đây. Giống như nay vậy, trong xứ ấy trời không mưa, mùa màng của dân chúng bị khô héo: các ao hồ cạn nước, các con cá, con rùa bị mắc cạn. Trong hồ này, các con cá mắc cạn trong bùn, ẩn núp tại những chỗ ấy. Các con quạ đến nơi, mổ chúng với cái mỏ đem chúng lên và ăn chúng.

Bồ-tát thấy bà con mình gặp tai nạn ấy, tự nghĩ: "Ngoài ta ra, không một ai khác có thể cứu chúng thoát khỏi cảnh khổ này. Ta hãy làm một hạnh nói lên. Sự thật, khiến trời mưa, và giải thoát bà con ta khỏi cảnh khổ phải chết này".

Rẽ bùn đen ra làm hai, Bồ-tát đi lên, đó là một con cá lớn, đen đui với bùn, như một cái hộp làm bằng lõi cây mun. Bồ-tát mở mắt như hòn ngọc được rửa sạch, nhìn lên trời, và nói với Pajjuna, vua chư Thiên:

- Nay bạn Pajjuna, ta đau khổ vì bà con ta. Khi ta, một bậc giữ giới bị đau buồn, làm sao bạn lại không làm trời mưa? Vì ta, đầu sanh ra trong loài phải ăn thịt bà con, từ thuở ban đầu là con cá nhỏ, ta cũng không bao giờ ăn một con cá chỉ bằng hột gạo, cũng không bao giờ đoạt mạng sống của một sanh vật khác. Với sự thật này, hãy làm cho trời mưa và giải thoát bà con ta thoát khỏi đau khổ!

Sau khi nói vậy, như ra lệnh cho nô tỳ hầu hạ, Bồ-tát nói với Pajjuna, vua chư Thiên, bài kệ này:

Nỗi sấm, Pàj-ju-na,

Chận quạ gây tai hại!

Hãy làm quạ sầu muộn,

Giúp ta khỏi sầu bi!

Như vậy Bồ-tát bảo Pajjuna làm mưa lớn trong toàn nước Kosala và giải thoát đại chúng khỏi đau khổ vì phải chết. Và khi mạng chung, Bồ-tát đi theo nghiệp của mình.

*

Bậc Đạo Sư nói:

- Nay các Tỷ-kheo, không phải chỉ có nay Như Lai mới làm trời mưa. Thuở trước, khi sanh làm con cá, Ta cũng đã làm trời mưa rồi.

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo Sư kết hợp hai câu chuyện và nhận diện Tiền thân như sau:

- Thời ấy, đàn cá là hội chúng đức Phật, vua chư Thiên Pajjuna là Ānanda, và vua loài cá là Ta vậy.

Chương 05

Cho dầu bị làm hại, tổn tánh
mạng, vẫn **Từ Bi**, không
lòng giận, không phần uất không
ác ý, được sinh thiên giới...

“

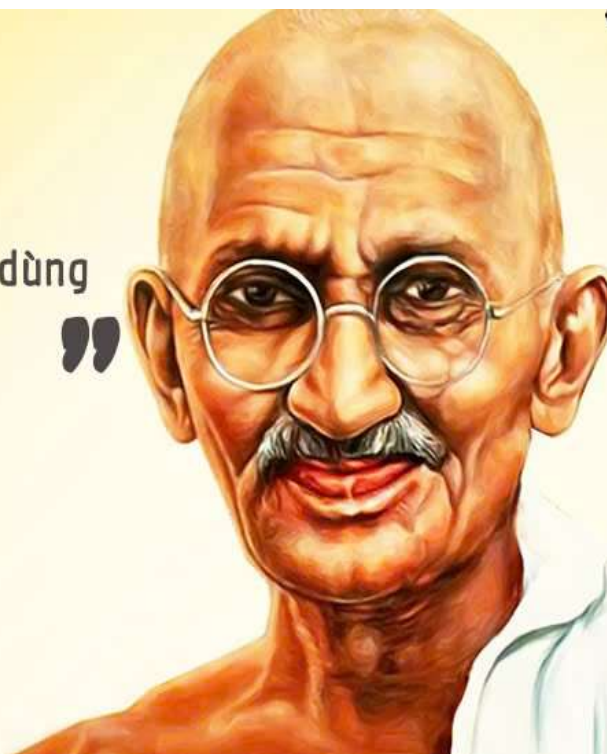
Bất bạo động là sức mạnh

vĩ đại nhất mà con người có thể dùng

”

Mahatma Gandhi

1869 - 1948



Giữ giới không sát sanh, cho dầu trong tình huống tổn thương nghiêm trọng cho đến mất mạng, vẫn kham nhẫn, từ bi, không phản kháng, không phẫn nộ, không ác ý đối với kẻ hại mình là pháp hành giữ giới bất sát tuyệt diệu, vì lòng từ bi, vì trí đạo sáng suốt, mang lại kết quả tốt đẹp khả ái, khả hỷ. Chuyện Thiên Đế Thích nhờ thiện hành, không vì giữ mạng sống của mình để hại chúng sanh, đã chuyển thua thành thắng quân A-tu-la, là một thí dụ minh chứng cho thiện quả khả hỷ do hành động chơn thiện, không hại chúng sanh cho dầu tổn đến mạng sống (*những con chim sí điểu con hoảng sợ khi thiên xa của Thiên chủ Sakka chạy quá nhanh do bị quân A-tu-la đuổi bắt*), như được ghi lại trong Thánh Điển Tiền thân số 31. Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya). Trong câu chuyện 17, chương 05 này, quý pháp hữu chứng kiến sự kiên định giữ giới bất sát của 500 đảng cướp vừa mới thọ ngũ giới, không phản kháng, không chống trả, không ác ý, cho dầu bị dân làng đánh cho đến chết. Nhờ vậy, tất cả đảng cướp, sau khi mạng chung, đều được sinh Thiên, thọ hưởng sự hỷ lạc ở các cõi trời dục giới trong khoảng thời gian giữa hai vị Phật – Đức Phật Ca Diếp – Kassapa và Đức Phật Thích Ca - Gotama. Lời Phật dạy trong Tăng Chi Bộ Kinh, Chương ba Pháp cho thấy những pháp hữu nào hoan hỷ thực hành ba pháp sau đây, sẽ được sinh Thiên, **từ bỏ sát sanh, tùy hỷ từ bỏ sát sanh, và**

khuyến người khác từ bỏ sát sanh như đã được minh định trong đoạn kinh văn sau:

Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy được sanh thiên giới. Thế nào là ba?

Tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh, tùy hỷ sự từ bỏ sát sanh. *Đầy đủ ba pháp này, này các Tỷ-kheo, tương xứng như vậy, được sanh thiên giới. (Tăng Chi Bộ Kinh_Anguttara Nikàya. Chương Ba Pháp. XVI. Phẩm Lỏa thể. 153 sát sanh)*

Trong khi đó, chuyện 18 cùng chương này cho thấy bà con dòng họ Thích Sàkya kiên quyết giữ giới bất sát, không đánh trả lại với quân lính của vua Lưu Ly trong cuộc tàn sát đẫm máu, tận diệt dòng họ Thích Sàkya. Vì họ là những đệ tử chân chính của Đức Phật, nghe theo lời Thế Tôn thọ trì ngũ giới, không có ác tâm, hận thù, vì tin và biết rằng khi họ có ác tâm giết chết kẻ thù trong cuộc giao tranh, và không may bị giết chết trong trạng thái tâm hận thù, hay ác tâm đó, thời họ sẽ bị đọa địa ngục. Sự thật này được hiển bày trong Thánh Điển Tương Ưng Bộ_Samyutta Nikàya, Tương Ưng Thân Trưởng như đoạn kinh văn trích dẫn dưới đây:

1) Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc

2) Rồi chiến đấu sư Yodhàjivo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

3) Ngồi xuống một bên, chiến đấu sư bạch Thế Tôn:

-- Con được nghe, bạch Thế Tôn, các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các chiến đấu viên, nói rằng: "Vị chiến đấu viên nào trong chiến trường, hăng say, tinh tấn; do hăng hay tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại; vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Saràjità". Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

-- Thôi vừa rồi, này Chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.

4) Lần thứ hai...

5) Lần thứ ba, chiến đấu sư bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, con được nghe các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các chiến đấu viên, nói rằng: "Vị chiến đấu viên nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Saràjità". Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

-- Thật sự, Ta đã không chấp nhận và nói rằng: "Thôi vừa rồi, này Chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này". Tuy vậy, Ta sẽ trả lời.

6) Này Chiến đấu sư, đối với **chiến đấu viên** nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn, tâm của vị ấy trước đó phải có những ý nghĩ thấp kém, ác ý, ác nguyện như sau: "Mong rằng các loài hữu tình ấy bị giết, bị bắt, bị tàn sát, bị tàn hại!", hay: "Mong họ chớ có tồn tại!" **Do vị ấy hăng hái, tinh tấn như vậy, nếu vị ấy bị người khác tàn sát, đánh bại, thời người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào địa ngục tên là Saràjità.** Nếu **người ấy có**

tà kiến như sau: "Vị chiến đấu viên nào giữa chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Saràjità". Như vậy là tà kiến. **Ai rơi vào tà kiến này, này Chiến đấu sư, Ta nói rằng, người ấy chỉ có một trong hai sanh thú: Một là địa ngục, hai là súc sanh.**

7) Khi được nói vậy, vị chiến đấu sư phát khóc, rơi nước mắt.

-- Chính vì vậy, này Chiến đấu sư, Ta không chấp nhận và nói: "Thôi vừa rồi, này Chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này".

-- Bạch Thế Tôn, con khóc không phải vì Thế Tôn đã nói như vậy. Nhưng, bạch Thế Tôn, vì con đã bị các Đạo sư, các Tổ sư, các chiến đấu viên thuở trước đã lâu ngày lừa dối con, dối trá con, dắt dẫn con lầm lạc, nói rằng: "Ai là người chiến đấu viên giữa các chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vì ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Saràjità".

8) Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Từ nay cho đến mệnh chung con trọn đời quy ngưỡng!

(Tương Ưng Bộ_Samyutta Nikàya. Tương Ưng Thôn Trưởng. III. Yodhàjivo (Kẻ chiến đấu) (S.vi,308)

Như vậy, theo Tuệ Giác của Thế Tôn, như đã được diễn giải trong đoạn kinh văn trên, những người lính, các chiến sỹ trong những cuộc giao tranh, đặc biệt như cuộc chiến tranh tàn khốc giữa Ukraine và Nga, giữa Israel và Hamas vv, không những phải chịu nỗi sợ hãi, sân hận thường trực, mà còn bị đọa địa ngục, ngay sau khi hy sinh trong trạng thái tâm sân hận, thù địch, ác tâm này.

Là người con Phật, thật bất lực và xót xa chứng kiến con người tàn sát lẫn nhau mà chẳng biết làm gì hơn, ngoại trừ với công đức chia sẻ chánh pháp, và những công đức lành trong việc tu tâm, dưỡng tánh mỗi ngày và với tâm chân thành cùng với quý Phật tử, những hiền thiện hữu xa gần, xin hồi hướng và nguyện cầu HÒA BÌNH sớm trở lại với đất nước

Ukraine, Nga, dải Gaza nói riêng và HÒA BÌNH cho cả Thế Giới trong đó mọi người sống tương ái lẫn nhau, hòa chung với muôn loài chúng sanh trong một môi trường tự nhiên trong xanh hiền hòa.

Trong tâm từ,

Tâm Tịnh

**Chuyện 17 500 đảng
cướp nhờ không phần
uất, ác ý, không đánh trả
trong cuộc rượt đuổi và
giết hại của dân làng,
được sinh thiên**

*(Nguồn: Tích Truyện Kinh Pháp Cú. XXIV.
Phẩm Tham Ái. 1. Con Cá Vàng)*



***Hôm nay các anh (500 tên cướp) đã thọ
giới, cho dù mạng sống bị đe dọa đi nữa, các
anh cũng không được phạm giới hay có tư
tưởng ác.***

- Được thôi.

Các tên cướp hứa sẽ giữ giới luật đã thọ.

*Dân làng đuổi theo tận nơi bọn cướp ẩn náu, và giết chết hết tất cả. **Chúng được tái sinh lên cõi trời...***

Sau đây là câu chuyện liên hệ đến việc 500 đảng cướp, nhờ lãnh thọ ngũ giới với một vị ẩn sĩ, không chống trả, không có ác tâm ngay khi bị dân làng rượt đuổi và đánh chết, và được tái sinh thiên giới

1. Con Cá Vàng

Người sống đời phóng dật...

Câu chuyện xảy ra khi đức Thế Tôn ở tại Kỳ viên, trong trường hợp của cá vàng *Kapilamaccha*.

Chuyện quá khứ

1A. Thầy Tỳ Kheo Tỳ Phụ - Đảng Cướp

Thuở xưa, thời đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có hai anh em một gia đình quý tộc xuất gia làm Sa-môn. Người anh tên *Sodhana* và người em tên *Kapila*. Cả người mẹ *Sàdhini* và cô em gái *Tàpanà* cũng xuất gia làm Tỳ-kheo ni. Khi xuất gia, cả hai anh em đều làm tròn bốn phận với bậc

thầy thế độ và các vị Giáo thọ một cách thành kính. Một ngày nọ, họ hỏi thầy:

- Bạch thầy, trong tôn giáo này có bao nhiêu bốn phần chánh yếu?
- Có hai bốn phần: học và thiền định.

Nghe thế, người anh cả nghĩ thầm: "Ta sẽ hoàn thành bốn phần thiền định". Và thầy ở lại bên vị Bốn sư năm năm. Nhận một đề mục thiền định dẫn đến quả Tuệ giác, thầy vào rừng và sau khi nỗ lực hết sức mình, thầy chứng A-la-hán.

Người em nói: "Ta còn trẻ, khi nào già, ta sẽ thiền định". Thầy chọn bốn phần học tập. Thầy học thông Tam tạng, do đó thầy có đông đồ chúng và được nhiều lợi dưỡng. Say sưa với kiến thức đa văn của mình và bị ma tham danh chi phối, thầy trở nên tự phụ. Thầy hay sửa lưng người khác. Khi người ta nói đúng thầy bảo sai, khi người ta nói sai thầy bảo đúng, việc có tội thầy nói là vô tội, việc vô tội cho là có tội.

Các vị Sa-môn hiền đức vẫn hay khuyên thầy:

- Này huynh *Kapila*, đừng nói như vậy.

Các vị nhắc thầy về điều luật, về Phật pháp. Nhưng *Kapila* trả lời:

- Các ông biết được gì? Hỡi những con cá rỗng?

Thầy lại tiếp tục nhục mạ người.

Các vị Sa-môn kể lại với thầy *Sodhana*. Thầy *Sodhana* khuyên em:

- Nay *Kapila*, với cương vị Tỳ-kheo, em nên cư xử đúng đắn. Em đừng khinh thường, bác bỏ các lời khuyên chân thật, và nói năng theo cách của em như thế.

Nhưng thầy *Kapila* chẳng màng gì đến lời khuyên của anh. Thầy *Sodhana* kiên nhẫn khuyên hai, ba lần thầy *Kapila* cũng không đếm xỉa gì đến. Thầy chỉ còn biết nói:

- Nay sư đệ, em sẽ mang tiếng xấu vì những hành động thầy nữa.

Thầy *Kapila* cư xử xấu và kết hợp một số đồ chúng cũng tệ như thầy.

Ngày nọ, thầy tự nói: "Ta sẽ trùng tuyên Luật tạng tại Pháp đường".

Thầy cầm quạt, lên tòa ngồi, tuyên đọc Luật với câu hỏi thường lệ.

- Thừa các đại đức, chúng đã nhóm, có ai cần phát lồ?

Các vị Tỳ-kheo nghĩ thầm: "Trả lời ông ấy chẳng ích lợi gì". Tất cả yên lặng. *Kapila* tiếp:

- Nay chư huynh, ở đây không có Giáo lý cũng không có Giáo luật, các vị có nghe đọc luật cũng như không nghe thôi.

Nói rồi *Kapila* xuống tòa. Như thế, thầy đã làm chậm trễ việc giảng dạy giáo pháp của đức Phật Ca-diếp.

Trong đời ấy, Trưởng lão *Sodhana* vào Niết-bàn. *Kapila* với thái độ như thế đã vào ngục A-tỳ. Cả mẹ và em gái thầy theo chế nhạo các vị Sa-môn hiền đức, cũng rơi vào địa ngục.

Thời ấy, có **năm trăm tên cướp**, một ngày kia chúng bị rượt bắt, phải vào rừng ẩn náu. Chúng không tìm được nơi nương thân, và khi gặp một vị ẩn sĩ, chúng vái chào và thưa:

- Bạch Ngài, hãy cho chúng con nương tựa.

Vị ấy trả lời:

- Không có nơi nương tựa nào bằng đạo đức. Tất cả các anh có thể giữ năm giới được không?

- Thưa được.

Chúng bằng lòng thọ năm giới cấm.

Tôn giả ẩn sĩ khuyên họ:

- Hôm nay các anh đã thọ giới, cho dù mạng sống bị đe dọa đi nữa, các anh cũng không được phạm giới hay có tư tưởng ác.

- Được thôi.

Các tên cướp hứa sẽ giữ giới luật đã thọ.

Dân làng đuổi theo tận nơi bọn cướp ẩn náu, và giết chết hết tất cả. **Chúng được tái sinh lên cõi trời, tên cầm đầu bọn cướp thành vị thiên chủ cai quản các vị kia. Sau khi tái sinh nhiều lần nơi các cõi trời, lúc ở cõi cao lúc cõi thấp suốt vô số kiếp trôi qua trong thời kỳ giữa hai vị Phật... (Hết trích)**

**Chuyện 18 Vì lòng từ, hoặc vì
tránh đọa địa ngục do bị giết chết
trong sân hận** *(liên hệ đến lời dạy của Thế
Tôn khi chiến sỹ chết trận trong hận thù ác tâm...),*
**Những người của dòng họ Thích
Ca không sân hận, không ác ý,
không làm hại mạng của quân
lính nước Kosola trong cuộc tàn
sát vì sân hận của vua Lưu Ly**

*(Nguồn: Tích Truyện Kinh Pháp Cú. IV. Phẩm Hoa. Vua
Vidudabha trả thù goiing họ Thích Ca. Pháp Cú 47)*

PHÁT LÒNG TỬ BI



*Thân tộc của Thế
Tôn giữ giới nên
không giết hại kẻ
thù mình, họ thà
chết hơn đoạt*

*mạng sống kẻ khác. Họ mặc giáp lên đường
chiến đấu, hy vọng dùng tài ba của mình khiến
kẻ địch bỏ chạy. Những xạ thủ tài giỏi họ Thích
khéo léo điều khiển mũi tên bắn xuyên qua
khiên và kẻ hở lỗ tai, mà không trúng ai cả. Vua
Lưu Ly thấy tên bay không tin rằng họ Thích
giữ lời hứa không sát hại kẻ thù, nhưng khi
đếm lại số người của mình còn nguyên, ông
mới hết nghi ngờ. Tuy vậy ông vẫn ra lệnh bộ*

hạ giết hết họ Thích, trừ những người theo Thích Mahànàmà.

Sau đây nội dung đoạn trích liên hệ đến cuộc tàn sát của quân vua Lưu ly đối với dòng họ Thích Ca

Một hôm, vua Ba-tư-nặc đứng trên sân thượng nhìn xuống đường, thấy hàng ngàn Tỳ-kheo đi thọ thực về hướng nhà ông Cấp Cô Độc, tiểu Cấp Cô Độc, Tỳ-xá-khư và *Suppavàsa*. Vua ngạc nhiên hỏi và khi biết rằng mỗi ngày có hai ngàn Tỳ-kheo đến nhà ông Cấp Cô Độc, năm trăm đến nhà ông Tiểu Cấp Cô Độc và cũng khoảng số đó đến nhà của Tỳ-xá-khư và *Suppavàsa* để nhận cúng dường thức ăn, thuốc men và nhiều thứ khác, vua cũng muốn cúng dường nên đến tinh-xá thỉnh Phật và một ngàn Tỳ-kheo đến hoàng cung thọ thực. Vua dâng cúng bảy ngày và đến ngày cuối đánh lễ và thỉnh Phật với năm trăm Tỳ-kheo tiếp tục thường xuyên đến thọ thực. Vì chư Phật không bao giờ đến thọ thực thường xuyên một chỗ, nên Thế Tôn cử trưởng lão A-nan dẫn Tăng Chúng.

Trong bảy ngày, nhà vua đích thân rót bát cho chúng Tăng, không cho phép ai làm thế. Đến ngày thứ tám vua xao lãng bốn phận. Các Tỳ-kheo đến cung vua thọ trai nghĩ rằng vua không hạ lệnh cho ai làm thế nên

không có ai lo chỗ ngồi và phục vụ chúng Tăng. Nhiều vị bỏ đi. Ngày kế tiếp cũng vậy và thêm một số nữa ra đi. Đến hôm sau nữa, các Tỳ-kheo đi hết trừ Trưởng lão A-nan.

Những người thực sự hăng sống với chánh kiến thì làm chủ được mọi tình huống để giữ vững niềm tin cho thí chủ. Thế Tôn có hai đệ tử tăng nòng cốt là Trưởng lão Xá-lợi-Phất và Mục-kiền-liên, hai ni nòng cốt là *Khemà* và Liên Hoa Sắc, hai nam cư sĩ nòng cốt trưởng giả *Citta* và *Hatthaka Alavaka*, hai nữ cư sĩ nòng cốt *Velukantakì*, mẹ của ngài Nan-đà và *Khujjutarà*. Tóm lại, tất cả những môn đệ, bắt đầu với tám vị này, những vị nào đã lập nguyện, đã viên mãn Thập độ Ba-la-mật và như thế là những bậc đại công đức. Trưởng lão A-nan cũng vậy, đã lập nguyện, đã viên mãn Thập độ suốt một trăm ngàn kiếp, và đã là một bậc đại công đức. Do đó Ngài không sồn lòng trước bất cứ cảnh nào, và đã ở lại để giữ tín tâm cho nhà vua. Như vậy, chỉ một mình ngài A-nan được dâng chỗ ngồi và cúng dường.

Mãn giờ thọ trai, vua đến và thấy thức ăn còn nguyên chưa đụng đến, bèn hỏi lý do. Được biết các Tỳ-kheo đã về hết, ngoại trừ ngài A-nan, ông giận dữ thấy sự thiệt hại và đến ngay Phật thưa:

- Bạch Thế tôn, con đã chuẩn bị cho năm trăm Tỳ-kheo mà hiện giờ chỉ có một mình ngài A-nan. Thức ăn còn nguyên không ai đụng đến, mà không thấy bóng dáng các Tỳ-kheo tại hoàng cung. Xin Thế tôn cho con biết lý do.

Đức Phật không quy lỗi cho các Tỳ-kheo, chỉ trả lời:

- Đại vương, đệ tử của Ta không tin cậy nơi Đại vương. Đó là lý do họ không đến.

Rồi Phật dạy các Tỳ-kheo trong những điều kiện nào các Tỳ-kheo không bắt buộc phải đến nhà thí chủ, và điều kiện nào thích đáng để các Tỳ-kheo nên đến, trong bài kinh như sau:

- Nay các Tỳ-kheo, một gia đình thí chủ nếu có chín điểm không đủ tư cách thì Tỳ-kheo không nên đến viếng. Như vậy Tỳ-kheo không đến viếng gia đình ấy vì họ không có bốn phận phải đến. Nếu họ có đến thăm thì cũng không có bốn phận phải ngồi lại. Chín điểm ấy là gì? Đó là:

- 1) Người trong gia đình không đứng lên đón các Tỳ-kheo một cách vui vẻ.
- 2) Họ không chào mời các Tỳ-kheo một cách vui vẻ.
- 3) Họ không mời ngồi một cách vui vẻ.
- 4) Họ giấu giếm những gì họ có.
- 5) Có nhiều, cho ít.
- 6) Có thức ăn thượng hạng, cho thức ăn tồi tàn.
- 7) Thay vì cúng dường một cách tôn kính, họ cúng dường một cách vô lễ.
- 8) Họ không ngồi nghe pháp.
- 9) Họ không nói chuyện với giọng hoan hỷ.

Ngược lại, một gia đình có chín điểm đủ tư cách thì có quyền nhận sự thăm viếng của các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo chưa đến gia đình ấy thì nên đến, đã đến rồi thì nên ngồi. Chín điểm ấy là gì?

- 1) Họ đứng lên để gặp các Tỳ-kheo một cách vui vẻ.
- 2) Họ chào hỏi một cách vui vẻ.
- 3) Họ mời ngồi một cách vui vẻ.
- 4) Họ không giấu diếm những gì họ có.
- 5) Có nhiều, cho nhiều.
- 6) Có thức ăn thượng hạng, cho thức ăn thượng hạng.
- 7) Họ không cúng dường một cách vô lễ. Họ cúng dường một cách tôn kính.
- 8) Họ ngồi nghe pháp.
- 9) Họ nói chuyện với giọng hoan hỷ.

Phật nói tiếp:

- Đại vương, vì lý do này đệ tử của Ta thiếu lòng tin nơi ông, vì lý do này họ đã không đến. Ngay cả những bậc minh triết thuở xưa ở nhằm một nơi không an vui, tin tưởng, dù được phục vụ đầy đủ vẫn bị khổ sở đến lâm trọng bệnh, phải bỏ đến một nơi lòng họ thấy an vui, tin cậy.

Nhà vua vì muốn mua chuộc lại lòng tin của Tăng đoàn nên nghĩ cách là cưới một cô gái thân tộc của Thế Tôn. Như thế các Sa-di và những người tập tu sẽ đến cung vua, vì bây giờ là thân tộc với Thế Tôn.

Vua gửi sứ giả đến. Họ Thích bối rối không biết tính sao vì vua là kẻ thù của họ, nếu từ chối sẽ bị vua phá hoại, hơn nữa vua lại không cùng đẳng cấp.

Vua Thích *Mahànàma* đề nghị gả con gái của mình tên *Vàsabhakhattiyà*, là một con của một tỳ thiếp. Sứ giả về thuật lại. Vua hân hoan vì biết Thích *Mahànàma* là anh em chú bác với Thế Tôn. Vua cử sứ giả đi đón cô gái, không quên dặn dò.

- Những ông hoàng thuộc giai cấp chiến sĩ này rất dối trá, người chỉ đưa cô ta về khi chắc chắn cô ta cùng ngồi ăn với cha.

Mọi việc xong xuôi, và sau đó *Vàsabhakhattiyà* được tấn phong hoàng hậu với năm trăm cung nữ theo hầu. Chẳng bao lâu bà sanh một hoàng nam. Vua vui sướng sai người hầu đem tin đến cho Thái Thái hậu, tức là bà nội vua để xin đặt tên. Thái thái hậu thốt lên:

- Trước khi sanh hoàng nam, hoàng hậu đã được lòng mọi người. Bây giờ chắc vua càng phải "sủng ái" hoàng hậu hơn hết.

Nhưng người hầu này lãng tai, do anh ta nghe lầm chữ "*Vallbhà*" là sủng ái thành "*Vidùdabha*" (tức lưu ly) nên về tâu với vua.

- Thái thái hậu bảo đặt tên cho hoàng tử là Lưu Ly.

Vua tuân theo, vì nghĩ rằng đó là một tên rất xưa trong hoàng tộc. Dù còn nhỏ, hoàng tử được ban chức cho thống lãnh quân đội vì vua tin rằng như thế sẽ làm vui lòng Thế tôn.

Hoàng tử lúc bảy tuổi thấy các hoàng tử khác được bà ngoại tặng voi, ngựa và nhiều quà khác, thèm thuồng hỏi mẹ sao mình không có. Hoàng hậu đành trả lời là ông bà ngoại thuộc dòng họ Thích ở xa lắm. Lên mười sáu tuổi chàng lại nói với mẹ muốn đi thăm bên ngoại, bà lại thối thác bảo xa lắm đi làm gì, chàng đòi mãi, cuối cùng bà mẹ xiêu lòng cho đi với đoàn tùy tùng đông đảo và một lá thư dặn dò. Dù vậy, họ Thích vẫn đối xử với chàng lạnh nhạt, họ cho các ông hoàng nhỏ về quê hết nên không ai đến chào kính chàng. Họ giới thiệu với chàng cọc lốc:

- Đây là ông ngoại bạn, đây là chú bạn.

Ở lại vài ngày, hoàng tử Lưu ly cùng đoàn tùy tùng lên đường trở về. Một tỳ nữ lau chùi chỗ ngồi của chàng tại nhà nghỉ hoàng gia với nước và sữa, đã nói giọng khinh bỉ:

- Đây là chỗ ngồi của con trai nàng hầu *Vàsabhakhattyyà*.

Một người lính bỏ quên thanh kiếm trở lại lấy, nghe hết lời cô tỳ nữ. Điều tra và biết rằng *Vàsabhakhattyyà* là con gái của một tỳ nữ của Thích *Mahànàma*, anh ta loan tin trong quân đội làm náo động mọi người. Hoàng tử Lưu Ly biết chuyện thề rằng: "Bây giờ họ Thích lau chỗ ngồi của ta bằng sữa với nước, khi ta làm vua trong vương quốc của ta, ta sẽ lau chỗ ngồi của ta bằng máu phun ra từ cổ họng họ."

Đoàn quân về đến Xá-vệ thì tin tức cũng đến tai vua. Tức giận giọng họ Thích, ông truất phế hoàng hậu và hoàng tử, giáng xuống làm người hầu.

Vài ngày sau, Thế Tôn đến hoàng cung, vua bạch lại tự sự. Thế Tôn khuyên vua:

- Đại vương! họ Thích làm thế không đúng. Muốn gả con cho vua họ phải lựa người cùng đẳng cấp. Nhưng này Đại vương! Ta cần nói thêm cho ông rõ *Vàsabhakhattiyà* là con gái của vị vua đã nhận lễ phong vương thuộc giai cấp chiến sĩ, và *Vidùdabha* cũng là con của vua. Có quan trọng gì gia đình người mẹ? Chỉ có gia đình người cha mới thật là thước đo địa vị xã hội. Minh quân thời xưa vẫn phong hoàng hậu cho một cô gái lượm củi nghèo nàn, và hoàng tử con của cô là vua xứ Ba-la-nại, một thành rộng mười hai dặm, tên vua là *Katthavàhana*.

Rồi Thế Tôn kể chuyện bốn sanh *Katthavàhana*. Vua nghe pháp sanh tâm hoan hỷ và phục hồi vương tước cho hoàng hậu và hoàng tử.

Tại Câu-thi-na, cô *Mallikà* con gái của ông *Mallikà*, và bà vợ của *Bandhula* vị thống lãnh quân đội, đã từ lâu hiếm muộn không sinh nở. *Bandhula* đuổi cô về nhà. Trước khi về cô vào kỳ-viên đánh lễ Thế Tôn và đứng hầu. Thế Tôn hỏi thăm, cô kể lại và được Ngài khuyên hãy trở lại nhà chồng. *Bandhula* được nàng thuật lời dạy của đấng thập lực, biết rằng Phật có lý do nào đó nên chấp thuận.

Chẳng bao lâu *Mallikà* mang thai, và chợt thêm được tắm và uống nước trong hồ sen ở Vệ-xá-ly của các ông hoàng Lệ-xá thường dành cho buổi lễ đăng quang. *Bandhula* chiều ý lấy cây cung mà một ngàn người mới giương nỏ, đặt vợ lên xe và đánh xe từ Xá-vệ đến Vệ-xá-ly, vào thành

bằng cổng dành cho ông hoàng Lệ-xá *Mahàli*. Nghe tiếng xe của *Bandhula*, *Mahàli* đang ở trong ngôi nhà sát bên cổng, hiểu ngay là các ông hoàng Lệ-xá sắp bị phiền nhiễu.

Hồ sen được canh gác kỹ lưỡng từ trong lẫn ngoài. Bên trên hồ có giăng một lưới sắt, mắt nhỏ đến nỗi chim bay không lọt. Tướng lãnh *Bandhula* ngang nhiên xuống xe, tấn công lính canh, đuổi họ chạy rồi xé lưới sắt, xuống hồ sen cùng tắm với vợ. Xong ông ra khỏi thành, theo con đường cũ trở về.

Lính canh báo động cho các ông hoàng Lệ-xá. Họ phần nộ mang năm trăm xe đuổi theo, quyết bắt cho kỳ được *Bandhula* và *Mallikà*. Nhưng *Mahàli* ngăn lại vì sợ họ bị giết hết. Mặc, họ vẫn ra đi. *Mahàli* lại cảnh cáo họ, hãy quay lại khi thấy xe của *Bandhula* lún xuống đất trên trục xe, nếu họ vẫn chạy tiếp sẽ nghe tiếng sét nổ trước mặt, nếu họ không quay lại sẽ thấy một lỗ hổng trên ách xe của họ, khi đó họ chớ nên đi xa hơn. Mặc, họ vẫn đuổi theo không quay lại.

Mallikà trông thấy xe đuổi phía sau, báo với chồng, *Bandhula* dặn khi tất cả xe xếp thành hàng chữ nhất thì cho biết. Lúc đó ông trao dây cương cho vợ rồi nâng cung lên, bánh xe của ông liền lún xuống đất đến trục xe. Các ông hoàng vẫn đuổi theo. Ông búng dây cung, tiếng nổ vang lên như sét đánh. Họ vẫn không quay lại. Ông bắn một mũi tên thành một lỗ hổng trước mỗi xe, xuyên qua thắt lưng của năm trăm ông hoàng

và chui xuống đất. Các ông hoàng Lệ-xá không biết là mình đã bị bắt, lại cố la to:

- Dừng lại! Dừng lại!

Và họ vẫn tiếp tục đuổi theo. *Bandhula* dừng xe nói:

- Các anh toàn là người chết. Ta không đánh nhau với người chết!

- Chúng ta là người chết sao?

- Hãy nói lỏng thắt lưng của vị chỉ huy trưởng các anh!

Họ nói lỏng thắt lưng ông hoàng kia. Ngay lúc ấy, ông ta ngã xuống chết.

Bandhula nói:

- Tất cả các anh cùng chung cảnh ngộ. Hãy về nhà giải quyết mọi việc cần thiết, dặn dò vợ con lần cuối, sau đó hãy cưới giáp.

Họ làm theo lời, và cuối cùng những ông hoàng ấy ngã ra chết hết.

Bandhula dẫn *Mallikà* về xá-vệ.

Mallikà sinh đẻ tất cả mười sáu lần, lần nào cũng sinh đôi. Con của bà đều dũng kiện, sức mạnh phi thường thành đạt nhiều học thuật. Mỗi người có một ngàn tùy tùng. Mỗi khi theo cha đến hoàng cung, sân chánh điện chật ních người của họ.

Có lần trong một vụ án lừa đảo, *Bandhula* xử lại vụ kiện sáng suốt và công bằng, người chủ thật sự được quyền hợp pháp. Dân chúng hoan hô và tán thán ông. Chuyện đến tai vua, các quan tòa bị cách chức, mọi quyền hành được vua giao lại cho *Bandhula*. Thấy quyền lợi bị thiệt hại, các quan tòa gây chia rẽ trong hoàng tộc bèn loan tin *Bandhula* muốn

chiếm ngai vàng. Vua tin lời họ, muốn trừ khử *Bandhula* nên mua chuộc một số người, bảo họ nổi loạn ở biên giới và phái *Bandhula* đi dẹp loạn, đồng thời ngầm sai một nhóm lính hùng mạnh đi theo ông để chặt đầu ông và ba mươi hai người con mang về. Kết quả xảy ra đúng như vua mong muốn.

Ngày hôm ấy, *Mallikà* mời hai đại đệ tử của Phật cùng năm trăm Tỷ-kheo đến nhà trai tăng. Bà nhận thư báo hung tin, xem xong thản nhiên cất thư vào túi áo, và tiếp tục thết đãi tăng chúng như không có việc gì xảy ra. Lúc bấy giờ các tỷ nữ đang dâng thức ăn, sẵn tay làm bể hũ mật trước mặt các Trưởng Lão. Ngài xá-lợi-phất khuyên bà đừng quan tâm đến đồ vật vì bản chất của chúng là bể nát. *Mallikà* rút bức thư trong túi ra thưa:

- Con vừa nhận được tin chồng và các con đều bị chặt đầu, lòng con chẳng hề xao xuyến, hưởng hồ một cái hũ bể, thưa tôn Giả?

Vị thống soát của niềm tin đọc bài kệ bắt đầu như sau: "Tuổi thọ chúng sanh đây, bao lâu thật khó biết...".

Thuyết pháp xong ngài đứng dậy trở về tinh xá, *Mallikà* gọi ba mươi hai nàng dâu đến khuyên nhủ:

- Chồng các con không có tội lỗi gì, chỉ lãnh quả báo nghiệp ác đời trước. Đừng đau buồn, đừng than khóc! Hãy yêu thương, đừng oán giận nhà vua!

Gián điệp của vua nghe được, tâu lại, vua cảm động vô cùng, đến gặp *Mallikà* xin bà và các con dâu tha thứ, và vua sẽ ban cho bà một ân huệ. Bà nhận lời.. Cúng giỗ cho chồng và các con xong, bà đi tắm rồi đến cung vua xin được ân huệ là trở về quê với các con dâu. Các con dâu về nhà họ, còn bà về nhà mình ở Câu-thi-na. Vua ban chức thống lãnh quân đội cho *Dìghakàràyana*, một người cháu của *Bandhula*. Nhưng ông này đi đâu cũng mắng nhiếc vua là đã giết chú của mình.

Kể từ ngày giết oan *Bandhula*, vua ăn năn đau khổ, lòng bất an và chẳng còn niềm vui nào trong việc an dân trị nước. Thời gian đó đấng Đạo sư đang ngụ gần ngôi làng nhỏ *Ulumpa* của họ Thích. Vua cấm trại cách đó không xa. Ông đến tinh xá đánh lễ Thế Tôn với số ít người hầu thân tín. Vua bước vào hương thất một mình, sau khi giao năm thứ biểu trưng vương vị cho *Dìghakàràyana* (Kinh *Dhammacetiya* đã kể như vậy).

Ông này nhận năm món ấy xong liền tôn hoàng tử Lưu Ly lên ngôi, trở về Xá-vệ, chỉ để lại một con ngựa và một tỳ nữ.

Vua thăm hỏi Thế Tôn xong trở ra không thấy quân lính, hỏi tỳ nữ biết tự sự, bèn định cùng với cháu bắt Lưu ly. Ông đi Vương-xá, đến cổng thành trời đã tối. Kiệt sức vì phơi mình ngoài nắng gió, vua Ba-tư-nặc nằm nghỉ trong một quán trọ và tắt thở ngay đêm ấy.

Trời hừng sáng, người ta nghe tiếng đàn bà than khóc:

- Vua của xứ *Kosala* hỡi! Ngài chỉ còn một mình, mất hết người che chở rồi!

Tân vương thành Vương Xá được họ đến báo tin bèn cử hành tang lễ trọng thể.

Nhớ lại thù xưa, vua Lưu Ly dẫn một đoàn quân ra khỏi thành cốt giết cả dòng họ Thích. Thế Tôn quan sát thế gian vào buổi sáng, thấy thân tộc sắp bị tiêu diệt, có ý muốn bảo vệ. Ngài đi khát thực, trở về nằm nghiêng bên phải như sư tử trong hương thất. Chiều, Ngài bay lên trời và ngồi xuống một gốc cây trơ trọi, ít bóng mát, trong vùng lân cận Ca-tỳ-la-vệ. Cách đó không xa, có một cây đa thật to, bóng mát che rợp, nằm ở bên biên giới của vương quốc Lưu Ly. Vua Lưu Ly ngạc nhiên tại sao Thế Tôn không ngồi dưới bóng mát cây đa khi trời quá nóng bức, bèn hỏi Thế Tôn và được Ngài trả lời:

- Đừng lo lắng! Đại vương! Bóng mát của thân bằng quyến thuộc là Ta mát mẻ.

Vua biết ý Thế Tôn muốn che chở dòng họ nên đánh lễ Ngài, quay về Xá-vệ. Thế Tôn cũng đứng lên bay về Kỳ Viên.

Lòng thù hận học Thích vẫn chưa nguôi ngoai, vua lại ra đi lần thứ hai. Thấy Thế Tôn còn ở chỗ cũ, vua đành quay về. Lần thứ ba cũng vậy. Đến lần thứ tư, Phạt quán sát thấy rõ hành động quá khứ của dòng họ Thích là đã ném thuốc độc xuống sông; biết không thể ngăn chặn được quả báo nên Ngài không đi đến gốc cây trơ trọi nữa. Thế là vua Lưu Ly với binh lực hùng hậu mặc tình tiến tới.

Thân tộc của Thế Tôn giữ giới nên không giết hại kẻ thù mình, họ thà chết hơn đoạt mạng sống kẻ khác. Họ mặc giáp lên đường chiến đấu, hy vọng dùng tài ba của mình khiến kẻ địch bỏ chạy. Những xạ thủ tài giỏi họ Thích khéo léo điều khiển mũi tên bắn xuyên qua khiên và kẻ hở lỗ tai, mà không trúng ai cả. Vua Lưu Ly thấy tên bay không tin rằng họ Thích giữ lời hứa không sát hại kẻ thù, nhưng khi đếm lại số người của mình còn nguyên, ông mới hết nghi ngờ. Tuy vậy ông vẫn ra lệnh bộ hạ giết hết họ Thích, trừ những người theo Thích *Mahànàma*.

Họ Thích đứng trên đất của mình, không còn biết cách xoay sở nào khác nên một nhóm ngậm lá cỏ trong răng, nhóm khác cầm lau sậy chực sẵn. Khi được hỏi có phải họ Thích *Sàkiyas* không, thì họ trả lời hoặc không phải *Sàka* (rau) mà là cỏ, hoặc không phải *Sàka* (rau) mà là sậy. Nhờ

vậy, hai nhóm này thoát chết. Sau, những người cầm lau sậy có tên là Thích-lau. Vì chữ *sàka* (rau) có âm tương tự chữ *Sàkiyas* (Thích) nên họ nói trớ để khỏi phạm giới vọng ngữ. Vua Lưu Ly chỉ tha những người đi theo Thích *Mahànàma*, ngoài ra trừ tiệt hết họ Thích không chừa đứa trẻ nào. Vua Lưu Ly đã gây ra một dòng sông máu, lau chỗ ngồi của mình bằng máu phun từ cổ họ Thích.

Vua trở về, bắt theo Thích *Mahànàma*. Đến giờ ăn sáng, vua muốn cùng ăn với ông ngoại *Mahànàma*. Giai cấp chiến sĩ thà chịu chết hơn cùng ăn với con của nô lệ, vì vậy ông từ chối, nhưng lại sợ vua giết mình, tấn thoái lưỡng nan đành chọn tự kết liễu đời mình. Ông viện có tay chân lấm bẩn xin đi tắm. Rồi ông xỏa tóc xuống, thắt gút ở đuôi, thóc ngón chân to lớn của ông vào tóc, lao mình xuống nước. Do công đức của ông, long cung bị nóng lên. Long vương ngạc nhiên bèn đến chỗ ông, đặt ông ngồi trên mây và đưa ông đến long cung. Ông ở lại đó mười hai năm. Vua Lưu Ly đợi mãi không thấy ông, cho lệnh rọi đèn xuống hồ tìm, khám xét trong mớ quần áo của bộ hạ ông nhưng không thấy ông đâu cả. Cho rằng ông đã đi, vua Lưu Ly lên đường. Vua đến sông *Aciravati* trong đêm và cắm trại ở lại. Đoàn tùy tùng của vua một số nằm trên bờ trên cát trong lòng sông cạn, một số nằm trên bờ đất cứng. Người nằm trên bờ cát là những người không phạm tội ác đời trước, bị kiến cắn nên lợi khỏi bờ cát lên nằm trên bờ đất; còn những người nằm trên bờ đất là những người phạm tội các đời trước, nên khiến lợi xuống bờ cát trong lòng

sông. Ngay lúc ấy một cơn bão thổi đến, mưa trút xuống không ngớt. Lũ lụt tràn ngập con sông, cuốn vua Lưu Ly và đoàn tùy tùng xuống biển làm mồi cho cá và rùa.

Dư luận xôn xao về việc họ Thích bị tàn sát và cho đó là bất công. Đức Phật giải thích là không phải bất công nếu biết nghiệp quá khứ, vì kiếp trước họ đã âm mưu ném thuốc độc xuống sông. Các Tỳ-kheo cũng lại bàn tán trong Pháp đường, Phật liền dạy:

- Các Tỳ-kheo! Trong lúc các chúng sanh này lo thỏa mãn tham vọng của họ, Diêm vương cắt ngắn mạng sống của họ và ném họ vào bốn biển phiền não, giống như lũ lụt cuốn trôi ngôi làng đang say ngủ.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(47) Người nhặt các loại hoa,

Ý đắm say, tham nhiễm,

Bị thần chết mang đi,

Như lục trôi làng ngủ.

Chương 06



TỪ BÌ

An lạc, ngủ ngon,

Tâm giải thoát,

Tuệ giải thoát



TỪ BI TÂM GIẢI THOÁT

(Nguồn: Tăng Chi Bộ Kinh Anguttara Nikàya. Chương 4 Pháp & Chương 6 Pháp. Trung Bộ Kinh Majjhima Nikàya. Số 52. Kinh Bát Thành & Mười Một Cửa Giải Thoát- Tâm Tịnh)

Pháp hữu nào tu tập tâm từ viên mãn, và tâm bi viên mãn, thời vị ấy thành tựu từ tâm giải thoát và bi tâm giải thoát, nhưng vị ấy vẫn tham luyến sự hỷ lạc do từ tâm giải thoát và bi tâm giải thoát mang lại, vị ấy

đặt quả Bất Lai, A Na Hàm. Vị ấy suy tư và được biết: "*Từ tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thì sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt*". Vị ấy do vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc", hữu kiết sử đã được đoạn tận, gánh nặng đã được đặt xuống, thành tựu chánh trí, bậc A La Hán, giải thoát mọi khổ đau.

Dưới đây là những lời Phật dạy được kết tập từ Tăng Chi Bộ Kinh Anguttara Nikàya. Chương Bốn Pháp, Chương Sáu Pháp, và Trung Bộ Kinh Majjhima Nikàya. Số 52. Kinh Bát Thành giúp quý Pháp hữu có cái nhìn đúng đắn, Chánh Kiến về từ bi tâm giải thoát qua đó làm cơ sở vững chắc trong việc tu tập để được chơn lạc và giải thoát mọi khổ đau.

Từ Tâm Giải Thoát thoát sân tâm & Bi Tâm Giải Thoát thoát hại tâm

Ai tu tập từ tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, sân tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện như vậy không xảy ra, này Hiền giả, cái này có khả năng giải thoát sân tâm, tức là từ tâm giải thoát".

Ai tu tập bi tâm giải thoát, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ, an trú, chất chứa và khéo léo tinh cần, tuy vậy, hại tâm vẫn ngự trị, an trú; sự kiện không xảy ra như vậy. Này Hiền giả, cái này có khả

năng giải thoát hại tâm, tức là bi tâm giải thoát".(Tăng Chi Bộ Kinh, Chương: Sáu Pháp, Phẩm: Cần Phải Nhớ)

Sự thù thắng của Bi Tâm Giải Thoát

Những đệ tử nào của Như Lai tu Tâm Từ Giải Thoát viên mãn cho dầu biết từ tâm giải thoát này là pháp hữu vi, là vô thường, chịu sự đoạn diệt, nhưng vẫn hoan hỷ pháp này, tham luyện pháp này, vị ấy sẽ đoạn được năm hạ phần kiết sử, và sau khi thân hoại mạng chung sẽ cộng trú với cõi trời Phạm Chúng, và ở đây sau khi hưởng thọ mạng một kiếp sẽ đắc A La Hán Quả và nhập niết bàn tại đấy, không thối thui trở lại đời này

Đệ tử nào của Như Lai tu tâm bi giải thoát viên mãn cho dầu biết bi tâm giải thoát này là pháp hữu vi, vô thường, chịu sự đoạn diệt, nhưng vẫn hoan hỷ và tham luyện pháp này, sau khi thân hoại mạng chung sẽ hóa sanh ở Quang Âm Thiên. Và sau khi sống trọn hai kiếp sẽ nhập Niết bàn tại đó, không quay trở lại đời này. Trong khi đó, người ngoại đạo tu tâm bi viên mãn cũng sẽ tái sanh vào Quang Âm Thiên, nhưng sẽ có thể tái sanh vào tam ác đạo sau khi hưởng trọn hai kiếp tại cảnh giới này.

(Tóm lược từ Tăng Chi Bộ, Chương Bốn Pháp, Phẩm XIII. Sợ Hãi)

Không tham luyến Bi Tâm Giải Thoát:

Chánh trí giải thoát, bậc A La Hán

Này Gia chủ, Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. **Vị ấy suy tư**

và được biết: "Từ tâm giải thoát này là pháp hữu

vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu

vi, do suy tư tác thành, thì sự vật ấy là vô thường,

chịu sự đoạn diệt". Vị ấy do vững trú ở đây, đoạn

trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn

trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Này Gia chủ, Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy

phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với bi, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "Bi tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thì sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy do vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

(Trung Bộ Kinh - 52 Kinh Bát thành)

Trong tứ vô lượng tâm, hành giả nào thành tựu viên mãn chỉ một tâm và từ đây nhận biết pháp này là pháp hữu vi, nên là vô thường, chịu sự đoạn diệt, không tham đắm, luyến ái pháp này (hỷ lạc sung mãn do hại tâm không còn ngự trị trong tâm vì thành tựu viên mãn bi tâm giải thoát)..., sẽ đoạn trừ các lậu hoặc, được giải thoát, bậc A La Hán.

Tâm Tịnh cần tập (Mười Một Cửa Giải Thoát)

Chuyện 19

Từ Bi Tâm



Từ Bi Tâm
Giải Thoát

*Ai chính với Từ tâm
Thương xót mọi thế giới
Trên, dưới và bề ngang,
Vô lượng trùm tất cả
Tâm từ bi vô lượng
Viên mãn, khéo tu tập,
Với nghiệp có hạn lượng
Tâm ấy không chất chứa.*

(Tiểu bộ kinh, Tập V. 169. Chuyện đạo sư Araka)

2

(Nguồn: *Tiểu Bộ Kinh-Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 169. Chuyện Đạo Sư Araka*)

169. CHUYỆN ĐẠO SƯ ARAKA (Tiền thân Araka)

Ai chính với Từ tâm...,

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo Sư kể về kinh Từ bi.

Một thời, bậc Đạo Sư nói như sau với các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, Từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm sung mãn, được làm như cỗ xe, được làm thành căn cứ địa, được thực hiện, được khéo nỗ lực, thì được mười một lợi ích. Thế nào là mười một? Ngủ an lạc, thức dậy an lạc, không thấy ác mộng, loài người kính yêu, chư Thiên bảo hộ, lửa, thuốc độc hay gươm không đến gần, tâm mau chóng được thiền định, sắc mặt tịnh tín, không hôn ám khi mệnh chung, trí tuệ minh mẫn, sanh lên Phạm thiên giới. Nay các Tỷ-kheo, Từ tâm giải thoát được thực hành sẽ được mười một lợi ích này.

Tán thán Từ tâm giải thoát đem lại mười một lợi ích này, Ngài còn dạy thêm:

- Một Tỷ-kheo cần phải tu tập Từ bi đối với tất cả chúng sanh, dù được bảo làm hay không, cũng phải hướng lòng từ, lòng bi đối với mọi loài. Như vậy đối với tất cả chúng sanh, dù được bảo làm hay không, một Tỷ-kheo cũng phải được tu tập từ tâm, bi tâm, hỷ tâm, xả tâm. Đó là bốn Vô lượng tâm. Làm như vậy, khi thân hoại mạng chung vị ấy sẽ sanh lên Phạm thiên giới dù không đạt Đạo hay Quả. Các bậc thiên trí thời xưa tu tập Từ tâm trong bảy năm, đã an trú ở Phạm thiên giới trong suốt bảy thành kiếp hoai kiếp.

Nói vậy xong, bậc Đạo Sư kể câu chuyện quá khứ.

*

Thuở xưa, trong một đời, Bồ-tát sanh ra trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài từ bỏ các dục, xuất gia làm vị ẩn sĩ, chứng được Bốn Vô lượng tâm và trở thành bậc Đạo Sư tên là Araka. Bồ-tát sinh sống trong khu vực núi Tuyết với một hội chúng lớn và Bồ-tát khuyên dạy giáo hội chúng ẩn sĩ:

- Người xuất gia phải tu tập Từ tâm, phải tu tập bi tâm, hỷ tâm, xả tâm. Từ tâm chứng được nhờ chú tâm trên đối tượng sửa soạn đưa vị ấy đến Phạm thiên giới.

Để nêu rõ những lợi ích của Từ tâm, Bồ-tát đọc các bài kệ:

Ai chính với Từ tâm
Thương xót mọi thế giới
Trên, dưới và bề ngang,
Vô lượng trùm tất cả
Tâm từ bi vô lượng
Viên mãn, khéo tu tập,
Với nghiệp có hạn lượng
Tâm ấy không chất chứa.

Như vậy, Bồ-tát nói lên những lợi ích tu tập Từ tâm cho các đệ tử. Rồi không từ bỏ thiên định, ngài sanh lên Phạm thiên, và trong suốt bảy thành kiếp, hoại kiếp, ngài không trở lại thế giới này.

*

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo Sư nhận diện Tiền thân:

- Lúc bấy giờ, hội chúng ẩn sĩ là hội chúng đức Phật, và Đạo Sư Araka là Ta vậy.

Chương 07

TRỊ QUỐC, AN DÂN BẰNG TÂM TỬ BI



Chuyện 20 Đạo Trị Quốc

Bố thí, thân ái, công bình & thiện trị

(Nguồn: *Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiền Thân số 468. Chuyện Đại Vương Janasandha*)

468. Chuyện Đại vương Janasandha (Tiền thân Janasandha)

Chúa tể Ja-na nói thế này...,

Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú ngụ tại Kỳ Viên về việc giáo hóa Quốc vương Kosala.

Có một thời, dân chúng bảo rằng vua mê đắm quyền lực buông mình vào các ác dục, không trị nước công minh, và ngày càng xao lãng việc đến yết kiến đức Phật. Một ngày kia, vua nhớ đến đấng Thập Lực liền suy nghĩ: "Ta phải đến viếng Ngài." Vì vậy, sau khi điếm tâm, vua ngự lên chiếc vương xa lông lẩy, tiến về tinh xá, đánh lễ Ngài và ngồi xuống. Đức Phật hỏi:

- Thưa Đại vương, thế nào? Đã lâu Đại vương không đến đây?

Vua đáp:

- Bạch Thế Tôn, trẫm quá bận việc nên không có dịp đến đây hầu cận Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

- Thưa Đại vương, xao lãng việc đến gặp các bậc Chánh Đẳng Giác như Ta thật là không đúng, Ta là một vị Phật ở ngay một tinh xá trước mặt, có thể khuyến giáo Đại vương. Một vị vua phải cai trị sáng suốt, trong mọi

*phận sự quân vương, **đối với thần dân như cha mẹ đối với con, từ bỏ mọi ác đạo, không bao giờ quên lãng Thập vương pháp (Mười Đức hạnh của một vị vua).***

Khi một vị vua chân chính, đám triều thần vây quanh cũng chân chính noi gương. Thật thế, nếu theo lời giáo huấn của Ta mà Đại vương đã phải cai trị chân chính thì cũng không lạ gì. Nhưng còn những bậc hiền tài ngày xưa, ngay cả thời chưa có một bậc Đạo Sư để giáo hóa vua chúa, mà nhờ tri kiến riêng của chính mình, các vua đó đã được an trú vào việc thực hành ba thiện nghiệp, thuyết Pháp cho một đám đông dân chúng và cùng các đoàn tùy tùng lên cộng trú với các hội chúng ở cõi Trời. Cùng với các lời này, theo sự thỉnh cầu của vua, bậc Đạo Sư kể một chuyện quá khứ.

Một thời, khi vua Brahmadatta trị vì Ba la nại, Bồ-tát sinh ra làm vị vương tử của chánh hậu. Cha mẹ ngài đặt tên ngài là vương tử Janasandha.

Bảy giờ đến tuổi trưởng thành và trở về từ Takkasilà, nơi ngài đã hoàn tất việc học tập, vua ra lệnh đại xá cho các tù nhân, và phong ngài chức Phó vương. Sau đó khi vua cha băng hà, ngài lên ngôi vua và ra lệnh xây sáu bố

thí đường: tại bốn cổng thành, giữa thành và tại cung môn. Cứ mỗi ba ngày, ngài phân phát sáu trăm ngàn đồng tiền và làm chấn động toàn cõi Diêm-phù-đề vì việc đại bố thí của ngài: ngài mở cửa ngục ra thả hết, phá bỏ những pháp trường, **ngài che chở cho mọi người bằng bốn thiện pháp (bố thí, thân ái, công bình, thiện tri); ngài giữ Ngũ giới, hành trì ngày trai giới và cai trị rất công chính.** Thỉnh thoảng ngài hội họp quần thần lại và thuyết Pháp cho họ:

- Các khanh hãy bố thí, thực hành giới đức chân chánh, đi theo công việc và nghề nghiệp của mình, tự giáo hóa mình trong lúc còn tuổi thanh niên, lo làm cho giàu có, đừng cư xử như một tên lừa đảo trong làng hoặc như một con chó, đừng quá khát khe hoặc thô ác, hãy làm bốn phận với cha mẹ, sống trong gia đình, hãy tôn trọng các bậc trưởng thượng.

Như vậy ngài khuyến khích quần chúng giữ chánh mạng.

Vào một ngày trai giới trắng tròn kia, sau khi đã hành trì ngày trai giới trọn vẹn, ngài tự nhủ: "Ta sẽ thuyết Pháp cho đại chúng để luôn luôn làm tăng trưởng lợi lạc cho họ và khiến họ tinh cần trong cuộc sống." Sau đó ngài ra lệnh đánh trống lên, bắt đầu với đám cung phi, sau đó toàn thể dân chúng

trong thành tụ tập lại. Tại sân châu ngài ngự trên một sàng tọa lộng lẫy đặt riêng biệt, dưới một ngôi đình được tô điểm toàn châu báu, và thuyết Pháp bằng những lời này:

- Hỡi dân chúng trong kinh thành, trẫm sẽ tuyên thuyết cho các người nghe những việc gì làm cho các người đau khổ và những việc gì không làm cho các người đau khổ. Hãy tỉnh giác, chú tâm nghe và khéo tác ý.

*

Bậc Đạo Sư mở miệng ra, đó chính là viên bảo châu giữa tất cả các chiếc miệng ở đời, chứa đầy Chân lý, và với giọng ngọt ngào như mật, ngài giải thích lời nói này với vua Kosala:

*1. Chúa tể Ja-na nói thế này,
Có mười điều đúng thật như vậy,
Nếu người quên việc thi hành chúng,
Thì kẻ đó liền chịu khổ ngay!*

*2. Không tạo, chẳng tích trữ đúng thời,
Lòng kia giày xéo khổ đau hoài,
Về sau hối tiếc vì suy nghĩ:
"Không kiếm giàu sang thuở trước rồi!"*

3. Với người không học, sống gian lao!

Suy nghĩ, ăn năn, nó khổ sâu:

Kiến thức mà nay cần sử dụng,

Nó không thềm học trước đi nào!

4. Hai lữ rồi ngày xưa, chẳng thật thà,

Vọng ngôn, ý ngữ chẳng nhân từ:

Xưa ta độc ác và cay nghiệt,

Nay thấy nhân duyên khổ đó mà.

5. Xưa ta sát hại thật hung tàn,

Chẳng một người nào được phát ban,

Vì việc đáng khinh này, (tự nhủ),

Nay ta phải chịu lắm buồn than.

6. Nó nghĩ, xưa ta lắm thiếp thê,

Ta đành mắc nợ đám người kia,

Vì ta bỏ chúng theo nàng khác,

Việc ấy, nay ta hối tiếc ghê!

7. Xưa đã chứa đầy thức uống ăn,

Nay buồn, nó hối tiếc vô ngần,

*Nghĩ rằng nó chẳng bao giờ cả
Thuở trước đem ban bố một lần.*

*8. Nó khổ vì khi có thể làm,
Nó không lo phụng dưỡng chăm nom
Mẹ cha nay đã thành già yếu,
Tuổi trẻ ngày nay đã lụi tàn.*

*9. Vì đã khinh thường vị giáo sư,
Những người khuyên bảo hoặc ông cha
Có làm nó đạt tròn tâm nguyện,
Việc ấy gây đau khổ xót xa.*

*10. Đối với Sa-môn quá hững hờ,
Nhiều nhà tu khổ hạnh ngày xưa
Sống đời thánh thiện và thông thái,
Khiến nó ăn năn tự bấy giờ.*

*11. Khổ hạnh thực thi thật tốt lành,
Thiện nhân thường vẫn được tôn vinh,
Trước kia nó chẳng làm điều đó,
Nay phải buồn khi kể chuyện mình.*

*12. Mười điều nhờ trí tuệ khôn ngoan,
Người thực hiện cho được vẹn toàn,
Đối với mọi người làm phận sự,
Sẽ không hề phải chịu ăn năn.*

*

Như vậy, cứ mỗi tháng hai lần, bậc Đại Sĩ thuyết giáo theo đường lối ấy cho đại chúng. Và đại chúng được an trú vào Giáo pháp của ngài và hoàn thành Mười thiện pháp này, nên được sinh lên Thiên giới.

*

Khi bậc Đạo Sư đã chấm dứt Pháp thoại này, Ngài bảo:

- Thưa Đại vương, như vậy các bậc trí nhân ngày xưa, dù chưa được dạy bảo mà chỉ do trí tuệ riêng của mình, đã thuyết Pháp và an trú đại chúng vào con đường đưa đến thiên giới.

Cùng với những lời này, Ngài nhận diện Tiên thân:

- Vào thời ấy, các đệ tử của đức Phật là dân chúng và Ta chính là vua Janasandha.

-ooOoo-

NGUỒN THAM KHẢO

1. Tích Truyện Kinh Pháp Cú. NXB Hồng Đức (2022). Tập I, Tập II & Tập III. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam
2. Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Chuyện Tiền Thân. Việt văn: Hòa Thượng Thích Minh Châu
3. Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Tiểu Tụng Việt văn: Hòa Thượng Thích Minh Châu
4. Tiểu Bộ Kinh Khuddaka Nikàya. Kinh Tập. Việt văn: Hòa Thượng Thích Minh Châu
5. Trung Bộ Kinh Majjhima Nikàya. Việt văn: Hòa Thượng Thích Minh Châu
6. Tăng Chi Bộ Kinh Anguttara Nikàya. Việt văn: Hòa Thượng Thích Minh Châu
7. Tương Ưng Bộ Kinh Samyutta Nikàya. Việt văn: Hòa Thượng Thích Minh Châu